

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH
BỆNH VIỆN QUÂN – DÂN Y TỈNH TRÀ VINH

---❖---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở **BỆNH VIỆN QUÂN – DÂN Y**
TỈNH TRÀ VINH



Thành phố Trà Vinh, tháng 11 năm 2024

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH
BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH

---❖---

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y
TỈNH TRÀ VINH**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y
TỈNH TRÀ VINH



GIÁM ĐỐC

Thư ký Đoàn Văn Tân

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



Lưu Chí Thiện

Thành phố Trà Vinh, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH	vii
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	8
1.Tên chủ cơ sở	8
2.Tên cơ sở	8
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	10
3.1.Công suất hoạt động của cơ sở.....	10
3.2.Công nghệ sản xuất của cơ sở	13
3.3.Sản phẩm của cơ sở	14
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước.....	14
4.1.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất	14
4.2.Nhu cầu sử dụng nước.....	16
4.3.Nhu cầu sử dụng điện.....	17
5.Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	17
5.1.Quá trình thành lập.....	17
5.2.Hiện trạng các hạng mục công trình	18
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	20
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	20
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	20
2.1.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải	20
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí	33
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	34

1.Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	34
1.1.Thu gom, thoát nước mưa	34
1.2.Thu gom, thoát nước thải	36
1.3.Xử lý nước thải.....	39
Nguồn tiếp nhận nước thải	41
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	45
2.1.Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý và công trình xử lý bụi, khí thải	45
2.2.Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác	46
3.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	48
3.1.Công trình lưu trữ chất thải rắn	48
3.2.Công trình xử lý chất thải rắn	48
3.3.Chủng loại, khối lượng chất thải rắn.....	49
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	50
4.2.Công trình xử lý chất thải nguy hại.....	51
4.3.Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại	52
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	53
5.1.Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	53
5.2.Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung.....	54
6.Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	54
6.1.Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với HTXL nước thải.....	54
6.2.Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ tắc đường cống thu gom, thoát nước thải.....	56
6.3.Phòng ngừa, giảm thiểu sự cố vỡ tắc đường cống thu gom, thoát nước mưa.....	56
7.Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	56
7.1.Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ	56
7.2.Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của tia bức xạ từ phòng chụp X-quang	57
7.3.Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh	58

8.Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	59
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	60
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	60
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có.....	61
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63
1.Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	63
2.Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí.....	65
2.1.Kết quả quan trắc năm 2023.....	65
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	67
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm.....	67
2.Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật	68
2.1.Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	68
2.2.Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	68
2.3.Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở.....	68
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	68
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	70
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	71

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên – Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1.Tọa độ các điểm góc ranh khu đất của Bệnh viện.....	9
Bảng 2.Nhu cầu các loại hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh	14
Bảng 3.Nhu cầu tiêu thụ nước.....	16
Bảng 4.Quy mô và hiện trạng các hạng mục công trình.....	18
Bảng 5.Vị trí và thời gian lấy mẫu	23
Bảng 6.Kết quả thử nghiệm sông Long Bình (Rạch Trà Vinh).....	24
Bảng 7.Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước thải sau xử lý.....	25
Bảng 8.Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})	27
Bảng 9.Kết quả phân tích nước mặt Rạch Trà Vinh	28
Bảng 10.Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})	29
Bảng 11.Kết quả phân tích nước thải sau xử lý	30
Bảng 12.Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh (ký hiệu: L_{t1})	30
Bảng 13.Danh mục các nguồn thải điểm (L_t) và nguồn thải diện (L_d) trên địa bàn thành phố Trà Vinh xả thải vào nguồn nước mặt Rạch Trà Vinh.....	31
Bảng 14.Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong các nguồn thải điểm (L_t) và nguồn thải diện (L_d).....	31
Bảng 15.Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong các nguồn thải điểm (L_t) và nguồn thải diện (L_d) (tt).....	32
Bảng 16.Tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải	32
Bảng 17.Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh).....	33
Bảng 18.Lưu lượng nước thải	39
Bảng 19.Thông số kỹ thuật các công trình đơn vị	43
Bảng 20.Danh mục máy móc thiết bị.....	45
Bảng 21.Khối lượng của từng loại chất thải nguy hại năm 2024	52

Bảng 22. Danh mục thiết bị, phương tiện PCCC	57
Bảng 23. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý	60
Bảng 24. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	63
Bảng 25. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023	63
Bảng 26. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024	64
Bảng 27. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí năm 2023 ...	65
Bảng 28. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí năm 2024 ...	66
Bảng 29. Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc nước thải hàng năm	69

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 1.Sơ đồ vị trí Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh.....	9
Hình 2.Sơ đồ tổ chức của Bệnh viện.....	11
Hình 3.Quy trình khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh.	13
Hình 4.Sơ đồ các hạng mục công trình của Bệnh viện	12
Hình 5.Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.....	34
Hình 6.Sơ đồ thu gom và tiêu thoát nước mưa	35
Hình 7.Hệ thống tiêu thoát nước mưa chảy tràn.....	36
Hình 8.Quy trình thu gom nước thải	37
Hình 9.Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại	40
Hình 10.Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung	41
Hình 12.Khuôn viên cây xanh của Bệnh viện.....	48
Hình 13.Một số hình ảnh của các loại thùng chứa chất thải rắn y tế thông thường và nhà kho chứa chất thải tái chế	49
Hình 14.Quy trình quản lý, xử lý chất thải y tế	50
Hình 15.Một số hình ảnh của các loại thùng chứa và nhà kho chứa CTNH	53
Hình 16.Vị trí lấy mẫu quan trắc nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh.....	62
.....	62

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh**
- Địa chỉ: Số 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Thượng tá Đoàn Văn Tân.
Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02943.865 757 Email: bvqdytravinh@gmail.com
- Mã số thuế: 2100475120

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh**

Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh được thành lập theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND tỉnh Trà Vinh. Bệnh viện được nâng cấp từ bệnh xá Quân y thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động chính thức vào đầu năm 2010.

Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh là cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh được hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có con dấu theo tên gọi và được mở tài khoản riêng để giao dịch.

- Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh tọa lạc tại số 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh với tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông: Tiếp giáp Trung tâm Thanh thiếu nhi Thành phố (khoảng 5m);
- + Phía Tây: Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai;
- + Phía Nam: Tiếp giáp nhà dân (khoảng 5m);
- + Phía Bắc: Tiếp giáp Tịnh xá Ngọc Vân và nhà dân (khoảng 5m)

Vị trí của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thể hiện khái quát trong sơ đồ sau:



Hình 1. Sơ đồ vị trí Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Tọa độ các điểm góc ranh khu đất xây dựng Bệnh viện (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°) được thể hiện trong các bảng sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm góc ranh khu đất của Bệnh viện

Mốc giới	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
V1	1098131	591117
V2	1098097	591230
V3	1098005	591154
V4	1098057	591074

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt cơ sở:

+ Công văn số 513/UBND-KTKT ngày 02/3/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc lập dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân dân y tỉnh;

+ Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh;

+ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh làm chủ đầu tư;

+ Quyết định số 204/QĐ-BTL ngày 11/2/2015 của Bộ tư lệnh quân khu 9 về vị trí đóng quân của Bệnh viện quân dân y tỉnh Trà Vinh;

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại ngày 18/9/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh. Mã số QLCTNH: 84.000102.T (cấp lần 1);

+ Công văn số 950/STNMT-CCBVMT ngày 11/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh”;

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

+ Giấy phép số 01/GP-SKHCCN ngày 12/01/2023 của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Trà Vinh về việc tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế);

- Quy mô của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh:

+ Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh là bệnh viện hạng III có chức năng khám bệnh, chữa bệnh cho lực lượng vũ trang trong tỉnh và nhân dân.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công và tổng vốn đầu tư của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh là 6.986.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu đồng*): thuộc nhóm B.

+ Dự án thuộc nhóm II theo quy định tại tiểu mục 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm a Khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định. Bệnh viện được nâng cấp từ bệnh xá Quân y thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động chính thức vào đầu năm 2010.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

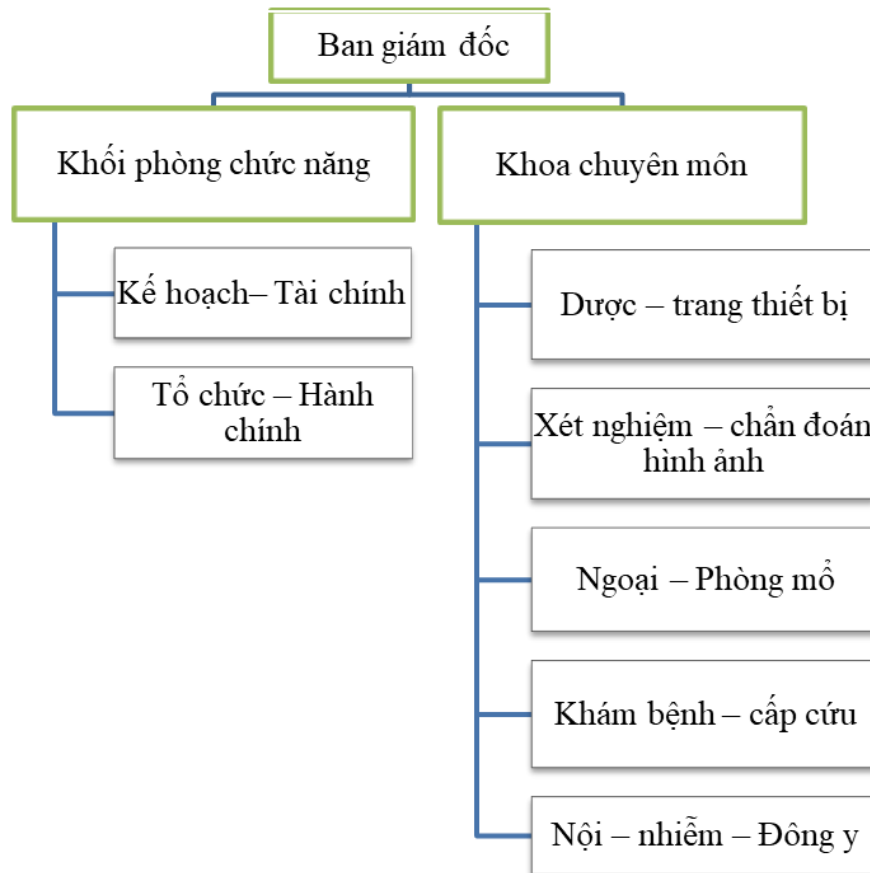
Số giường bệnh:

+ Theo kế hoạch: 100 giường bệnh.

- + Số giường thực tế: 50 giường bệnh.
- Tổng số 07 khoa, phòng:
- + 03 khoa lâm sàng.
- + 02 khoa cận lâm sàng.
- + 02 phòng chức năng.

Thời gian hoạt động của Bệnh viện từ 07 giờ đến 22 giờ hằng ngày, có Bác sĩ trực 24/24 để kịp thời khám chữa bệnh trong các trường hợp nguy cấp.

Bệnh viện hoạt động với quy mô 50 giường bệnh chủ yếu nhận và điều trị bệnh nhẹ, thực hiện các ca tiểu phẫu và điều trị ngoại trú. Hiện nay đội ngũ công nhân viên làm việc tại Bệnh viện là 69 người. Trong đó, bao gồm Bác sĩ, điều dưỡng, y sĩ; dược viên; kỹ thuật viên; nhân viên tài chính, văn phòng; tài xế. Sơ đồ tổ chức của Bệnh viện như sau:



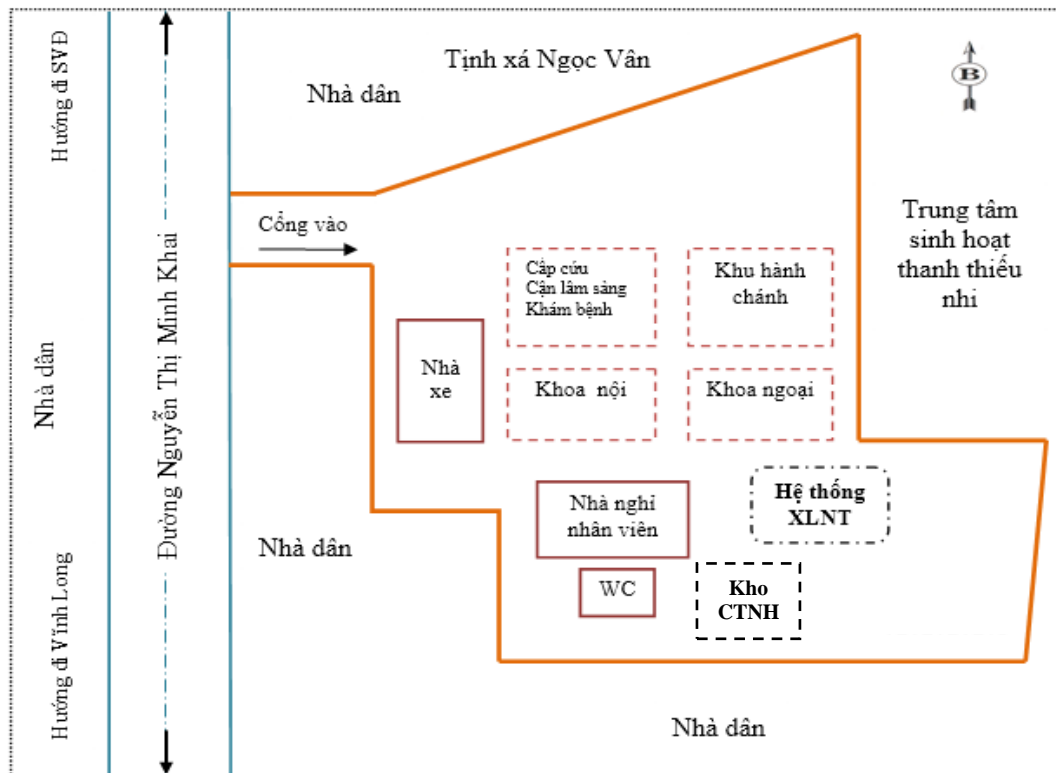
Hình 2. Sơ đồ tổ chức của Bệnh viện

Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh có tổng diện tích là 21.485 m² trong đó có diện tích xây dựng 3.179 m². Quy mô các hạng mục công trình thuộc Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1. Quy mô Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Ghi chú
A	Các hạng mục công trình chính	3.179,00	
1	Khu khám, cấp cứu và điều trị ngoại trú cận lâm sàng	2.125,60	
2	Khu điều trị nội trú	1.053,40	Trong đó diện tích chính 475,7 m ² , diện tích phụ 477,7 m ²
B	Hạng mục các công trình phụ	18.306,00	
1	Nhà xe khách	125	
2	Nhà xe cán bộ	140	
3	Nhà ở cán bộ	282	
5	Nhà cầu nối	79,4	
6	Nhà vệ sinh	42	
7	Hệ thống xử lý nước thải	64	
8	Ao nuôi cá 1.700 m ³	-	
9	Sân, đường, công thoát nước chung	562,8	
10	Nhà kho CTNH	09	
11	Nhà kho rác thải tái chế	32	
12	Nhà máy phát điện dự phòng	32	
13	Đất trồng	14.788	
14	Cây xanh	2.150	
	Tổng cộng	21.485,00	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

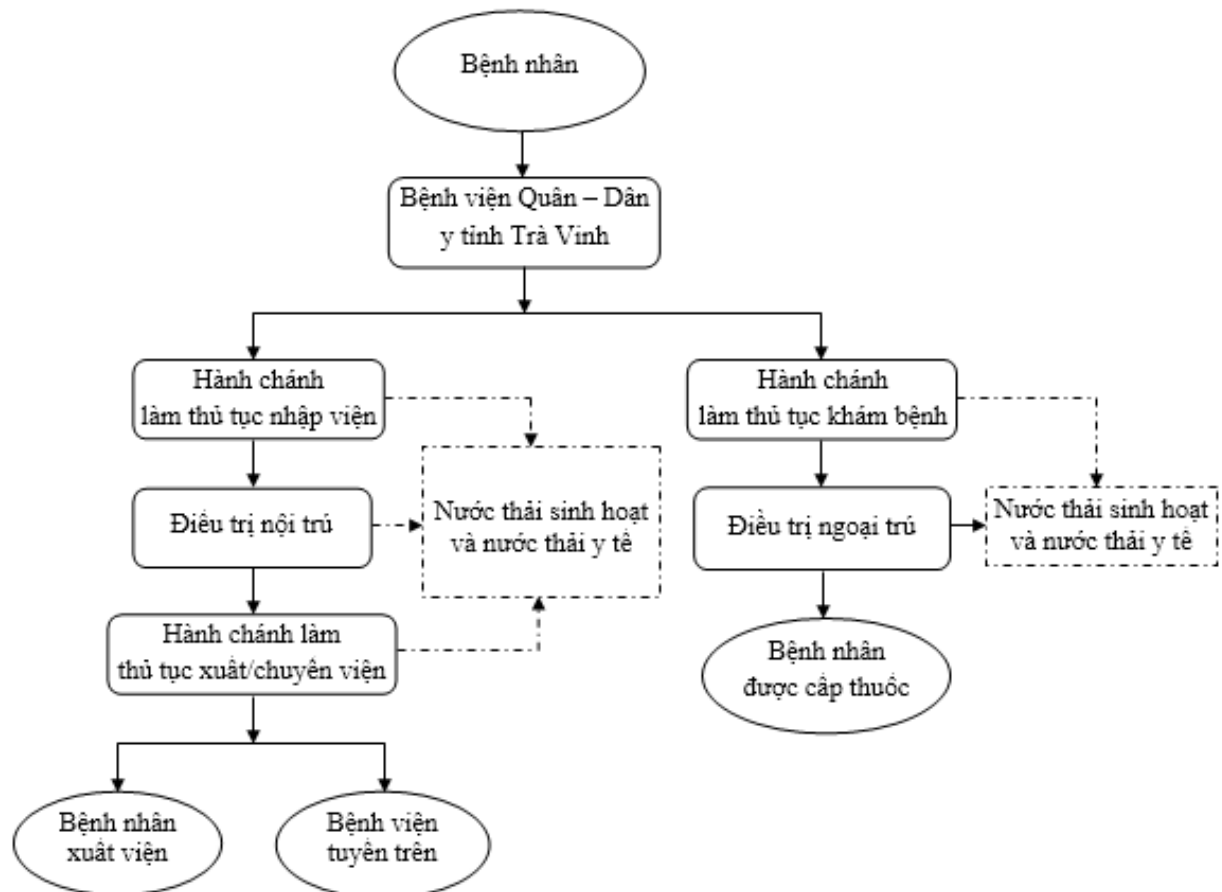


Hình 3. Sơ đồ các hạng mục công trình của Bệnh viện

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Khi đến Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh, bệnh nhân sẽ được cán bộ y Bác sĩ tại Bệnh viện tư vấn khám sức khỏe và chữa bệnh. Tùy theo tình trạng sức khỏe và tình trạng bệnh mắc phải mà bệnh nhân được Bác sĩ cấp thuốc, điều trị ngoại trú hay nội trú hay chuyển lên Bệnh viện tuyến trên để tiếp tục điều trị.

Quy trình hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được trình bày trong sơ đồ sau:



Hình 4. Quy trình khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

* **Thuyết minh quy trình:** Quy trình hoạt động của Bệnh viện thực hiện như sau:

- Bệnh nhân sẽ liên hệ với bộ phận tiếp tân để trình bày yêu cầu khám chữa bệnh, sau khi tiếp nhận thông tin bộ phận tiếp tân sẽ xem xét bệnh nhân có bảo hiểm y tế (BHYT) hay không có bảo hiểm y tế để bố trí cho bệnh nhân đến khoa khám chữa bệnh phù hợp.

- Nếu bệnh nhân có BHYT sẽ được tiếp nhận khám chữa bệnh theo từng bệnh phù hợp tại các phòng khám, sau đó sẽ được phát thuốc tại quầy phát thuốc có BHYT và ra về.

- Đối với bệnh nhân không có BHYT sẽ phải đóng phí khám chữa bệnh trước đó rồi mới được tiếp nhận khám chữa bệnh theo từng bệnh phù hợp tại các phòng khám, nếu có chỉ định cận lâm sàng thì bệnh nhân sẽ phải đóng viện phí về việc khám cận lâm sàng và sau đó quay về lại phòng khám và tiếp tục khám chữa bệnh, sau đó bệnh nhân sẽ nhận được toa thuốc của Bệnh viện và ra về.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Số lượt khám bệnh tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh: khoảng 350 lượt/ngày.

- Số lượt điều trị nội trú tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh: khoảng 04 người/ngày.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất

Các loại hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đảm bảo không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:

Bảng 2. Nhu cầu các loại hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình/năm	ĐVT
A	Vật tư Y tế tiêu hao		
1	Nhiệt kế thuỷ ngân	7	Cây
2	Dây chuyên dịch	684	Sợi
3	Chỉ nylon 3.0	10	Tép
4	Chỉ nylon 3/0 kim tam giác	7	Tép
5	Chỉ chromic 2/0 kim tròn	1	Tép
6	Đè lưỡi gỗ tiết tủng	29	Hộp
7	Giấy điện tim	7	Cuộn
8	Giấy lau kính hiển vi	2	Xấp
9	Ống nghiệm 5ml	4000	Cái
10	Khẩu trang giấy	6	Hộp
11	Khẩu trang giấy 2 lớp	1800	Cái
12	Dầu soi kính hiển vi 500 ml	1	Chai
13	Dây ra gô	15	Sợi
14	Băng cuộn	10	Cuộn
15	Gạc nhỏ	5	Bịch
16	Gạc lớn	162	Bịch
17	Găng tay	10	Hộp

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình/năm	ĐVT
18	Găng tay vừa 6,5-7-7,5	1028	Cặp
19	Mask phun khí dung người lớn	12	Cái
20	Còn 90%	39	Lít
21	Băng cuộn bảo thạch	20	Cuộn
22	Lam men	20	Hộp
23	Đầu col xanh	2	Bịch
24	Đầu col vàng	2	Bịch
25	Lọ đựng nước tiểu	40	Cái
26	Lam kính	4	Hộp
27	Thuốc rửa phim XQ	1	Bộ
28	Phim XQ 35x35	4	Hộp
29	Phim XQ 30x40	7	Hộp
30	Phim XQ 24x30	8	Hộp
31	Máy huyết áp Yamasu	2	Bộ
32	Ống nghe	4	Cái
33	Povidine 500ml	2	Chai
34	Băng keo lụa xé 1.25*5m	20	Cuộn
35	Băng keo lụa xé 2,5*5m	80	Cuộn
36	Âm kế - nhiệt kế	1	Cái
37	Bông gòn thấm nước	4	Kg
38	Ống nghiệm ly tâm	8	Cái
39	Dao mổ	10	Cái
40	Kim luồn	137	Cây
41	Kim bướng số 23	462	Cây
42	Kim rời 18Gx1 1/2	181	Cây
43	Kim rời 18Gx1 1/3	2284	Cây
44	Bơm tiêm 5cc	16	Hộp
45	Ống tiêm 5cc 25Gx1 1/2	30	Ống
46	Ống tiêm 10cc 23Gx 1 1/2	299	Ống
47	EDTA	3000	Cái
48	Oxy 2 mũi lớn	18	Sợi
B	Hoá chất xét nghiệm		
1	Albumin 250 ml	1	Hộp
2	BID 200 ml	1	Hộp
3	Cholesterol 800 ml	1	Hộp
4	Lancet	1	Hộp
5	URS	1	Hộp
6	Hpylori	300	Test
7	HDL Direct 160 ml	1	Hộp

TT	Nguyên liệu thô/hoá chất	Số lượng trung bình/năm	ĐVT
8	Dengue	24	Test
9	Hbs Ag 5mm	500	Test
10	HCV 5mm	500	Test
11	HIV	50	Test
12	Calcium 100ml	2	Hộp
13	Creatinine 1200 ml	1	Hộp
14	GGT 50ml	5	Hộp
15	HDL Direct 80 ml	2	Hộp
16	Erba norm	1	Hộp
17	Erba path	1	Hộp
18	Glucose 1000 ml	1	Hộp
19	SGOT 200ml	1	Hộp
20	Bit 200ml	1	Hộp
21	SGPT 200ml	1	Hộp
22	Total Protein 250 ml	2	Hộp
23	Triglyceride 100ml	3	Hộp
24	Triglyceride 200ml	1	Hộp
25	Urea 300ml	2	Hộp
26	Acude Uric 100ml	2	Hộp
27	Acude Uric 200ml	2	Hộp
28	Diluid 1600/2000	3	Thùng
29	Blonking 1600/2000	1	Thùng
30	Cymet	1	Thùng

Nguồn: Số liệu thống kê 06 tháng đầu năm 2024 của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

4.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước: Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh thông qua tuyến công truyền tải trên đường Nguyễn Thị Minh Khai.

- Nhu cầu tiêu thụ nước phục vụ khám chữa bệnh và sinh hoạt tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh: trung bình 279 m³/tháng, tương đương 11 m³/ngày đêm.

Bảng 3. Nhu cầu tiêu thụ nước

STT	Nhu cầu cấp nước	Số lượng		Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Lưu lượng
		Tối đa	Trung bình			

STT	Nhu cầu cấp nước	Số lượng		Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Lưu lượng
		Tối đa	Trung bình			
1	Nước cấp cho giường bệnh, hấp tiệt trùng, khử khuẩn dụng cụ,...	50 giường	04 giường	300 lít/ giường/ngày	m ³ /ngày	1,2
2	Nước sinh hoạt của người nhà bệnh nhân	50 người	15 người	15 lít/người/ngày	m ³ /ngày	0,06
3	Nước sinh hoạt của nhân viên, y bác sĩ	69 người	-	15 lít/người/ngày	m ³ /ngày	1,04
4	Nước sinh hoạt của bệnh nhân ngoại trú	350 người	-	15 lít/người/ngày	m ³ /ngày	5,25
5	Tưới cây khuôn viên của Bệnh viện	2.150 m ²	-	3 lít/m ²	m ³ /ngày	3,45
Tổng cộng					m³/ngày	11

Nguồn: Số liệu thống kê hoá đơn tiền nước năm 2024 của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

- Nhu cầu sử dụng điện khoảng 8.111 kWh/tháng tương đương 283 kWh/ngày (*Số liệu thống kê hàng tháng năm 2024 của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh*). Việc sử dụng điện phục vụ cho mục đích thắp sáng và hoạt động của các loại máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh của Bệnh viện.

- Nguồn cung cấp điện: Tổng Công ty Điện lực Trà Vinh – Tổng công ty điện lực miền nam TNHH, địa chỉ tại số 02 Hùng Vương, Khóm 1, Phường 4, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quá trình thành lập

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thành lập theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh.

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã phê duyệt đề án bảo vệ môi

trường chi tiết của Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, được cấp Giấy xác nhận số 950/STNMT-CCBVMT ngày 11/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc xác nhận báo cáo hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh” và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Nhìn chung, trong quá trình hoạt động khám chữa bệnh, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã thực hiện đầy đủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường trong công tác bảo vệ môi trường.

Hiện nay, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh vẫn duy trì quy mô hoạt động là 50 giường bệnh. Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5.2. Hiện trạng các hạng mục công trình

Quy mô và hiện trạng các hạng mục công trình thuộc Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Quy mô và hiện trạng các hạng mục công trình

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Hiện trạng
A	Các hạng mục công trình chính	3.179,00	Cơ sở hạ tầng đáp ứng được quy mô khám, chữa bệnh dự kiến sẽ cải tạo, nâng cấp khi có dấu hiệu xuống cấp của cơ sở hạ tầng
1	Khu khám, cấp cứu và điều trị ngoại trú cận lâm sàng	2.125,60	
2	Khu điều trị nội trú	1.053,40	
B	Hạng mục các công trình phụ	18.306,00	
1	Nhà xe khách	125	
2	Nhà xe cán bộ	140	
3	Nhà ở cán bộ	282	
5	Nhà cầu nối	79,4	
6	Nhà vệ sinh	42	
7	Hệ thống xử lý nước thải	64	
8	Ao nuôi cá 1.700 m ³	-	
9	Sân, đường, cống thoát nước chung	562,8	
10	Nhà kho CTNH	09	
11	Nhà kho rác thải tái chế	32	
12	Nhà máy phát điện dự phòng	32	
13	Đất trồng	14.788	
14	Cây xanh	2.150	
	Tổng cộng	21.485,00	

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Tại thời điểm lập Báo cáo, các hạng mục công trình thuộc Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đều chưa có dấu hiệu xuống cấp và cơ bản đáp ứng được công năng của công trình.

Đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày-đêm hoạt động ổn định, đảm bảo xử lý triệt để nước thải phát sinh.

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thực hiện phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường công tác y tế nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tỉnh và khu vực lân cận. Bệnh viện được thành lập theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh chính thức đi vào hoạt động ngày 01/01/2015 được duy trì ổn định đến nay.

Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh là bệnh viện hạng III thực hiện theo Đề án số 800/ĐA-BCHQS ngày 08/6/2011 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh, thực hiện các mặt công tác khác theo sự chỉ đạo, quản lý của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh và Phòng Quân y Quân khu 9.

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh, quá trình hoạt động của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh phù hợp với các quy định theo Thông tư số 34/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế quy định về tổ chức cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Quân Dân Y và tổ chức chỉ đạo hoạt động kết hợp Quân Dân Y.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải

- Bệnh viện đã được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Nguồn tiếp nhận nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh là sông Long Bình thuộc thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nay có tên gọi là Rạch Trà Vinh đổ ra sông Cung Hầu, chảy qua địa phận thành phố Trà Vinh và dọc Quốc lộ 54 theo hướng Bắc – Nam với chiều dài 17 km (*Theo quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/2/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp 1 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*), đoạn chảy qua khu vực đô thị thành phố Trà Vinh với chiều dài khoảng 09 km, rộng 20 – 30 m, sâu 03-06 m có vai trò rất quan trọng trong việc tiêu nước và vận tải hàng hoá của người dân. Chế độ thủy văn của Rạch Trà Vinh chịu ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều biển Đông, mỗi ngày có 02 lần triều lên, 02 lần triều xuống, trong 01 tháng có 02 lần

triều cường và 02 lần triều kém, đỉnh triều dao động trung bình từ 0,6 m đến 1,53 m.

Với lưu lượng tức thời nhỏ nhất của Rạch Trà Vinh là $15,5 \text{ m}^3/\text{s}$ (Nguồn: Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh) với lưu lượng xả thải lớn nhất của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh là $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $0,0012 \text{ m}^3/\text{s}$) là rất nhỏ so với nguồn tiếp nhận, do đó hoạt động của xả thải của Bệnh viện không làm ảnh hưởng lớn đến chế độ thủy văn của Rạch.

- Các điểm khai thác, sử dụng nước mặt Rạch Trà Vinh: Trong bán kính 02 – 03 km (tính từ vị trí xả nước thải xin cấp phép), các đối tượng khai thác nước mặt sông Long Bình chủ yếu là các hộ dân dọc trên tuyến đường Bạch Đằng, đường Đồng Khởi, ... phục vụ cho canh tác nông nghiệp.

- Các điểm xả nước thải lân cận cùng xả vào nguồn nước tiếp nhận: Các đối tượng xả nước thải vào Rạch Trà Vinh với lưu lượng lớn, tần suất liên tục và có khả năng gây tác động cộng hưởng bao gồm:

+ Nhóm nước thải sản phát sinh từ các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ bao gồm: Công ty Cổ phần thủy sản Cửu Long, Công ty Cổ phần Trà Bắc.

+ Nhóm nước thải y tế bao gồm Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh, Bệnh viện Đa khoa Minh Tâm, Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh.

+ Nhóm nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ các hộ dân trên địa bàn thành phố Trà Vinh và Siêu thị Co.op Mart Trà Vinh.

Đến thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, hoạt động xả thải không thay đổi so với nội dung đã được cấp phép, cụ thể như sau:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Long Bình (Rạch Trà Vinh)

- Tọa độ điểm xả nước thải sau hệ thống đầu nối vào cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1098 004

+ Tọa độ Y= 591 176

- Tọa độ điểm đầu nối đường cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 894

+ Tọa độ Y= 591 114

Vị trí đầu nối từ hệ thống công thoát nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh vào hố ga của hệ thống công thoát nước trên đường Nguyễn Đáng.

- Tọa độ điểm xả thải vào nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh (gần Cầu Long Bình 2, thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh) (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 539

+ Tọa độ Y= 592 311

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng, sau đó chảy ra Rạch Trà Vinh, loại hình xả ngầm xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

- Chất lượng nước thải: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. (cột B; K = 1,2).

Nhằm đảm bảo hoạt động xả thải của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh tại thời điểm lập Báo cáo vẫn duy trì được sự phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải, Bệnh viện phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nguồn tiếp nhận nước thải là Rạch Trà Vinh, cụ thể như sau:

a) Sự phù hợp của hoạt động xả thải đối với chế độ thủy văn của nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của Bệnh viện tự chảy theo hệ thống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng, sau đó chảy ra Rạch Trà Vinh. (*Bệnh viện có lắp đồng hồ đo lưu lượng nguồn nước thải sau xử lý*)

- Lưu lượng xả nước thải tối đa của Bệnh viện là $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (tương đương $0,0012 \text{ m}^3/\text{s}$)

- Lưu lượng tức thời nhỏ nhất của Rạch Trà Vinh là $15,5 \text{ m}^3/\text{s}$ (*nguồn: Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*).

So sánh giữa lưu lượng xả thải lớn nhất của Bệnh viện cho thấy hoạt động của xả thải của Bệnh viện không làm ảnh hưởng lớn đến chế độ thủy văn của Rạch.

b) Sự phù hợp của hoạt động xả thải đối với chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất giấy phép môi trường của Bệnh viện, thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận nước thải và nước nước thải sau xử lý, cụ thể như sau:

Bảng 5. Vị trí và thời gian lấy mẫu

TT	Lần lấy mẫu	Ngày lấy mẫu	Điều kiện
I	Nước mặt rạch Trà Vinh tại cách điểm xả thải 200m theo hướng dòng chảy (Ký hiệu : NM1)		
1	Lần 1	23/10/2024	Nước kiệt
II	Nước mặt rạch Trà Vinh tại điểm xả thải (Ký hiệu : NM2)		
1	Lần 1	23/10/2024	Nước kiệt
2	Lần 2	24/10/2024	Nước kiệt
3	Lần 3	25/10/2024	Nước kiệt
III	Nước thải sau xử lý (Ký hiệu : NT)		
1	Lần 1	23/10/2024	Hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m ³ /ngày đêm đang hoạt động
2	Lần 2	24/10/2024	
3	Lần 3	25/10/2024	

b.1) Đánh giá chất lượng nước mặt sông Long Bình (Rạch Trà Vinh)

- Hiện trạng nguồn nước mặt và khu vực tiếp nhận nước thải tại thời điểm lấy mẫu:

+ Màu sắc : Không phát hiện màu sắc lạ.

+ Mùi : Không phát hiện mùi hôi thối do nước bị ô nhiễm

+ Không phát hiện các dấu hiệu bất thường hay các yếu tố ô nhiễm môi trường nước mặt khác.

+ Phương tiện giao thông thủy : số lượng các phương tiện giao thông thủy di chuyển tương đối ít

- Kết quả thử nghiệm nước mặt sông Long Bình (Rạch Trà Vinh) được thể hiện trong bảng sau :

Bảng 6. Kết quả thử nghiệm sông Long Bình (Rạch Trà Vinh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B-Bảng 2)
			NM1	NM2			
			Lần 1	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	TSS	mg/L	89,3	89,3	77,5	65,8	≤ 100
2	BOD ₅	mg/L	5	5	6	5	≤ 6
3	COD	mg/L	12	12	14	12	≤ 15
4	Amoni (tính theo N)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,3^(*)
5	Tổng N	mg/L	0,71	0,71	0,64	0,69	≤ 1,5
6	Tổng P	mg/L	0,53	0,53	0,58	0,56	≤ 0,3

Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm của Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường

*** Ghi chú:**

- Giá trị giới hạn áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Mức B, bảng 2 - Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước; mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp)

- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 1 - Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

*** Nhận xét:** Theo kết quả thử nghiệm cho thấy nước mặt Rạch Trà Vinh tại thời điểm lập báo cáo có chất lượng khá tốt, ít biến động giữa các đợt quan trắc và đa số các thông số đều đạt QCVN 08:2023/BTNMT (các thông số pH, TSS, COD, BOD₅, tổng N đạt mức B, bảng 2; thông số NH₄⁺-N đạt bảng 1). Riêng thông số tổng P vượt giới hạn cho phép so với mức B, bảng 2.

b.2) Đánh giá chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

Kết quả thử nghiệm chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm tại thời điểm lập báo cáo như sau:

Bảng 7. Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 28:2010/BTNMT CỘT B, K=1,2
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	pH	mg/L	7,43	7,37	7,43	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	90,8	74,8	81,5	120
3	BOD ₅	mg/L	20	27	11	60
4	COD	mg/L	39	60	23	120
5	N_NH ₄ ⁺	mg/L	9,43	< 0,18	< 0,18	12
6	N_NO ₃ ⁻	mg/L	0,95	14,8	19,8	60
7	P_PO ₄ ³⁻	mg/L	1,42	1,12	1,16	12
8	S ²⁻	mg/L	KPH	KPH	KPH	4,8
9	Dầu mỡ ĐTV	MPN/ 100mL	< 3	KPH	KPH	24
10	Coliforms	mg/L	4x10 ³	KPH	320	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm của Trung Tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường

* **Ghi chú** : Giá trị tối đa cho phép áp dụng theo công thức $C_{max} = C \times K$

Trong đó :

+ C là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm cột B

+ K là hệ số về quy mô và loại hình cơ sở y tế (K=1,2)

* **Nhận xét** : Theo kết quả cho thấy, nước thải sau xử lý của Bệnh viện có 10/10 thông số đều đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K=1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

c) Sự phù hợp của hoạt động xả thải đối với khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải

Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Xác định đoạn sông cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: Nguồn tiếp nhận nước thải của Bệnh viện là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh).

Nguồn tiếp nhận nước thải của Bệnh viện là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh) có tổng chiều dài 17 km, trong đó đoạn chảy qua khu đô thị thành phố Trà Vinh có chiều dài khoảng 9,0 km. Do đó, theo quy định tại Điều 3 và Điều 5 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, khu vực cần đánh giá khả năng nhận nước thải, sức chịu tải của rạch chảy qua khu đô thị thành phố Trà Vinh có chiều dài khoảng 9,0 km.

- Xác định mục đích sử dụng nước của rạch: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Xác định thông số đánh giá: Căn cứ theo khoản 1 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD5, Amoni, TSS (*Đối với thông số tổng N, tổng P không thực hiện đánh giá do QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế không có thông số này*).

Ngoài ra, theo Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, các thông số COD, BOD5, TSS được tính toán và so sánh theo Bảng 2 tại QCVN 08:2023/BTNMT (mức B); thông số Amoni được tính toán và so sánh theo Bảng 1 tại QCVN 08:2023/BTNMT.

- Xác định phương pháp đánh giá: Căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp.

Căn cứ theo khoản 2 Điều 82 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, công thức tính toán theo phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}. \text{ Trong đó:}$$

+ L_{tn} : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{td} : Tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày.

+ F_s : Hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9

trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định xem xét, quyết định. Lựa chọn giá trị tính là 0,7.

+ L_{nn} : Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông cần đánh giá, đơn vị tính là kg/ngày;

+ L_{tt} : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải, đơn vị tính là kg/ngày;

+ NP_{td} : Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Như vậy, công thức xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh) bằng phương pháp đánh giá gián tiếp như sau: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times 0,7$

c.1) Xác định tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt

(L_{td}) Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$. Trong đó:

- C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 1 đối với thông số NH_4^+-N và mức B bảng 2 đối với các thông số TSS, COD, BOD_5 , Tổng N, Tổng P).

- Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m^3/s . Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của sông Long Bình (Rạch Trà Vinh) là $15,5 m^3/s$.

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 8. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

TT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	TSS	100	15,5	86,4	133.920
2	COD	15	15,5	86,4	20.088
3	BOD_5	6	15,5	86,4	8.035,20

TT	Thông số	C _{qc} mg/l	Q _s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L _{td} (kg/ngày)
4	Amoni	0,3	15,5	86,4	401,76

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

c.2) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

$$L_{qcco} = \frac{MPN}{100mL} \times \frac{m^3}{s} = \frac{MPN}{100 \times (10^{-6} m^3)} \times \frac{m^3}{\frac{ngày}{86.400}}$$

$$= \frac{MPN}{ngày} \times 86.400 \times 10^4 = \frac{MPN}{ngày} \times (8,64 \times 10^8)$$

Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$. Trong đó:

- Q_s: Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Lưu lượng dòng chảy tối thiểu của rạch Trà Vinh là 15,5 m³/s.

- Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- C_{nn}: Kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

+ Q_s: Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s.

+ Giá trị 8,64 x 10⁸ là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (chuyển đổi từ đơn vị tính MPN/100mL, m³/s thành đơn vị tính MPN/ngày).

Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước sông Long Bình (Rạch Trà Vinh), Công ty đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy và thử nghiệm mẫu nước mặt, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 9. Kết quả phân tích nước mặt Rạch Trà Vinh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				Kết quả Giá trị trung bình (ký hiệu: C _{nn})
			NM1	NM2			
			Lần 1	Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	TSS	mg/L	89,3	89,3	77,5	65,8	80,48
2	BOD ₅	mg/L	5	5	6	5	5,25
3	COD	mg/L	12	12	14	12	12,5

4	Amoni	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	-
---	-------	------	-----	-----	-----	-----	---

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Như vậy, tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau :

Bảng 10. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

STT	Thông số	C_{nn} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	TSS	80,48	15,5	86,4	107.772,12
2	BOD ₅	5,25	15,5	86,4	7.030,80
3	COD	12,50	15,5	86,4	16.740,00
4	Amoni	0,00	15,5	86,4	0,00

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

c.3) Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải (L_{tt})

Theo khoản 3 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, nguồn thải vào đoạn sông gồm 03 nguồn chính: nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên. Tải lượng các thông số ô nhiễm từ 03 nguồn này được ký hiệu tương ứng là L_t , L_d và L_n .

Công thức xác định tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải: $L_{tt} = L_t + L_d + L_n$ Trong đó:

- L_t : Nguồn thải điểm, đơn vị tính là mg/L.
- L_d : Nguồn thải diện, đơn vị tính là mg/L.
- L_n : Nguồn thải tự nhiên, đơn vị tính là mg/L.
- Công thức xác định tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải điểm

$$(L_t): L_t = C_t \times Q_t \times 86,4. \text{ Trong đó:}$$

+ Q_t : Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là m³/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

+ C_t : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là mg/L.

+ Giá trị $8,64 \times 10^8$ là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (chuyển đổi từ đơn vị tính MPN/100mL, m³/s thành đơn vị tính MPN/ngày).

Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận tại thời điểm lập báo cáo như sau:

Bảng 11. Kết quả phân tích nước thải sau xử lý

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	BOD ₅	mg/L	20	27	11	19,33
2	COD	mg/L	39	60	23	40,67
3	TSS	mg/L	90,8	74,8	81,5	82,37
4	Amoni	mg/L	0	0,18	0,18	0,12

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Như vậy, tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Bệnh viện với lưu lượng xả thải lớn nhất là 100 m³/ngày-đêm, tương đương 0,0012 m³/s, được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 12. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh (ký hiệu: L_{ti})

TT	Thông số	C _{ti} mg/l	Q _{ti} m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L _{ti} (kg/ngày)
1	BOD ₅	19,33	0,0012	86,4	2,00
2	COD	40,67	0,0012	86,4	4,22
3	TSS	82,37	0,0012	86,4	8,54
4	Amoni	0,12	0,0012	86,4	0,01

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Ngoài ra, theo Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 16/02/2024, tải lượng các thông số ô nhiễm phát sinh từ nguồn thải điểm (L_t) và nguồn thải diện (L_d) trên địa bàn thải phổ Trà Vinh xả thải vào nguồn nước mặt Rạch Trà Vinh bao gồm:

Bảng 13. Danh mục các nguồn thải điểm (L_t) và nguồn thải diện (L_d) trên địa bàn thành phố Trà Vinh xả thải vào nguồn nước mặt Rạch Trà Vinh

TT	Tên đối tượng	Ký hiệu
1	Công ty Cổ phần Bất động sản và Siêu thị bán lẻ Đông Phương Trà Vinh	L_{t2}
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển bất động sản TNR Holdings Việt Nam	L_{t3}
3	Công ty TNHH Thương Mại-Dịch Vụ Sài Gòn Trà Vinh	L_{t4}
4	Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh	L_{t5}
5	Bệnh viện Kiểm soát bệnh tật tỉnh Trà Vinh	L_{t6}
6	Bệnh viện Minh Tâm	L_{t7}
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	L_{t8}
8	DNTN Quận Nhuần	L_{t9}
9	Công ty CP Vincom Retail	L_{t10}
10	Nguồn thải diện từ nguồn thải sinh hoạt	L_{d1}
11	Nguồn thải diện từ nguồn thải nuôi trồng thủy sản	L_{d2}

Nguồn: Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trục và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, 2023

Bảng 14. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong các nguồn thải điểm (L_t) và nguồn thải diện (L_d)

TT	Thông số	L_{t2}	L_{t3}	L_{t4}	L_{t5}	L_{t6}	L_{t7}
		<i>(kg/ngày)</i>					
1	COD	15,7	24,1	5,25	2,8	0,1	1,7
2	BOD ₅	9,8	15,0	3,27	1,6	0,1	1,0
3	Amoni	5,94	9,11	1,98	0,34	0,02	0,20
4	TSS	10,1	15,5	3,4	3,6	0,2	2,1
5	Coliform ^(*)	8.917.650	13.673.730	2.972.550	178.900	8.945	107.340

Bảng 15. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong các nguồn thải điểm (Lt) và nguồn thải diện (Ld) (tt)

TT	Thông số	L _{t8}	L _{t9}	L _{t10}	L _{d1}	L _{d2}
		(kg/ngày)				
1	COD	2,7	2,0	11,5	139,6	2,6
2	BOD ₅	1,6	1,1	7,2	86,9	1,5
3	Amoni	0,17	0,13	4,4	52,7	0,11
4	TSS	1,6	1,2	7,4	89,8	1,8
5	Coliform ^(*)	162.600	119.240	6.539.610	791.103	1.052

Nguồn: Dự án Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông nội tỉnh, các tuyến kênh trực và kênh cấp I trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, 2023

Ghi chú: ^(*) có đơn vị là MPN/ngày.

Như vậy, tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải:
 $L_{tt} = (L_{t1} + \dots + L_{t10}) + (L_{d1} + L_{d2})$

Bảng 16. Tổng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải

TT	Thông số	L _{t1}	L _{t2} + ... + L _{t10}	L _{d1} + L _{d2}	L _{tt}
		(kg/ngày)			
1	COD	7,26	65,85	142,2	215,31
2	BOD ₅	1,002	40,67	88,4	130,072
3	Amoni	2,532	22,29	52,81	77,632
4	TSS	0	45,1	91,6	136,7
5	Tổng N	3,138	-	-	3,138
6	Tổng P	1,38	-	-	1,38

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

⇒ Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh) được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 17. Kết quả đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh)

TT	Thông số	L_{td} (kg/ngày)	L_{mn} (kg/ngày)	L_{tt} (kg/ngày)	F_s	L_{tn} (kg/ngày)
1	COD	20.088,0	12.427,78	215,31	0,7	5.211,44
2	BOD ₅	8.035,2	2.249,86	130,072	0,7	3.958,69
3	Amoni	401,8	160,70	77,632	0,7	114,43
4	TSS	133.920,0	58.496,26	136,7	0,7	52.700,93

Nguồn : Đơn vị tư vấn tổng hợp, 2024

Theo kết quả đánh giá cho thấy, nguồn tiếp nhận nước thải là sông Long Bình (Rạch Trà Vinh) vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với 06/06 thông số được đánh giá.

Tuy nhiên, mục đích sử dụng nguồn nước mặt của rạch là tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, lưu lượng xả thải của Bệnh viện thấp hơn rất nhiều so với lưu lượng dòng chảy của rạch.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

- Đối với máy phát điện dự phòng: Tần suất hoạt động rất thấp, Bệnh viện đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý, xử lý nguồn thải, nên hầu như không gây sức ép đến chất lượng môi trường không khí xung quanh từ nguồn thải này.

Theo số liệu thống kê kết quả quan trắc không khí xung quanh năm 2023 tại vị trí khu vực khuôn viên Bệnh viện và khu vực giáp Trung tâm Thanh thiếu nhi cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc đều có giá thấp và đạt giới hạn cho phép quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

(Kết quả quan trắc được thể hiện chi tiết tại Chương V)

Như vậy, trong quá trình hoạt động của Bệnh viện không phát sinh những vấn đề gây ô nhiễm với môi trường xung quanh đảm bảo không gây tác động xấu đến môi trường không khí và sức khỏe cộng đồng.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

a) Công trình thu gom nước mưa

Nước mưa từ sê-nô mái được thu gom bằng đường ống uPVC Φ 114, sau đó dẫn vào hệ thống cống thu gom nước mưa chảy tràn bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ;

Nước mưa từ trên các khu vực sân bãi, đường nội bộ được thu gom vào hệ thống cống, hố ga thu gom nước mưa cụ thể như sau:

- Hệ thống cống thu gom nước mưa chảy tràn bao gồm các tuyến cống bê tông - nắp đal với đường kính D400 chiều dài 185 m, gồm 23 hố ga lắng cặn.
- Tuyến cống có cao độ hạ dần theo hướng tập trung về khu vực nguồn tiếp nhận là cống thoát nước công cộng trên đường Nguyễn Thị Minh Khai, nhằm đảm bảo khả năng tự chảy của dòng nước.
- Bố trí hố ga bằng bê tông cốt thép dọc theo mạng lưới cống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn, nhằm điều hòa dòng chảy, loại bỏ chất rắn lơ lửng có trong dòng nước.



Hình 5. Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn

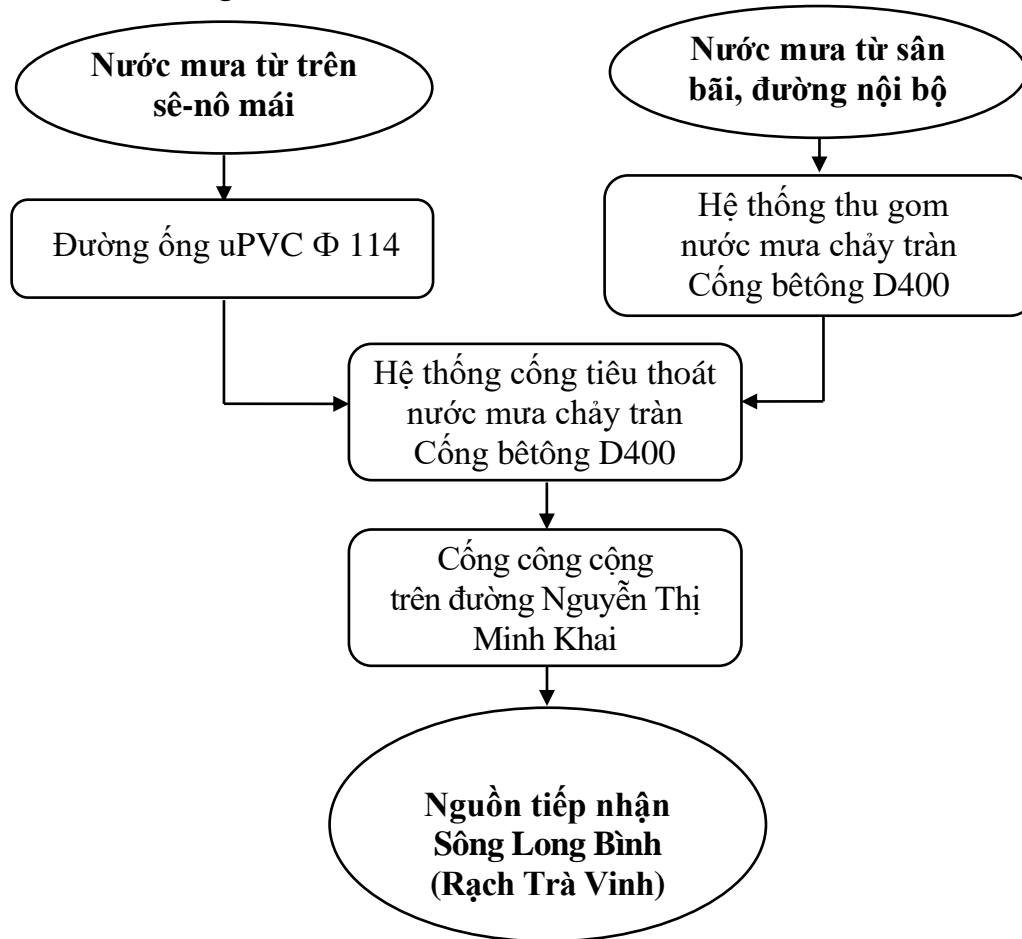
* Hệ thống tiêu thoát nước mưa: Là tuyến cống thoát nước dọc theo tuyến đường nội bộ, đoạn dẫn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai vào cống chính của Bệnh viện. Đây là cống bê tông - nắp đal với đường kính D400

Nước mưa được thu gom vào cống thoát nước mưa sẽ tiếp tục được dẫn

vào hệ thống công cộng trên đường Nguyễn Thị Minh Khai và xả thải vào nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh.

(Đính kèm phụ lục bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa chảy tràn)

Quá trình thu gom và tiêu thoát nước mưa chảy tràn vào nguồn tiếp nhận được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 6. Sơ đồ thu gom và tiêu thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa trong khuôn viên Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà được thiết kế bằng cống bê tông cốt thép. Độ dốc hướng về điểm đầu nối xả ra nguồn tiếp nhận, đảm bảo khả năng tự chảy và không gây chảy ngược, ngập úng khu vực.

+ Hệ thống thoát mưa được thiết kế hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét, khai thông mạng lưới cống thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn.

+ Thực hiện tốt công tác vệ sinh sân bãi, đường nội bộ nhằm đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị nhiễm bẩn do chảy qua các khu vực này.

+ Kiểm soát tốt các khu vực bố trí thùng chứa rác thải, khu vực nhà kho chứa rác thải, đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị nhiễm bẩn do chảy qua các khu vực này.

b) Điểm thoát nước mưa

- Vị trí thoát nước mưa: thoát ra hệ thống thoát nước công cộng trên đường Nguyễn Thị Minh Khai qua vị trí đầu nối tại cổng chính của Bệnh viện, tọa độ điểm đầu nối như sau: X =1098160; Y =591078 (theo VN-2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Phương thức thoát nước mưa chảy tràn: Tự chảy



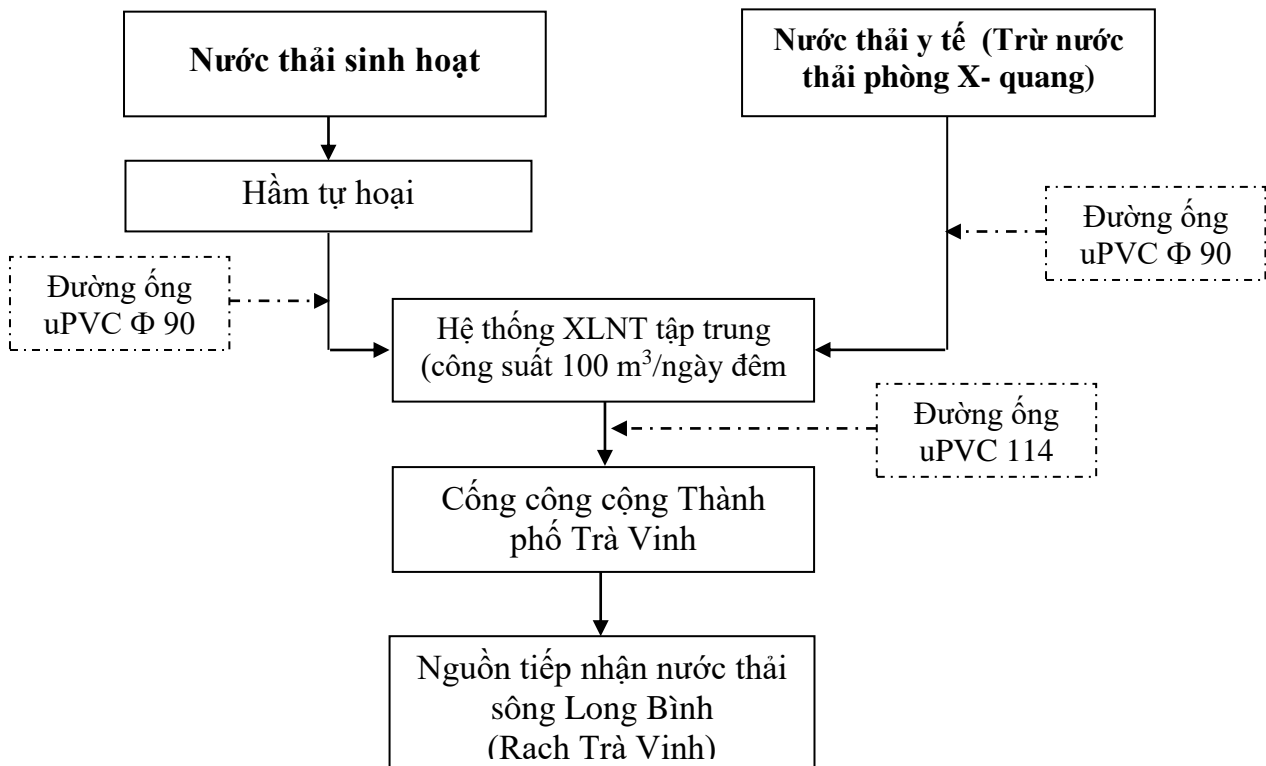
Hình 7. Hệ thống tiêu thoát nước mưa chảy tràn

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a) Công trình thu gom nước thải

- Phương pháp thu gom nước thải: Nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp tự chảy.

Quá trình thu gom nước thải tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 8. Quy trình thu gom nước thải

• *Thuyết minh quy trình:*

- Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống thu gom nước thải uPVC Φ 90.

- Nước thải y tế được thu gom về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống thu gom nước thải uPVC Φ 90. Nước thải phòng X – quang được thu gom vào cal nhựa có nắp đậy kín được đựng vào bọc nilong đen nhằm hạn chế ánh sáng và phóng xạ ra môi trường.

Cao trình của hệ thống công thu gom nước thải hạ dần cao độ theo hướng tập trung về hệ thống xử lý nước thải, nhằm đảm bảo khả năng tự chảy của dòng thải. Độ dốc của hệ thống thu gom nước thải là 3 ‰

(Đính kèm phụ lục bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom nước thải)

b) Công trình thoát nước thải

- Hồ ga nước thải sau xử lý (*vị trí thao tác lấy mẫu quan trắc nước thải sau xử lý*) toạ độ X =1098032; Y =591153 (*theo VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰*).

- với thông số kỹ thuật như sau:

+ Vật liệu xây dựng: bê tông cốt thép

+ Kích thước: Dài x rộng x sâu (0,5x0,5x0,6) m

+ Số lượng: 01

- Hệ thống thoát nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý được xả ra tuyến cống thoát nước thải trong khuôn viên Bệnh viện (tuyến cống Φ 114) → đầu nối vào cống thoát nước chung với Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh → dẫn ra công cộng trên đường Nguyễn Đăng → cuối cùng được xả thải ra nguồn tiếp nhận nước thải là Rạch Trà Vinh.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế theo phương pháp tự chảy.

c) Điểm xả nước thải sau xử lý

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Long Bình (Rạch Trà Vinh)

- Tọa độ điểm xả nước thải sau hệ thống đầu nối vào cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1098 004

+ Tọa độ Y= 591 176

- Tọa độ điểm đầu nối đường cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đăng (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 894

+ Tọa độ Y= 591 114

Vị trí đầu nối từ hệ thống cống thoát nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh vào hố ga của hệ thống cống thoát nước trên đường Nguyễn Đăng.

- Tọa độ điểm xả thải vào nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh (gần Cầu Long Bình 2, thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh) (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 539

+ Tọa độ Y= 592 311

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đăng, sau đó chảy ra Rạch Trà Vinh, loại hình xả ngầm xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm

1.3. Xử lý nước thải

- Các hoạt động phát sinh nước thải tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân, thân nhân của bệnh nhân thăm nuôi bệnh.

+ Nước thải y tế từ khu khám điều trị ngoại trú, khu điều trị nội trú, ...

- Lưu lượng nước thải phát sinh tại Bệnh viện cụ thể như sau:

Bảng 18. Lưu lượng nước thải

STT	Nhu cầu cấp nước	Đơn vị tính	Lưu lượng nước thải	
			Tỷ lệ 100 % lưu lượng nước cấp	Tỷ lệ 80 % lưu lượng nước cấp
1	Nước cấp cho giường bệnh, hấp tiệt trùng, khử khuẩn dụng cụ,...	m ³ /ngày	1,2	0,96
2	Nước sinh hoạt của người nhà bệnh nhân	m ³ /ngày	0,06	0,048
3	Nước sinh hoạt của nhân viên, y bác sĩ	m ³ /ngày	1,04	0,832
4	Nước sinh hoạt của bệnh nhân ngoại trú	m ³ /ngày	5,25	4,2
Tổng cộng		m³/ngày	7,55	6,04

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Theo số liệu thống kê của Bệnh viện, lưu lượng nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện trong năm 2024 là 2.204 m³/năm, tương đương phát sinh 6,04 m³/ngày đêm. Như vậy, công suất hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 100 m³/ngày đêm) là hoàn toàn phù hợp với lưu lượng nước thải phát sinh tại Bệnh viện.

Các công trình xử lý nước thải đã được xây dựng tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại hầm tự hoại trước khi được xử lý tập trung tại hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh.

- Số lượng nhà vệ sinh: 10

- Số lượng hầm tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: 03 hầm

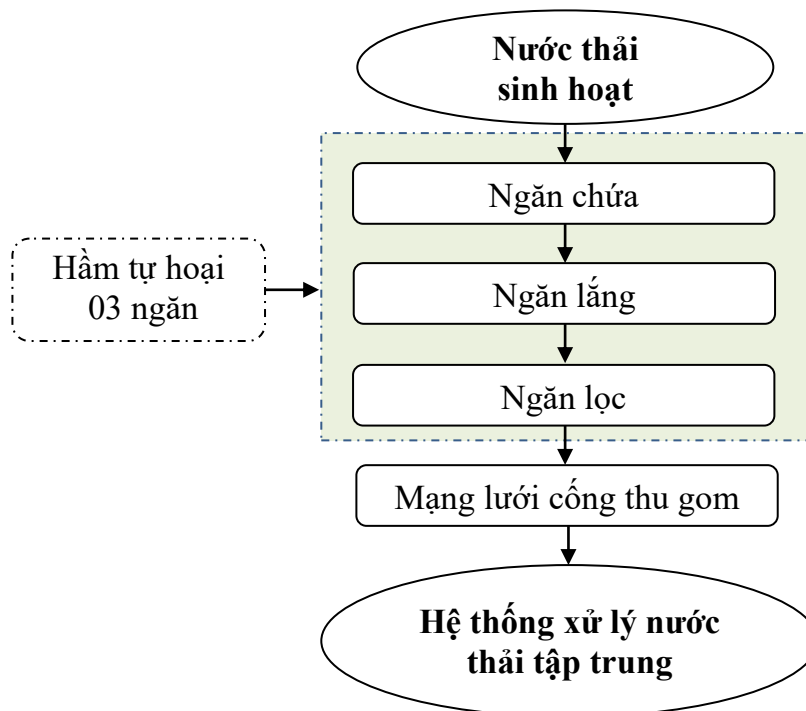
- Thể tích hầm tự hoại: 22 m³/hầm

a) Hầm tự hoại 3 ngăn

- Công trình đã được xây dựng, lắp đặt: Hầm tự hoại 3 ngăn.

- Chức năng: Xử lý nước thải sinh hoạt.

- Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt: Hầm tự hoại thuộc loại công trình xử lý nước thải tại chỗ, quy trình xử lý như sau:



Hình 9. Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại

* **Thuyết minh quy trình:**

+ Ngăn chứa và phân hủy kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm 1/2 tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối. Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân hủy các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần vẩn nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân hủy trong bể.

+ Ngăn lắng: Thể tích của ngăn lắng chiếm 1/4 tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và

sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật.

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

Nước thải sau xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại được thu gom và xử lý tiếp tục tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày-đêm.

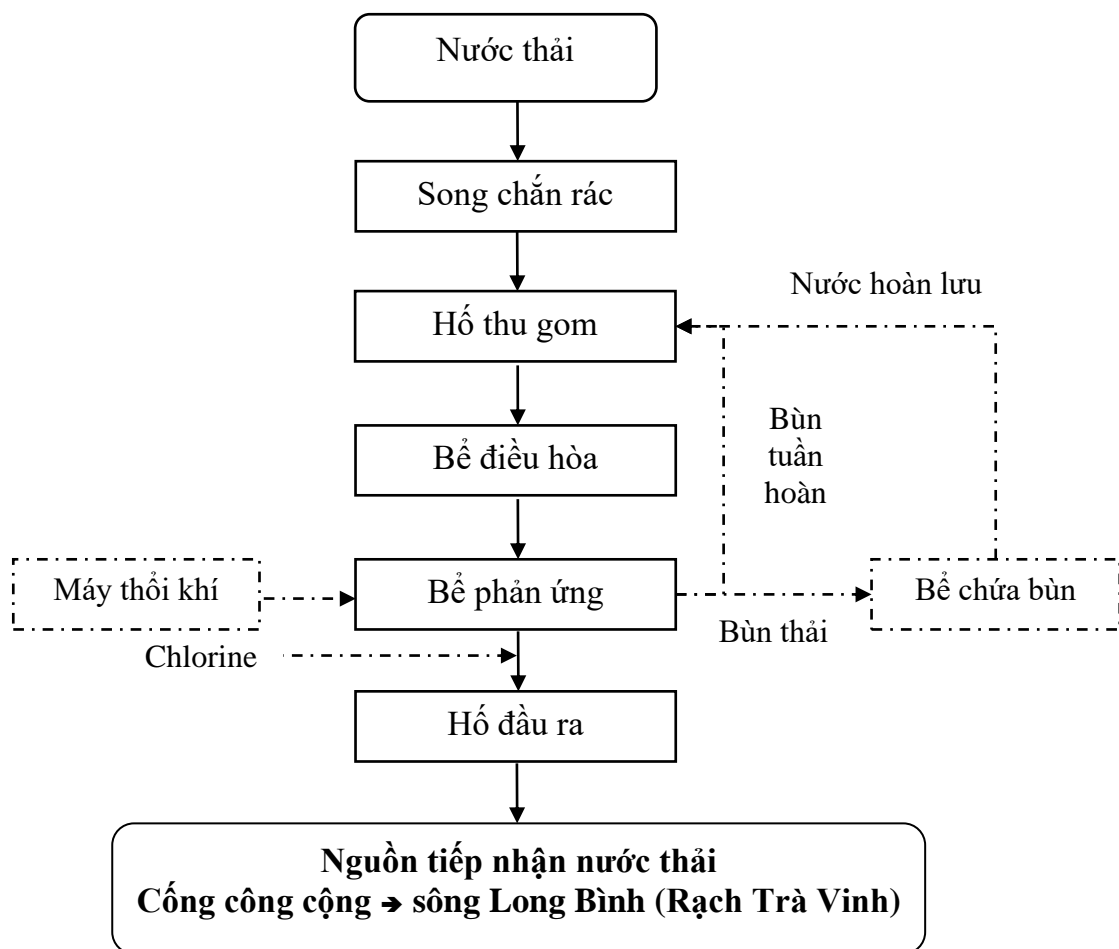
b) Hệ thống xử lý nước thải tập trung

b.1) Chức năng của hệ thống xử lý nước thải tập trung: thu gom và xử lý toàn bộ các loại nước thải phát sinh tại Bệnh viện, đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

b.2) Công suất của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 100 m³/ngày-đêm

b.3) Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học kết hợp khử trùng

- Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 10. Quy trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung

*** Thuyết minh quy trình**

- Song chắn rác: Nước thải từ hầm tự hoại và các phòng khoa được thu gom về hệ thống xử lý nước thải thông qua hệ thống công thu gom nước thải.

Nước thải trước khi vào hệ thống xử lý sẽ được cho qua song chắn rác, tại đây có lắp đặt thiết bị chắn rác có kích thước mắt lưới dày (khoảng 1 - 1,5 mm). Tất cả những chất thải rắn có kích thước lớn như bông băng, bệnh phẩm, dụng cụ y tế có trong nước thải... đều được giữ lại tại đây, tránh làm nghẹt bơm và các thiết bị khác, làm giảm hiệu quả xử lý.

- Hố thu gom (Collection tank): Hố thu gom có tác dụng như bể lắng, trong thời gian nước thải lưu tại hố thu gom nhờ tác động của trọng lực, các phần tử chất rắn có tỷ trọng lớn hơn của nước lắng xuống đáy bể và chúng được lấy ra khỏi nước thải.

- Bể điều hòa (Equalization tank): Nước thải sau khi qua bể thu gom sẽ tiếp tục chảy đến bể điều hòa có thổi khí. Bể điều hòa có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải. Những lợi ích chính do bể này mang lại trong hệ thống xử lý nước thải có thể được liệt kê như sau:

+ Giảm lưu lượng cực đại trong những giờ cao điểm;

+ Giảm nồng độ các chất ô nhiễm hữu cơ cao cho quá trình xử lý sinh học;

+ Tối ưu hóa các điều kiện cho quá trình xử lý sinh học theo sau, bao gồm việc giảm tải lượng hữu cơ, giảm và làm chậm lại sự dao động tải lượng hữu cơ, giảm nồng độ độc chất trong nước thải;

+ Kiểm soát được pH.

- Bể phản ứng SBR (Sequencing Batch Reactor tank): Quy trình hoạt động của bể SBR như sau:

+ Pha làm đầy: Trong pha này, nước thải được bơm từ bể điều hòa lên bể SBR đến lượng nước thích hợp để xử lý thì ngừng bơm.

+ Pha phản ứng: Sau khi cho nước vào bể, hệ thống bơm nước thải sẽ ngừng hoạt động, thay vào đó hệ thống sục khí sẽ được khởi động để tiến hành quá trình nitrit hóa, nitrat hóa và phân giải các hợp chất hữu cơ. Do trong pha này, không có nước thải vào trong bể vì vậy thể tích nước thải và tải trọng hữu cơ không được bổ sung, quá trình sục khí được duy trì, các vi sinh vật hiếu khí sẽ oxy hóa các hợp chất hữu cơ để sinh trưởng và phát triển. Vì vậy, các hợp chất hữu cơ sẽ được loại bỏ khỏi nước thải.

+ Pha lắng: Các thiết bị sục khí ngừng hoạt động, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh hoàn toàn, thời gian lắng thường nhỏ hơn 2 giờ. Trong pha này, các bông bùn đã được hình thành sẽ được lắng xuống đáy bể.

+ Pha xả nước: Thực hiện đồng thời 2 quá trình là tháo phần nước trong sang bể xử lý tiếp theo và rút bùn dư đưa về bể chứa bùn

- Khử trùng: Nước thải sau khi qua bể phản ứng sẽ được dẫn sang hồ thu gom đồng thời chlorine sẽ được châm vào nhờ bơm định lượng hóa chất nhằm tiêu diệt hết lượng vi khuẩn gây bệnh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2), được đấu nối vào cống thoát nước chung với Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh và xả thải ra nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh thông qua cống thoát nước công cộng trên đường Nguyễn Đăng.

- Bể chứa bùn: Lượng bùn sinh ra trong quá trình xử lý ở các công đoạn bể phản ứng, một phần sẽ được bơm hoàn lưu về hồ thu gom, phần bùn thải được đơn vị có chức năng thu gom và xử lý định kỳ theo đúng quy định về quản lý chất thải.

Biện pháp xử lý bùn dư: Căn cứ theo Phụ lục III Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, bùn dư phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh có mã chất thải là 12 06 13, mã EC là 19 08 14 và thuộc loại chất thải thông thường (ký hiệu phân loại: TT).

Toàn bộ lượng bùn sinh ra được tập trung vào bể phân hủy bùn, phần nước chảy tràn trong bể chứa bùn sẽ thu về bể cân bằng. Phần bùn lắng cô đặc sẽ được hút xử lý bùn theo quy định và định kỳ.

Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý bùn theo đúng quy định.

Thông số kỹ thuật của các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 19. Thông số kỹ thuật các công trình đơn vị

TT	Tên công trình đơn vị	Kích thước	Vật liệu xây dựng
1	Bể thu gom	-	Bê tông cốt thép
2	Bể điều hòa	Đường kính x chiều cao = 5,64m x 4m	- Thân bể: inox SUS 430, dày 3mm - Đáy bể: inox SUS 430, dày 5mm

3	Bể SBR	Đường kính x chiều cao = 3,26m x 6m	- Thân bể: inox SUS 430, dày 3mm - Đáy bể: inox SUS 430, dày 5mm
4	Nhà điều hành	Dài x rộng = 3m x 2m	- Nền bê tông, mái tole, tường xây gạch ống, mac 200.
5	Bể chứa bùn	Dài x rộng x cao = 1.060mm x 730mm x 550mm	- Thể tích bể chứa bùn: 300 lít. - Nhựa (100% bột nhựa nguyên sinh)

Nguồn: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh



Hình 11. Hệ thống xử lý nước thải, công suất 100 m³/ngày đêm

Danh mục các máy móc, thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 20. Danh mục máy móc thiết bị

TT	Tên máy	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Vị trí bố trí	Ghi chú
1	Bơm nhúng chìm	01 máy	2HP	Bể thu gom	Hoạt động tốt
2	Bơm nhúng chìm	01 máy	2HP	Bể cân bằng (điều hòa)	
3	Ống phân phối khí	01 bộ	Ống nhựa uPVC Φ 34 - khoan lỗ		
4	Bơm nhúng chìm	01 máy	2HP	Bể SBR	
5	Bơm nhúng chìm	01 máy	0,5HP		
6	Đĩa phân phối khí	01 bộ	9 inch		
7	Bơm bùn dư	01 máy	2HP		
8	Decanter	01 bộ	-		
9	Máy thổi khí	02 máy	-	Nhà điều hành	
10	Hệ hóa chất điều chỉnh pH	01 máy	-		
11	Hệ hóa chất khử trùng	01 máy	-		
12	Tủ điều khiển	01 máy	-		

Nguồn: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

b.4) Chế độ vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày-đêm tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh hoạt động liên tục 24/24 giờ. Chế độ vận hành tự động.

b.5) Các loại hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải tập trung

Các loại hóa chất và chế phẩm sinh học sử dụng trong hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày-đêm tại Bệnh viện cụ thể như sau:

- Chlorine: 25 kg/tháng

b.6) Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý

Chất lượng nước thải sau xử lý của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được áp dụng theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, K = 1,2.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý và công trình xử lý bụi, khí thải

Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Bệnh viện

Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh không phát sinh khí thải đặc trưng mà chủ yếu là khí thải phân tán, không tập trung từ phương tiện giao thông ra vào cổng, khu xử lý nước thải, khu bố trí các thùng rác và khí thải không thường xuyên của máy phát điện dự phòng (chỉ hoạt động khi mất điện).

Do đó, trong quá trình hoạt động của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh không phát sinh khí thải công nghiệp, nên không đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

a) Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông

- Bố trí khu vực đỗ xe khách và xe nhân viên, đảm bảo thuận tiện cho công tác khám chữa bệnh, cấp cứu.

- Bê tông hóa sân bãi, đường giao thông nội bộ nhằm giảm thiểu được bụi cuốn lên từ mặt đường.

- Kiểm tra và sửa chữa các vị trí hư hỏng trên đường giao thông nội bộ nhằm đảm bảo an toàn giao thông và hạn chế phát sinh bụi từ nguồn này.

- Các hoạt động vận chuyển trong khuôn viên Bệnh viện tuân theo quy trình phân bổ giao thông.

- Thực hiện vệ sinh sân, đường nội bộ.

- Đảm bảo diện tích và mật độ trồng cây xanh trong khuôn viên Bệnh viện

b) Giảm thiểu tác động do khí thải từ hệ thống máy lạnh, máy điều hòa, tủ ướp lạnh từ các phòng khám, chữa bệnh và phòng bệnh

- Trang bị hệ thống cung cấp khí sạch cho phòng mổ, hệ thống cung cấp khí y tế, hệ thống điều hòa không khí và thông gió cho các phòng chức năng tại Bệnh viện.

- Đối với các loại máy lạnh, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ: Để tránh trường hợp bị rò rỉ khí gas trong quá trình hoạt động, Bệnh viện thực hiện ký kết với các đơn vị kỹ thuật bảo dưỡng máy móc định kỳ 1 lần/năm.

c) Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi, hơi hóa chất

- Các phòng chức năng tại Bệnh viện được thiết kế thông thoáng kết hợp trang bị các loại quạt;

- Thường xuyên dọn dẹp, phun thuốc diệt muỗi, khử mùi đối với các khu lưu chứa CTR, khu đất trống, khu vực công cộng, các khu cây xanh, khuôn viên,...

- Chất thải rắn sẽ được chứa trong các thùng kín. Chất thải y tế sẽ được thu gom, vận chuyển tới kho lưu giữ tạm thời với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày, chất thải y tế nguy hại được lưu trữ trong kho lưu giữ tạm thời riêng biệt và cũng được ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý tuân thủ đúng quy định.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ vận hành hệ thống XLNT, nhân viên vệ sinh, ...: như khẩu trang, quần áo, găng tay, ...

- Hơi hóa chất, dung môi bay hơi..... sinh ra từ các khu vực phòng khám, điều trị, phòng thanh trùng, phòng xét nghiệm,... được kiểm soát ở mức cho phép bằng cách trang bị hệ thống thông gió hiệu quả, hoạt động liên tục với lưu lượng luôn đảm bảo khả năng trao đổi 20 - 40 lần khí sạch với bên ngoài (quạt trần, quạt cây, máy lạnh, quạt hút).

- Tăng cường công tác vệ sinh phòng khám, buồng bệnh, lau, rửa thường xuyên những nơi phát sinh mùi hôi, đặc biệt là khu vực nhà vệ sinh, khu vực kho chứa/tập kết CTR

d) Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

- Các bể công trình của hệ thống XLNT được xây dựng hoàn toàn kín nhằm giảm thiểu tối đa phát tán mùi hôi ra khu vực xung quanh.

- Tăng cường mật độ cây xanh và tạo hàng rào xanh giữa hệ thống XLNT với các phòng chức năng.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống XLNT, đảm bảo hệ thống được vận hành liên tục, đúng quy trình và phát hiện, xử lý kịp thời các sự cố.

e) Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

- Bố trí Nhà máy phát điện với diện tích khoảng 32 m².

- Vị trí xây dựng Nhà máy phát điện cơ bản đảm bảo khoảng cách an toàn với các khoa, phòng của Bệnh viện.

- Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì, kiểm tra, sửa chữa hư hỏng (nếu có), đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng và giảm phát sinh khí thải.

- Thực hiện phát tán khói thải máy phát điện dự phòng qua ống thải đồng bộ với máy, hướng thoát khí được đưa thẳng lên trên trời, đảm bảo khả năng phát tán khí thải ra môi trường không khí và không ảnh hưởng đến các công trình chính xung quanh.

- Sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO hàm lượng S thấp (0,05%).

- Tăng cường mật độ cây xanh trong khuôn viên Bệnh viện nói chung và

xung quanh khu vực máy phát điện nói riêng.



Hình 12. Khuôn viên cây xanh của Bệnh viện

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu trữ chất thải rắn

- Phương tiện thu gom: Thùng chuyên dụng màu xanh.
- Nơi đặt thùng rác thu gom tại các khoa, phòng ban: loại 10 lít đặt tại buồng bệnh, buồng kỹ thuật; loại 240 lít đặt trên đường nội bộ và khu vực tập kết.
- Thời gian lưu giữ chất thải tối đa tại khoa là 24 giờ. Sau khi chuyển xuống khu vực tập kết được lưu giữ tối đa là 48 giờ.

- Số lượng các thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR thông thường đã được trang bị tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

+ Thùng màu xanh có nắp đạp chân 10 lít có lót túi màu xanh: 42 thùng, thùng màu cam có thể tích 240 lít: 03 thùng (chứa chất thải rắn sinh hoạt).

+ Thùng màu vàng có nắp đạp chân loại 05 lít và 10 lít có lót túi màu vàng: 23 thùng (chứa chất thải rắn y tế thông thường).

+ Thùng màu trắng có nắp đạp chân 10 lít: 05 thùng (chứa chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế).

3.2. Công trình xử lý chất thải rắn

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã ký kết hợp đồng với Công ty

cổ phần công trình đô thị Trà Vinh (*Hợp đồng số 138/2024/CTĐT/HĐ-VCR ngày 02/01/2024*) thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt theo đúng quy định.

Tần suất thu gom: 01 lần/ngày

➔ Nhìn chung, công tác quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đáp ứng được các yêu cầu, quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

3.3. *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn*

- Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh bao gồm:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, ... và các chất thải ngoại cảnh khoảng 45.880 kg/năm.

+ Chất thải rắn y tế thông thường:

- Chất thải y tế thông thường phát sinh tại Bệnh viện bao gồm hộp giấy, thùng carton, túi nilong, chai nhựa...phát sinh trong năm 2024 là 5.475 kg.

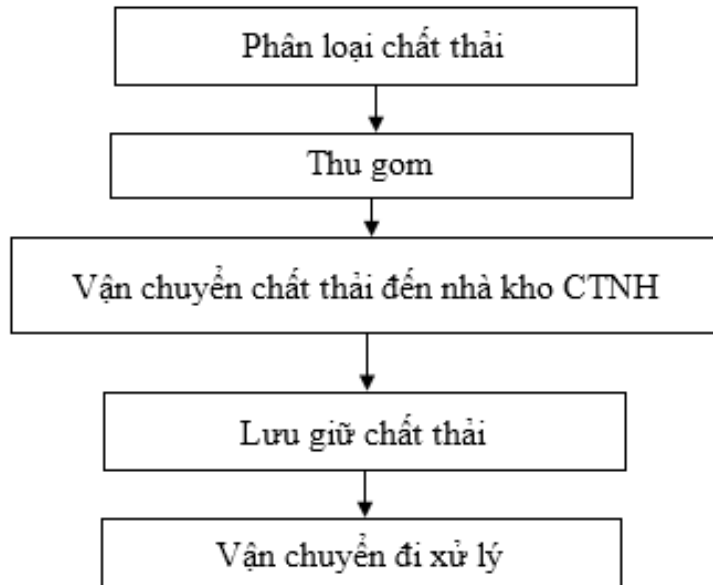
- Chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm từ các hoạt động chuyên môn y tế như: các ống tiêm, bông gòn thấm máu, chai lọ chứa hoá chất, mực in....phát sinh trong năm 2024 là 2.117 kg.



Hình 13. Một số hình ảnh của các loại thùng chứa chất thải rắn y tế thông thường và nhà kho chứa chất thải tái chế

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Công tác quản lý, xử lý chất thải y tế tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được thể hiện trong sơ đồ sau:



Hình 14. Quy trình quản lý, xử lý chất thải y tế

Các biện pháp được áp dụng nhằm quản lý, xử lý chất thải y tế tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

4.1. Công trình lưu trữ chất thải nguy hại

a) Thiết bị, thùng chuyên dụng lưu trữ chất thải nguy hại

a.1) Chất thải lây nhiễm

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong thùng có lót túi màu vàng loại 10 lít. Thời gian lưu giữ chất thải tối đa tại khoa là 24 giờ. Sau khi chuyển xuống nhà chứa chất thải của bệnh viện được lưu giữ tối đa là 48 giờ.

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Đựng trong thùng có lót túi màu vàng loại 05 lít. Thời gian lưu giữ tối đa: Tại khoa và bệnh viện là 01 tuần. Hộp đựng vật sắc nhọn được chuyển đi tiêu hủy cùng với chất thải sắc nhọn khi đã đầy tới mức 3/4 hộp.

a.2) Chất thải nguy hại nhưng không lây nhiễm

- Loại thùng chứa: 01 thùng chuyên dụng màu đen thể tích 10 lít.
- Thời gian lưu giữ tối đa là 01 năm.

b) Nhà kho chứa chất thải nguy hại

Nhà kho chứa chất thải nguy hại tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà

Vinh cơ bản đáp ứng các quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Diện tích: 09 m² (chiều dài = 03m, chiều ngang = 03 m)
- Phần mái: mái lợp tole. Đảm bảo CTNH lưu chứa bên trong không tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng và nước mưa.
- Phần nền: Nền nhà kho đảm bảo không bị ngập nước, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.
- Nhà kho chứa chất thải nguy hại được phân chia thành các khu vực riêng biệt, phục vụ lưu trữ riêng biệt cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất và có tên loại chất thải, mã số chất thải nguy hại (CTNH) (*đối với chất thải y tế nguy hại*).
- Thực hiện nghiêm quy định về xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế. Từ trước đến nay không có trường hợp quá tải về xử lý chất thải đối với đơn vị hợp đồng (Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh).

➔ Công tác phân loại, thu gom, bố trí bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa các loại chất thải y tế tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 4, 5, 6, và Điều 7 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã ký kết hợp đồng với Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh (*Hợp đồng số 04R/2024/HĐKT ngày 20/12/2023*) thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

+ Tần suất thu gom: 48 giờ/lần.

+ Thời gian thu gom: Buổi sáng thực hiện thu gom trong khoảng từ 7h30 phút - 10h30 phút, buổi chiều từ 13h30 phút - 16h00 phút.

+ Số lượng thùng rác chứa chất thải nguy hại: gồm 08 thùng loại 60 lít đến 120 lít, có dán mã chất thải nguy hại theo quy định.

+ Chất thải lây nhiễm được các đơn vị sử dụng thùng chở rác thải y tế chuyên dụng (thùng màu vàng) vận chuyển về lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải của Bệnh viện Y tế, sau đó được Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh thu gom, xử lý theo mô hình cụm cơ sở y tế.

- An toàn trong thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y rắn nguy hại: Các biện pháp được áp dụng nhằm đảm bảo an toàn trong thu gom, vận chuyển

và xử lý chất thải rắn nguy hại cụ thể như sau:

+ Khi thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phải mang đầy đủ bảo hộ lao động.

- Nghiêm cấm nhân viên y tế thực hiện một số hành vi sau:

▪ Tự ý thu gom, bán, cho chất thải hoặc vận chuyển chất thải ra khỏi phạm vi Bệnh viện.

▪ Để chất thải lẫn với đồ vải hoặc dụng cụ y tế. Đậy nắp, bẻ cong, dùng tay tháo rời bơm kim tiêm.

▪ Vận chuyển chất thải bằng xe không đúng quy định, không có nắp đậy kín.

4.3. *Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại*

Khối lượng của từng loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 21. Khối lượng của từng loại chất thải nguy hại năm 2024

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	LN	Rắn/lỏng	NH	1.472,50
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm					644,5
2.1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	KS	550,5
2.2	Chất hàn răng amalgam thải	18 01 10	Rắn	NH	18 01 10	-
2.3	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	Đ, ĐS	Rắn	NH	-
2.4	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	19 01 01	Đ, ĐS, AM	Lỏng	NH	-
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác					
a	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tin hoạt tính thải	16 01 06	Đ, ĐS	Rắn	NH	47
b	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Đ, ĐS	Rắn	KS	42
c	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Đ, ĐS, AM	Rắn	NH	5

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg)
d	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01		15 02 02	A3020	-
e	Các loại nhiên liệu thải khác (bao gồm cả hỗn hợp)	17 06 03	C, Đ, ĐS	Lỏng	NH	-
Tổng cộng						2.117,00

Nguồn: Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh, 2024



Hình 15. Một số hình ảnh của các loại thùng chứa và nhà kho chứa CTNH

⇒ Các biện pháp và công trình lưu giữ, xử lý CTNH tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đảm bảo thực hiện đúng định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/08/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh, Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 1361/SYT-NVY ngày 14/6/2019 của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

5.1. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đã và đang được thực hiện tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

a) Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông

- Quy định “TẮT MÁY, XUỐNG XE KHI RA VÀO CÔNG” đối với các phương tiện giao thông của người bệnh, người nuôi bệnh.

- Bố trí khu vực nhà xe gần khu vực công chính của Bệnh viện, tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh, người nuôi bệnh khi ra vào.

b) Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng

- Bố trí Nhà máy phát điện với diện tích khoảng 32 m², cách âm với môi trường xung quanh.

- Nền móng đặt máy phát điện được xây dựng bằng bê tông, đảm bảo kiên cố và hạn chế lan truyền độ rung.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo đúng thiết kế của máy phát điện.

- Lắp đặt bộ phận giảm thanh, giảm nhiệt cho máy phát điện.

- Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì, kiểm tra, sửa chữa hư hỏng (nếu có), đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng và giảm phát sinh tiếng ồn, độ rung.

5.2. Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn

Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với HTXL nước thải

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với công trình này cụ thể như sau:

- Công suất hoạt động: Trong quá trình thiết kế đã tính toán đến hệ số an toàn, nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả khi phát sinh sự cố.

- Về máy móc và thiết bị:

+ Tại các bể xử lý nước thải đều được bố trí đầy đủ các loại máy móc và thiết bị nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý của toàn hệ thống. Do đó, đảm bảo được tính chủ động ứng phó khi phát sinh sự cố hư hỏng máy móc, thiết bị.

+ Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì thiết bị, hệ thống điện; Thực hiện đầy

đủ chế độ bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị theo quy định/hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Công tác hướng dẫn vận hành, đào tạo chuyên gia công nghệ: Sau khi vận hành nghiệm thu hệ thống, nhân viên phụ trách quản lý và vận hành hệ thống XLNT đã được chuyển giao công nghệ và nắm vững quy trình vận hành.

- Về nhân lực: Bố trí nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý nước thải, chịu trách nhiệm vận hành và duy trì hệ thống hoạt động ổn định, đạt hiệu quả xử lý, giảm thiểu tối đa phát sinh sự cố xảy ra trong quá trình hệ thống hoạt động và phát hiện kịp thời các hư hỏng, sự cố.

- Trong trường hợp phát sinh sự cố về sinh khối, thiết bị, ... dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải được hoàn lưu xử lý lại.

- Thực hiện đầy đủ công tác bảo trì thiết bị, hệ thống điện;

- Thực hiện đầy đủ chế độ bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị theo quy định/hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Thực hiện tốt chương trình quan trắc.

* Công trình, thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải là một phần của hệ thống xử lý nước thải nhằm bảo đảm không xả nước thải chưa được xử lý ra môi trường trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, cụ thể như sau:

- Thiết bị: Trang bị 02 máy bơm tại các bể xử lý nước thải, hoạt động theo nguyên tắc luân phiên.

- Trong trường hợp sự cố về máy sục khí ngưng hoạt động dưới 24h, nước thải được bơm về bể cân bằng và tiếp tục quy trình xử lý.

- Trong trường hợp sự cố ngưng hoạt động trên 24h, Bệnh viện sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút nước thải đi xử lý và báo với cơ quan quản lý để có biện pháp hỗ trợ, xử lý hiệu quả nhất.

- Trong trường hợp cả hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố (sự cố tủ điện điều khiển, cháy nổ,...) thực hiện ngay các biện pháp điều tiết, sử dụng nước tiết kiệm để giảm thiểu nước thải phát sinh trong thời gian khắc phục sự cố và liên hệ với bệnh viện đa khoa tỉnh phối hợp xử lý đồng thời báo cáo về Sở Y tế và Sở Tài nguyên và Môi trường được biết.

- Sau khi hoàn thành công tác khắc phục hệ thống XLNT: Phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường thực hiện quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN

28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2).

6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố vỡ tắc đường cống thu gom, thoát nước thải

Để kiểm soát sự cố vỡ tắc đường cống thu gom, thoát nước thải, Bệnh viện sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Định kỳ kiểm tra hệ thống đường cống thu gom, thoát nước thải, vị trí các mối nối,...
- Tiến hành sửa chữa hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước mưa,... gần hệ thống đường ống nước thải.
- Trang bị thiết bị dự phòng và tập huấn cho cán bộ vận hành trong công tác sửa chữa, xử lý sự cố.
- Khi phát sinh sự cố ngoài tầm kiểm soát của Bệnh viện: Báo cáo với lãnh đạo Bệnh viện để phối hợp đơn vị có chức năng khắc phục sự cố nhanh chóng, kịp thời, hạn chế tối đa tác động đến môi trường và con người.

6.3. Phòng ngừa, giảm thiểu sự cố vỡ tắc đường cống thu gom, thoát nước mưa

Để giảm thiểu tình trạng ngập úng tại Bệnh viện khi có mưa lớn do thời tiết bất thường, Bệnh viện thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm tra và nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa, tần suất 06 tháng/lần. Tăng tần suất vào mùa mưa.
- Thuê và bố trí các bơm nước nếu có tình trạng ngập úng cục bộ tại Bệnh viện.
- Thường xuyên kiểm tra các hồ gas thu nước, vệ sinh khi có rác rơi vãi hoặc lá cây tích tụ trên miệng thoát.
- Cải tạo hệ thống thoát nước mưa khi cần thiết, bao gồm: đường cống, hồ ga, nắp hồ ga, ...

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

7.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Công tác phòng cháy chữa cháy tại Bệnh viện được thực hiện theo đúng quy định tại Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, cụ thể như sau:

- Ban hành quy định, nội quy về phòng cháy và chữa cháy và niêm yết tại các vị trí dễ thấy.
- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên, định kỳ và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố.
- Hàng năm Bệnh viện thực hiện kiện toàn đội PCCC, xây dựng kế hoạch công tác PCCC, kế hoạch tổ chức huấn luyện PCCC và tổ chức thực hiện đạt yêu cầu.
- Hàng năm Bệnh viện thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt theo quy định.
- Đường nội bộ đảm bảo thông suốt cho phương tiện chữa cháy thao tác, đảm bảo các tia nước từ xe cứu hỏa có thể khống chế được nguồn lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong Bệnh viện;
- Thành lập đội PCCC cơ sở, với số lượng 15 người và được bố trí thành 05 tổ.
- Tổ chức huấn luyện công tác PCCC cho nhân viên dưới sự hướng dẫn, kiểm tra của lực lượng cảnh sát PCCC.
- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.
- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy.
- Lắp đặt hệ thống báo cháy, các phương tiện phòng cháy chữa cháy theo quy định tại TCVN 3890:2009, cụ thể như sau:

Bảng 22. Danh mục thiết bị, phương tiện PCCC

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
1	Hệ thống báo nhiệt	Đầu	01	Hoạt động tốt, sẵn sàng ứng phó sự cố
2	Hệ thống báo khói	Đầu	8	
3	Bình chữa cháy MT3	Bình	09	
4	Bình chữa cháy bột MFZ8	Bình	09	
5	Xô nước	Cái	10	

Nguồn: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

7.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của tia bức xạ từ phòng chụp X-quang

- Xây dựng và ban hành nội quy sử dụng phòng máy, các quy trình thao tác. Tuân thủ các quy trình vận hành máy.
- Phòng đặt máy X – quang đáp ứng các yêu cầu như thuận tiện cho việc lắp đặt, vận hành thao tác máy, di chuyển an toàn cho bệnh nhân. Có đèn, biển cảnh báo bức xạ bên ngoài phòng.
- Phòng chụp X – quang được thiết kế đảm bảo không cho tia X lọt ra bên ngoài.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ y tế làm việc tại khu vực có bức xạ. Kiểm tra liều bức xạ cá nhân cho những người tiếp xúc với bức xạ để đánh giá giới hạn liều bức xạ cho những người tiếp xúc với bức xạ theo quy định tại Nghị định 142/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/12/2020.
- Đào tạo về an toàn bức xạ cho cán bộ chuyên trách về an toàn bức xạ cũng như cho toàn thể nhân viên bức xạ.
- Trang bị thiết bị kiểm soát sự rò bức xạ hoặc thuê đơn vị có chức năng đo.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên làm việc tại Phòng đặt máy X – quang.

7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh

- Biện pháp phòng ngừa:
 - + Các nhân viên, y bác sĩ trong Bệnh viện được trang bị đầy đủ các vật dụng bảo hộ theo đúng tiêu chuẩn ngành y tế quy định.
 - + Khi bệnh nhân được bác sĩ chuẩn đoán có nghi ngờ về các dịch bệnh dễ lây lan trong cộng đồng sẽ được đưa đi xét nghiệm, nếu phát hiện dương tính sẽ được đưa đi cách ly, điều trị tại khoa lây nhiễm.
 - + Ngăn ngừa lây chéo: Tổ chức phòng khám bệnh và tiếp nhận bệnh nhân khoa học, khám và chuẩn đoán chính xác, cảnh giác đối với những bệnh đang trong thời gian ủ bệnh; không để bệnh nhân tiếp xúc bừa bãi trong khi chờ khám bệnh; sắp xếp bệnh nhân vào các buồng bệnh cho hợp lý.
 - + Quy định chế độ làm việc cho nhân viên, không để mang mầm bệnh từ bên ngoài vào, từ bệnh nhân này sang bệnh nhân kia,...
- Biện pháp ứng phó:
 - + Khi phát hiện bệnh truyền nhiễm, ngay lập tức đưa người nhiễm bệnh đi cách ly, điều trị tại Khoa truyền nhiễm.

+ Tiến hành công tác khử trùng, tẩy uế buồng bệnh, các dụng cụ, đồ đạc, chất thải để tiêu diệt mầm bệnh.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo nội dung của Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của “Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh”, đến nay biện pháp bảo vệ môi trường tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh phần lớn không thay đổi.

Trong quá trình hoạt động, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022 (giấy phép môi trường thành phần). Đến thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, hoạt động xả thải không thay đổi so với nội dung đã được cấp phép.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn 1: Nước thải y tế phát sinh từ các khoa, phòng tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh.
 - + Nguồn 2: Nước thải sinh hoạt của y bác sĩ, bệnh nhân, người nuôi bệnh.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 100 m³/ngày-đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng thải là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận nước thải.
 - Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Số lượng các chất ô nhiễm và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B, cụ thể như sau:

Bảng 23. Giá trị giới hạn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C Cột B	Giá trị C _{max}
1	pH	-	6,5 - 8,5	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	50	60
3	COD	mg/l	100	120
4	TSS	mg/l	100	120
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	24
10	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000

• **Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện
- Giá trị tối đa (C_{max}) được tính bằng công thức quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT: $C_{max} = C \times K$

Trong đó:

+ C là giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở để tính toán C_{max} (áp dụng cột B: Nước thải y tế thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt).

+ K là hệ số về quy mô đối với Bệnh viện có < 300 giường bệnh (K = 1,2).

+ Đối với các thông số: pH, tổng Coliforms sử dụng hệ số $K = 1,0$.

- Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả nước thải vào nguồn nước (tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

- Tọa độ điểm xả nước thải sau hệ thống đầu nối vào công thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1098 004

+ Tọa độ Y= 591 176

- Tọa độ điểm đầu nối đường công thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 894

+ Tọa độ Y= 591 114

Vị trí đầu nối từ hệ thống công thoát nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh vào hố ga của hệ thống công thoát nước trên đường Nguyễn Đáng.

- Tọa độ điểm xả thải vào nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh (gần Cầu Long Bình 2, thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh) (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 539

+ Tọa độ Y= 592 311

- Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng, sau đó chảy ra Rạch Trà Vinh, loại hình xả ngầm xả ven bờ.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống công thoát nước công cộng của đường Nguyễn Đáng, sau đó chảy ra sông Long Bình (Rạch Trà Vinh).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có



Hình 16. Vị trí lấy mẫu quan trắc nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết và được phê duyệt tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh, chương trình quan trắc định kỳ tại Bệnh viện bao gồm:

Bảng 24. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Thông số	Tần suất
I	Không khí			
1	Không khí khu vực khuôn viên của Bệnh viện	KK01	Tiếng ồn, Bụi lơ lửng, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃ , H ₂ S	06 tháng/lần
2	Không khí cách Bệnh viện 60m theo hướng Đông	KK02		
II	Nước thải			
1	Tại cống nước thải ra môi trường	NT	pH, TSS, BOD ₅ , H ₂ S, NO ₃ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P, NH ₄ ⁺ -N, Dầu mỡ động thực vật, Coliform	03 tháng/lần

Trong thời gian qua, Bệnh viện đã thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường định kỳ kết quả quan trắc năm 2023 và 2024, cụ thể như sau:

- Thông tin lấy mẫu quan trắc môi trường năm 2023 và 2024
- + Quý I/2023: ngày 28/2/2023 Quý II/2023: ngày 22/5/2023
- + Quý III/2023: ngày 04/8/2023 Quý IV/2023: ngày 03/11/2023
- + Quý I/2024: ngày 28/3/2024 Quý II/2024: ngày 12/6/2024
- + Quý III/2024: ngày 18/9/2024

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023 và 2024 được tổng hợp trong bảng sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 25. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 28:2010/ BTNMT (C _{max})
			Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023	
1	pH	-	7,08	7,08	7,05	7,25	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	7,3	9,8	13,6	22,9	120

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 28:2010/ BTNMT (C _{max})
			Quý I/2023	Quý II/2023	Quý III/2023	Quý IV/2023	
3	BOD ₅	mg/L	4,9	4,9	2,0	1,1	60
4	H ₂ S	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	4,8
5	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,859	0,508	6,272	0,540	60
6	PO ₄ ³⁻ - P	mg/L	0,06	0,01	0,14	0,03	12
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,301	0,215	0,133	0,294	12
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH	0,3	0,3	0,4	24
9	Coliform	MPN/100mL	2,3.10 ¹	9,3.10 ³	KPH	9,3.10 ¹	5.000

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

***Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện

- Giá trị tối đa cho phép áp dụng theo công thức $C_{max}=C \times K$ của QCVN 28:2010/ BTNMT. Trong đó:

+ C_{max} : là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải vào cống thải chung của khu dân cư.

+ C: là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm (cột B)

+ K: là hệ số tính với quy mô, loại hình cơ sở y tế (Bệnh viện có quy mô dưới 300 giường, chọn K=1,2). Không áp dụng hệ số K đối với thông số pH và Coliform.

***Nhận xét:** Kết quả quan trắc cho thấy, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện trong năm 2024 có chất lượng tốt, tất cả các thông số có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B, K=1,2).

Bảng 26. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 28:2010/ BTNMT (C _{max})
			Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	
1	pH	-	7,67	7,59	7,44	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	15	21	43	120
3	BOD ₅	mg/L	16	19	26	60

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả			QCVN 28:2010/ BTNMT (C _{max})
			Quý I/2024	Quý II/2024	Quý III/2024	
4	H ₂ S	mg/L	KPH	KPH	KPH	4,8
5	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	8,6	9,3	12,6	60
6	PO ₄ ³⁻ - P	mg/L	0,1	0,11	0,78	12
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	1,14	1,40	KPH	12
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH	KPH	KPH	24
9	Coliform	MPN/100mL	2,7x10 ³	1,4x10 ³	1,1x10 ³	5.000

Nguồn: Kết quả giám sát môi trường đợt 1, đợt 2 năm 2024

***Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện

- Giá trị tối đa cho phép áp dụng theo công thức $C_{max}=C \times K$ của QCVN 28:2010/BTNMT. Trong đó:

+ C_{max} : là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải vào cống thải chung của khu dân cư.

+ C : là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm (cột B)

+ K : là hệ số tính với quy mô, loại hình cơ sở y tế (Bệnh viện có quy mô dưới 300 giường, chọn $K=1,2$). Không áp dụng hệ số K đối với thông số pH và Coliform.

***Nhận xét:** Kết quả quan trắc cho thấy, nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện trong năm 2024 có chất lượng tốt, đa số các thông số có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, $K=1,2$).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí

2.1. Kết quả quan trắc năm 2023

Bảng 27. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí năm 2023

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc					
		Tiếng ồn dBA	Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{m}^3$	SO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NH ₃ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	H ₂ S $\mu\text{g}/\text{m}^3$
I	Quý I						

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc					
		Tiếng ồn dBA	Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{m}^3$	SO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NH ₃ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	H ₂ S $\mu\text{g}/\text{m}^3$
1	KK01	58,2	201	12,7	KPH	137	KPH
2	KK02	60,7	164	8,3	3,7	180	KPH
II	Quý III						
1	KK01	53,2	65	11	KPH	194	KPH
2	KK02	54,5	75	9,7	KPH	177	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT		55*	300	350	200	200	42

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Bảng 28. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với không khí năm 2024

TT	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc					
		Tiếng ồn dBA	Bụi lơ lửng $\mu\text{g}/\text{m}^3$	SO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NO ₂ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	NH ₃ $\mu\text{g}/\text{m}^3$	H ₂ S $\mu\text{g}/\text{m}^3$
I	Quý II						
1	KK01	65	160	59	53	KPH	KPH
2	KK02	65,2	260	71	60	KPH	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT		55*	300	350	200	200	42

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024

*** Ghi chú:**

- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – đối với khu vực đặc biệt;

- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí – Trung bình 01 giờ;

* **Nhận xét:** Theo kết quả quan trắc trong năm 2023 và 2024 cho thấy, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Cho thấy hoạt động của Bệnh viện không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Các công trình xử lý chất thải đã được xây dựng tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh bao gồm:

- Hàm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: Căn cứ theo điểm d khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Bệnh viện không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình này.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Căn cứ theo Khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh thuộc đối tượng không phải thực hiện vận hành thử nghiệm, cụ thể như sau: Trong quá trình hoạt động, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022 (giấy phép môi trường thành phần). Đến thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, hoạt động xả thải không thay đổi so với nội dung đã được cấp phép, cụ thể như sau:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Long Bình (Rạch Trà Vinh)

- Tọa độ điểm xả nước thải sau hệ thống đấu nối vào cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1098 004

+ Tọa độ Y= 591 176

- Tọa độ điểm đấu nối đường cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 894

+ Tọa độ Y= 591 114

Vị trí đấu nối từ hệ thống cống thoát nước thải của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh vào hố ga của hệ thống cống thoát nước trên đường Nguyễn Đáng.

- Tọa độ điểm xả thải vào nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh (gần Cầu Long Bình 2, thuộc phường 6, thành phố Trà Vinh) (VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Tọa độ X= 1097 539

+ Tọa độ Y= 592 311

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh ra đường Nguyễn Đáng, sau đó chảy ra sông Long Bình (Rạch Trà Vinh), loại hình xả ngầm xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm

- Chất lượng nước thải: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. (cột B; K = 1,2).

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở ***Quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý***

- Vị trí quan trắc: Hồ ga nước thải sau xử lý (ký hiệu: NT)

- Tần số quan trắc: 06 tháng/lần

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Sulfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1,2)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế .

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bộ đơn giá dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại Bệnh viện ước tính khoảng 16.144.064 đồng

(bằng chữ: Mười sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, không trăm sáu mươi bốn đồng), cụ thể như sau:

Bảng 29. Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc nước thải hàng năm

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	pH	Mẫu	4	93.664	374.656
2	COD	Mẫu	4	327.901	1.331.604
3	TSS	Mẫu	4	235.782	943.128
4	BOD ₅	Mẫu	4	280.468	1.121.872
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	Mẫu	4	376.748	1.506.992
6	Nitrat (tính theo N)	Mẫu	4	441.862	1.767.448
7	Phosphat (tính theo P)	Mẫu	4	402.605	1.610.420
8	Amoni (tính theo N)	Mẫu	4	366.596	1.466.384
9	Dầu mỡ động thực vật	Mẫu	4	712.764	2.851.056
10	Coliform	Mẫu	4	797.626	3.190.504
Tổng cộng					16.144.064

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2023 và 2024, Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Theo Quyết định số 279/QĐ-STNMT ngày 26/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2024 (gọi tắt là Đoàn kiểm tra)

+ Thời gian kiểm tra: Ngày 23/8/2024

+ Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở như sau:

- Thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022. Lập hồ sơ giấy phép môi trường trước khi hết hiệu lực giấy phép xả nước thải vào nguồn nước chậm nhất trước 90 ngày.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ nội dung công tác bảo vệ môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và Công văn xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo đề án chi tiết số 950/STNMT-CCBVMT ngày 11/6/2018.

- Trong quá trình hoạt động, trường hợp có thay đổi nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề nghị Bệnh viện báo cáo về Sở Tài nguyên và môi trường để được xem xét trước khi triển khai thực hiện; trường hợp hoạt động nếu có xảy ra sự cố môi trường, đề nghị Bệnh viện dừng ngay các hoạt động xả nước thải, khắc phục sự cố và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Trà Vinh.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cam kết xử lý các loại chất thải đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào hệ thống thu gom riêng biệt và xả thải ra cống thoát nước công cộng trên đường Nguyễn Thị Minh Khai; Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm nước mưa.

+ Đối với nước thải: Được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 100 m³/ngày-đêm), nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2) được xả thải ra nguồn tiếp nhận là Rạch Trà Vinh.

+ Đối với chất thải rắn (chất thải thông thường và chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp phân loại và quản lý chất thải tại nguồn; thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

+ Đối với các nguồn phát sinh khí thải, tiếng ồn Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung. Đảm bảo môi trường không khí đạt:

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

+ An toàn bức xạ trong y tế thực hiện tuân thủ theo Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT ngày 9/6/2014 giữa Bộ khoa học công nghệ và Bộ Y tế về việc Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế và Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/08/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ Phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố cháy nổ: Thực hiện đầy đủ các biện pháp theo đúng quy định tại Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Thông

tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.

+ Thực hiện lập và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh cam kết duy trì thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường và vận hành xuyên suốt các công trình xử lý chất thải với quá trình hoạt động.

PHỤ LỤC

Số: 1039./QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 04 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

BCH. QU. TỈNH TRÀ VINH
THUSỐ: 1039
NGÀY: 05/6/2009

Về việc thành lập Bệnh viện Quân- Dân y tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Công văn số 1303/BYT-KHTC ngày 13/3/2009 của Bộ Y tế về việc
thành lập Bệnh viện Quân- Dân y tỉnh Cà Mau và Trà Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh và đề
nghị tại Tờ trình số 205/TTr- SNV ngày 01/6/2009 của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh, trên cơ sở nâng cấp
Bệnh xá Quân y thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ:

- Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh là cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Bộ Chỉ huy
quân sự tỉnh Trà Vinh; hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp có thu theo quy định
của pháp luật.

- Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh có tư cách pháp nhân, có con dấu theo
tên gọi và được mở tài khoản riêng để giao dịch.

Điều 3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp với Sở Y tế xây dựng quy chế tổ
chức và hoạt động của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh phù hợp với quy định của pháp
luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y
tế, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh, Thủ trưởng các Sở - Ban
ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện- thị xã và Giám đốc Bệnh viện
Quân – Dân y tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

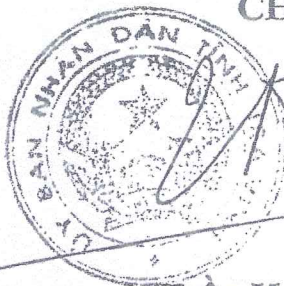
Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. / *ea*

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban TC Tỉnh ủy;
- Như điều 4;
- LĐVP + Phòng NC NC, VX;
- Lưu: VT. 26 bản

Đã 2009/UBND Thành lập Bệnh viện Quân- Dân y tỉnh Trà Vinh //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Trần Hoàn Kim

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của
"Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh"**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của "Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh" đã được bổ sung, chỉnh sửa hoàn chỉnh gửi kèm Công văn số 32/BVQDY ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 404/TTr-STNMT ngày 30 tháng 8 năm 2013 về việc đề nghị phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết "Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh" và Thông báo số 210/TB-STNMT ngày 04/7/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc chỉnh sửa, bổ sung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của "Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh";

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi là cơ sở) được lập bởi ông Đoàn Văn Tân, Giám đốc Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô, công suất hoạt động:

1.1. Cơ sở có vị trí tại: Khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Cơ sở có quy mô, công suất hoạt động: 50 giường bệnh

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt các tiêu chuẩn hiện đang còn bắt buộc áp dụng, các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan trước khi thải ra môi trường.

2.3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành việc xây dựng, thử nghiệm và nghiệm thu các biện pháp công trình bảo vệ môi trường theo đề án bảo vệ môi trường đã đăng ký; chỉ được phép đưa công trình bảo vệ môi trường vào hoạt động chính thức sau khi đã được cơ quan phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chỉ tiết này kiểm tra và cấp giấy xác nhận.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu nội dung hoạt động của cơ sở, nội dung của Đề án có thay đổi, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

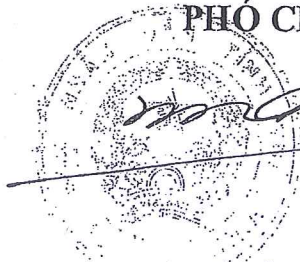
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 7 và Giám đốc Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- PCVP Nguyễn Thanh Tâm;
- Lưu: VT, PNC NN. *Alb 7/20*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



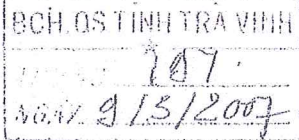
Nguyễn Văn Phong

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 513 /UBND-KTKT
V/v lập dự án đầu tư xây dựng
Bệnh viện Quân dân y tỉnh

Trà Vinh, ngày 02 tháng 3 năm 2007



Kính gửi: Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

Xét Tờ trình số 194/SKHĐT-TĐ ngày 28/02/2007 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chủ trương đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân dân y tỉnh;

Chủ tịch UBND tỉnh xử lý như sau:

Đồng ý việc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh lập dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Quân dân y tỉnh, như Tờ trình của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Hạng mục công trình	Qui mô	Ước kinh phí
Nhà khám bệnh lâm sàng và hành chính tổng hợp	2.126m ²	
Nhà lưu bệnh điều trị	48 giường, 853m ²	
Đường nội bộ	4mx200m:800m ²	
Hệ thống thoát nước	395m ²	
San lấp mặt bằng	1.800m ²	
Tổng cộng		6.986

(Sáu tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu đồng).

1. Chủ đầu tư.
2. Địa điểm xây dựng: Phường 7, thị xã Trà Vinh.
3. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2007 - 2008.
4. Nguồn vốn: Ngân sách.

Trình tự, thủ tục thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở: KH&ĐT, TC, XD;
- Kho Bạc NN TV;
- BLĐVP, khối KTKT, KTTT, VX;
- Lưu: VT.



BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU 9

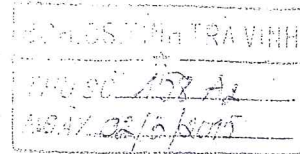
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 204 /QĐ-BTL

Cần Thơ, ngày 11 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Vị trí đóng quân của Bệnh viện quân dân y thuộc
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh



TƯ LỆNH QUÂN KHU

Căn cứ Thông tư số 84/2011/TT-BQP ngày 21 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Quân khu;

Căn cứ Tờ trình số: 1564/TTr-BCH ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh về việc xin Quyết định vị trí đóng quân của Bệnh viện quân dân y thuộc Bộ CHQS tỉnh quản lý;

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị;

Theo đề nghị của Tham mưu trưởng Quân khu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng ý cho Bệnh viện quân dân y thuộc Bộ CHQS tỉnh Trà Vinh được đóng quân trong khu vực phường 7, thành phố Trà Vinh.

Địa điểm: Phường 7 - thành phố Trà Vinh - tỉnh Trà Vinh

- Tọa độ : (97453), Bản đồ VN 2000 tỷ lệ : 1/50.000.

- Diện tích : 21.485 m².

- Các hướng:

+ Đông giáp : Trường quân sự tỉnh.

+ Tây giáp : Khu dân cư

+ Nam giáp : Khu dân cư.

+ Bắc giáp : Khu dân cư.

(Có sơ đồ khu đất kèm theo).

Điều 2. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm:

- Quan hệ với cơ quan chức năng của địa phương hoàn thành thủ tục hồ sơ hợp thức hóa đất sử dụng vào mục đích quốc phòng.

- Quan hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương và đơn vị bạn quản lý chặt chẽ khu vực đóng quân không để bị lấn chiếm.

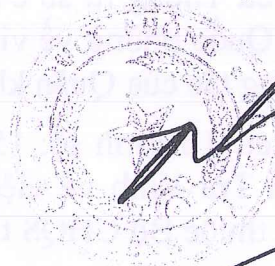
- Lập kế hoạch đóng quân canh phòng bảo vệ đơn vị.
- Quản lý chặt chẽ đất quốc phòng được Quân khu giao sử dụng đóng quân; chấp hành nghiêm Luật Đất đai, quy định của Nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng về quản lý sử dụng đất quốc phòng.
- Thường xuyên kiểm tra việc quản lý sử dụng đất và hồ sơ pháp lý đất quốc phòng.

Điều 3. Tham mưu trưởng Quân khu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh và các cơ quan chức năng của Quân khu có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận :

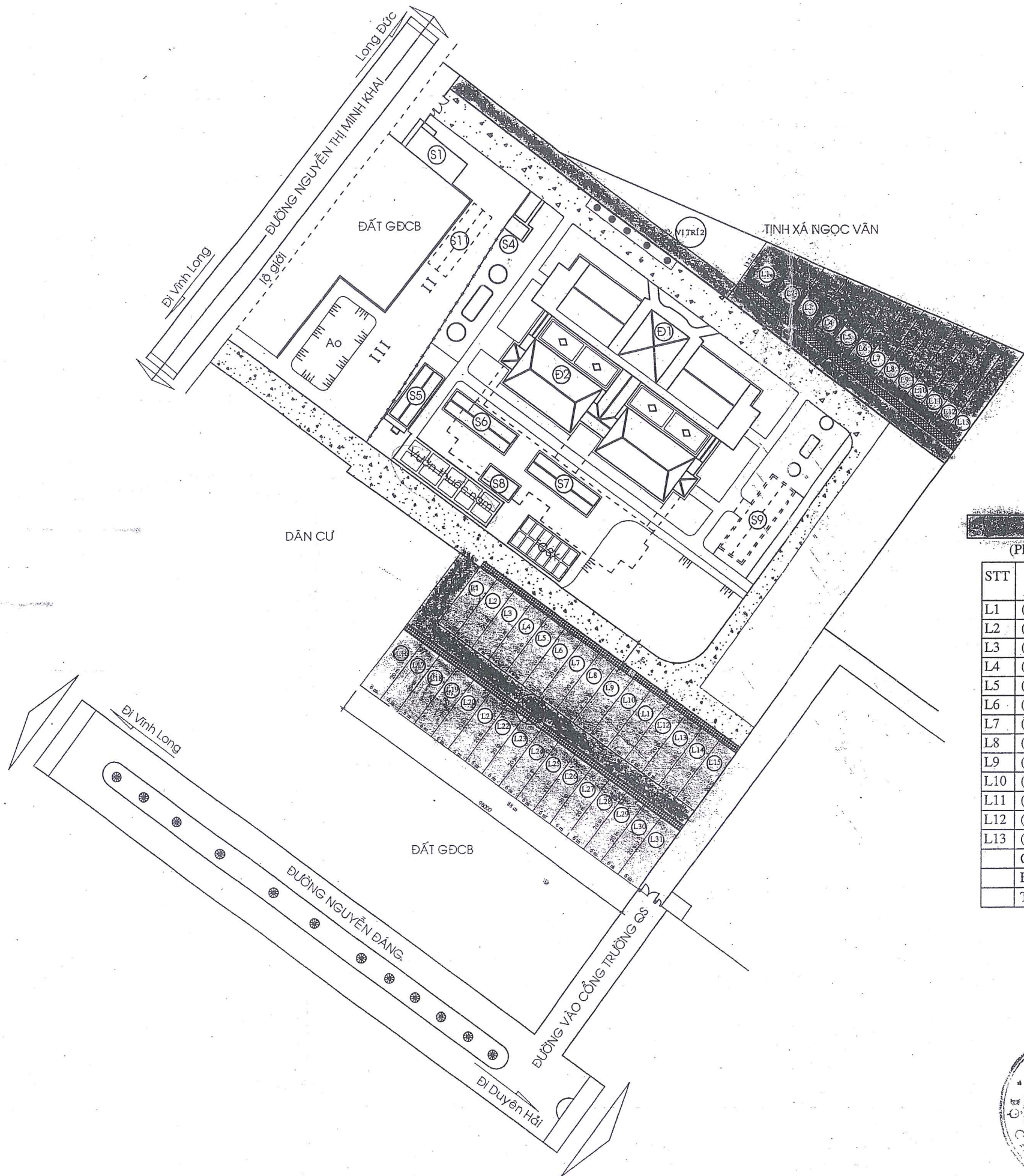
- Như Điều 3;
- Phòng Tác chiến;
- Phòng Doanh trại;
- Lưu VT, TC, S7.

TU' LỆNH



[Handwritten signature]

SƠ ĐỒ PHÂN LÔ ĐẤT BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y
02 VỊ TRÍ: VỊ TRÍ 1: DT: 2.834 M²; VỊ TRÍ 2: 4.710 M²



BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT VỊ TRÍ 2
(Phía sau Bệnh viện, ao nuôi cá hiện hữu)

STT	KÍCH THƯỚC	DIỆN TÍCH (m ²)
L1	20 x 6 m	120
L2	20 x 6 m	120
L3	20 x 6 m	120
L4	20 x 6 m	120
L5	20 x 6 m	120
L6	20 x 6 m	120
L7	20 x 6 m	120
L8	20 x 6 m	120
L9	20 x 6 m	120
L10	20 x 6 m	120
L11	20 x 6 m	120
L12	20 x 6 m	120
L13	20 x 6 m	120
L14	20 x 6 m	120
L15	20 x 6 m	120
L16	20 x 6 m	120
L17	20 x 6 m	120
L18	20 x 6 m	120
L19	20 x 6 m	120
L20	20 x 6 m	120
L21	20 x 6 m	120
L22	20 x 6 m	120
L23	20 x 6 m	120
L24	20 x 6 m	120
L25	20 x 6 m	120
L26	20 x 6 m	120
L27	20 x 6 m	160
L28	20 x 6 m	120
L29	20 x 6 m	120
L30	20 x 6 m	120
L31	20 x 6 m	120
CỘNG		3.720
ĐẤT GT+VIA HÈ		990
TỔNG CỘNG		4.710

BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT VỊ TRÍ 1
(Phía trước Bệnh viện, giáp tỉnh xá Ngọc Vân)

STT	KÍCH THƯỚC	DIỆN TÍCH (m ²)
L1	(13.2-15.7m) x 10 m	144.5
L2	(15.7-17.6m) x 8 m	133.2
L3	(17.6-19.3) x 7 m	129.15
L4	(19.3-21m) x 7 m	141
L5	(21-22.5m) x 6 m	130.5
L6	(22.5-23.7m) x 5 m	115.5
L7	(23.7-25m) x 5 m	121.75
L8	(25-26.1m) x 5 m	127.75
L9	(26.1-27.3m) x 5 m	133.5
L10	(27.3-28.5m) x 5 m	139.5
L11	(28.5-29.7m) x 5 m	145.5
L12	(29.7-31m) x 5 m	151.75
L13	(31-32.2m) x 5 m	158
CỘNG		1.771,6
ĐẤT GT+VIA HÈ		1.063
TỔNG CỘNG		2.834,6

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH TRÀ VINH

BẢN VẼ PHÂN LÔ ĐẤT BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y

 BỘ CHQS TỈNH TRÀ VINH	CHỦ NHIỆM HẬU CẦN 4// Nguyễn Văn Sỹ	BAN DOANH TRẠI 3// Lê Văn Hùng	BVQH TL: 1/500 QH 01 01 10/2012
---------------------------	--	---------------------------------------	---

Trà Vinh, ngày 18 tháng 9 năm 2015

**SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 84.000102 .T

(Cấp lần: 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH

- Tên: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**
- Địa chỉ văn phòng: số 219 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 074.3867557; Fax: 074.3867557; Email: bvqdytravinh@gmail.com
- Tài khoản số: 37122111169800000 tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Trà Vinh.
- Quyết định số: 1039/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh.

II. Nội dung đăng ký

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
3. Chịu trách nhiệm và đảm bảo tính chính xác của việc kê khai các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị (cơ sở).

IV. Điều khoản thi hành

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động. /

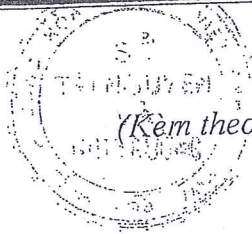
Nơi nhận:

- Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lư Phước Hiệp

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 84.000102.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh
cấp lần 1, ngày 18 tháng 9 năm 2015)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

- Tên: **Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh.**
- Địa chỉ: số 219 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 074.3867557; Fax: 074.3867557; Email: bvqdytravinh@gmail.com
- Quyết định số: 1039/QĐ-UBND ngày 04/6/2009 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thành lập Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	730	13 01 01
2	Các loại chất thải có các thành phần nguy hại từ phòng xét nghiệm huyết học, hóa sinh	Lỏng	2.650	13 01 02
3	Chất hàn răng amalgam thải	Rắn	0,2	13 01 04
4	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước (nước rửa phim X-quang)	Lỏng	240	19 01 01
5	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các loại kim loại nặng	Rắn	1	13 03 02
6	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	10	16 01 06
7	Vải, giẻ lau bảo trì máy móc, thiết bị	Rắn	20	18 02 01
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	20	08 02 04

9	Dầu nhớt thải (từ vận hành máy xử lý nước, máy phát điện dự phòng...)	Lỏng	5	17 06 03
10	Pin thải	Rắn	2	16 01 12
Tổng số lượng			3.628,2	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải trong quá trình khám chữa bệnh	Rắn	1.200
2	Chất thải sinh hoạt	Rắn	1.825
Tổng số lượng			3.025

4. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký

Bộ hồ sơ đăng ký kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 84.000102.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày 18 tháng 9 năm 2015 được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này./.

Số: 10/GP-SKHICN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 12 năm 2015

GIẤY PHÉP

Tiến hành công việc bức xạ
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

GIÁM ĐỐC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TRÀ VINH

- Căn cứ Luật năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008;
- Căn cứ Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của Bệnh viện Quân-dân y Trà Vinh;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Chuyên ngành,

CHO PHÉP

Bệnh viện Quân dân y Trà Vinh

Địa chỉ: 219, Nguyễn Thị Minh Khai, K6, P7, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0743. 865 757 fax: 0743. 865 757

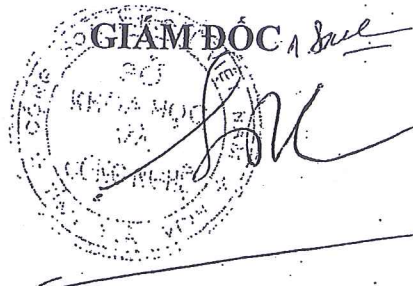
Được phép: Sử dụng 02 (hai) thiết bị X-quang chẩn đoán y tế có các đặc trưng nêu tại phụ lục 2 của giấy phép này để chụp chẩn đoán bệnh.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ và các điều kiện tại phụ lục 1 của giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến ngày 28/12/2018./.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp phép;
- UBND tỉnh (để b/c)
- Lưu: VT, QLCN.



Diệp Văn Sơn

CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP

1. Chỉ được phép sử dụng thiết bị X-quang y tế có các đặc trưng và tại địa điểm nêu tại phụ lục 2 của Giấy phép này;
2. Trường hợp chuyên nhượng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế cho tổ chức, cá nhân khác, phải báo cáo với Sở KH&CN tỉnh Trà Vinh;
3. Trường hợp tiếp tục tiến hành công việc bức xạ sau thời hạn ghi trong Giấy phép này phải làm thủ tục đề nghị gia hạn trước khi Giấy phép hết hạn ít nhất sáu mươi ngày;
4. Trường hợp sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế tại nhiều tỉnh, thành phố khác nhau, phải thông báo với Sở KH&CN địa phương trước khi tiến hành công việc bức xạ (áp dụng cho thiết bị X-quang di động);
5. Không được tự ý thay đổi kết cấu, hiện trạng và các thông số kỹ thuật đã ấn định của thiết bị X-quang nếu chưa được phép của Sở KH&CN tỉnh Trà Vinh;
6. Nếu có sự cố bất thường xảy ra, phải báo ngay về Sở KH&CN tỉnh Trà Vinh theo địa chỉ: 36A Nguyễn Thái Học, Phường 1, Thành phố Trà Vinh. Điện thoại số: 074.3862369 hoặc 074.3864875; fax : 074 .3851552 để xử lý kịp thời.

Phụ lục 2

CÁC ĐẶC TRƯNG CỦA THIẾT BỊ X-QUANG CHẨN ĐOÁN Y TẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO GIẤY PHÉP

STT	Tên thiết bị	Mã hiệu, Số sêri	Hãng SX, Nước SX, Năm SX	Thông số làm việc cực đại kVmax, mAmax/ mAsmax	Mục đích sử dụng, nơi sử dụng, sử dụng cố định hay di động	Các bộ phận của thiết bị			
						Tên bộ phận	Hãng SX	Mã hiệu	Số sêri
01	Máy X- quang thông thường	UD150L – 40E	Shimadzu/ Nhật/2013	150 kV 500 mA	Soi, chụp chẩn đoán tổng hợp; Bệnh viện Quân dân y Trà Vinh; Cố định.	Bàn điều khiển	Shimadzu	UD150L – 40E	3M5263039003
						Đầu bóng phát tia X	Shimadzu	0.6/1.2P18 DE - 85	CM6F3B039048
02	Máy X- quang thông thường	Pectra- 325e (F280)	Amerricomp / Mỹ/2009	125 kV 300 mA	Soi, chụp chẩn đoán tổng hợp; Bệnh viện Quân dân y Trà Vinh; Cố định.	Bàn điều khiển	Amerricomp	Pectra- 325e (F280)	YC768 – 0509
						Đầu bóng phát tia X	Toshiba/ Nhật	E7239GX	09B541

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/GP-SKHHCN

Trà Vinh, ngày 12 tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP
Tiến hành công việc bức xạ
(Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế)

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Năng lượng nguyên tử ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 142/2020/ND-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25/02/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/ND-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ Quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử;

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của Bệnh viện Quân dân Y tỉnh Trà Vinh ngày 26 tháng 12 năm 2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý công nghệ.

CHO PHÉP:
BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Số điện thoại: 02943.865757

Fax:

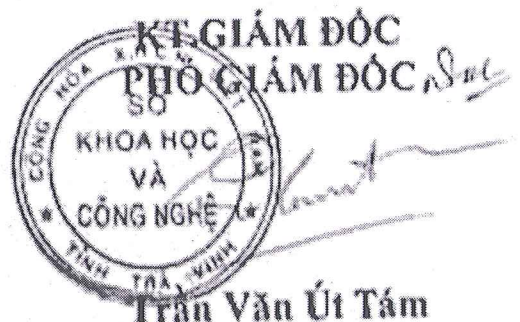
Được phép sử dụng 01 thiết bị chụp X-quang cố định.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép phải nghiêm chỉnh thực hiện các quy định pháp luật và các điều kiện của Giấy phép.

Giấy phép này có giá trị đến ngày 12 / 01 / 2026.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp phép;
- Lưu: VT, QLCN.



BỘ CHQS TỈNH TRÀ VINH
BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y

Số: 93 /BC-BVQDY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 24 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ
(Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017)

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải): Bệnh viện Quân Dân Y tỉnh Trà Vinh
Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 6, phường 7, TP Trà Vinh, T. Trà Vinh
Điện thoại: 074 386 57 57 Fax: 074 386 57 57
Mã số QLCTNH: 84.000102.T.

Tên người tổng hợp báo cáo: Bùi Thị Phương Châm
Điện thoại: 0987 829 219.; Email: bvqdytravinh@gmail.com

1.2. Cơ sở phát sinh CTNH (trường hợp có nhiều hơn một thì trình bày từng cơ sở)
Tên cơ sở (nếu có)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có): 100 Số giường bệnh thực kê: 50

Phần 2. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

- Báo cáo ĐTM/Đề án BVMT chi tiết, Quyết định phê duyệt:

Bệnh viện đã lập Đề án BV MT chi tiết của “ Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh” và được Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013.

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ:

Bệnh viện đã hợp đồng với Trung tâm TTN&MT Trà Vinh đo đạc, lấy mẫu thử nghiệm, thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ tại hợp đồng số 13/HD-TTKT ngày 19 tháng 01 năm 2017 về việc lấy và thử nghiệm mẫu

- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (Số phí đã nộp, nộp đến ngày): 2.554.845đ đến ngày 21/12/2017. Bệnh viện đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo Hóa đơn giá trị gia tăng tiền nước.



2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có nhiều hơn một cơ sở phát sinh chất thải y tế thì báo cáo lần lượt đối với từng cơ sở y tế)

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
					Số lượng	Tên và mã số QLCTNH	Số lượng	
1	Chất thải lây nhiễm, gồm:	13 01 01	kg/năm	841	841	Công ty TNHHMT Cao Gia Quý	00	Thuê xử lý
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	13 01 01	kg/năm	182	182	Công ty TNHHMT Cao Gia Quý	00	Thuê xử lý HĐ số 010917/CGQ-BVQDY ngày 01 tháng 9 năm 2017
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	13 01 01	kg/năm	323	323	TNHHMT Cao Gia Quý Vinh	00	HĐ số 010917/CGQ-BVQDY ngày 01 tháng 9 năm 2017
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	13 01 01	kg/năm	438	438	Công ty TNHHMT Cao Gia Quý	00	HĐ số 010917/CGQ-BVQDY ngày 01 tháng 9 năm 2017
1.4	Chất thải giải phẫu	13 01 01	kg/năm	10	10	Công ty TNHHMT Cao Gia Quý	00	HĐ số 010917/CGQ-BVQDY ngày 01 tháng 9 năm 2017
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:	13 01 02	kg/năm	100		Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh		
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	kg/năm	100	100	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-TGXHR ngày 01/01/2017
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh	13 01 03	kg/năm	0	0	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	0	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế				
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế		Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
					Số lượng	Tên và mã số QLCTNH	Số lượng		
3	Chất thải y tế thông thường		kg/năm	2716			2716	TC	
4	Nước thải y tế		m ³ /năm	3111			3111	HTXLNT	

Ghi chú: (*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường: KĐ (hấp ướt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng), TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải y tế: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

Trong năm 2018, bệnh viện Quân Dân y Trà Vinh sẽ ký kết các hợp đồng thu gom và xử lý rác thải y tế, rác thải sinh hoạt theo quy định, báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Thực hiện tốt công tác thu gom và xử lý theo thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên môi trường.

Phần 4. Các vấn đề khác

Do cán bộ báo cáo là kiêm nhiệm, không có chuyên môn sâu về lĩnh vực chất thải, chưa nắm rõ các loại chất thải, nên trong quá trình tổng hợp báo cáo còn chưa chặt chẽ

Phần 5. Kết luận, kiến nghị

Đề nghị cơ quan chức năng hỗ trợ và giúp đỡ cho bệnh viện về chuyên ngành để bệnh viện thực hiện tốt công tác môi trường theo quy định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu TC, C03.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



Thiếu tá BS. Đoàn Văn Tân

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế			Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
					Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
					Số lượng	Tên và mã số QLCTNH	Số lượng	
	báo nguy hại từ nhà sản xuất					Trà Vinh		TGXLR ngày 01/01
2.3	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng	13 03 02	kg/năm	00	00	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh
2.4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	13 01 04	kg/năm	0,1	0,1	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-TGXLR ngày 01/01/2017
2.5	Chất thải nguy hại khác		kg/năm	42	42	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh
	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	02	02	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-TGXLR ngày 01/01/2017
	Vải, giẻ lau bảo trì máy móc thiết bị	18 02 01	kg/năm	05	05	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-TGXLR ngày 01/01/2017
	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	kg/năm	30	30	CÔNG TY TVC sửa chữa thu hồi lại	00	Thuê xử lý
	Dầu nhớt thải (từ vận hành máy xử lý nước, phát điện dự phòng...)	17 06 03	kg/năm	02	02	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-TGXLR ngày 01/01/2017C
	Pin Thải	16 01 12	kg/năm	03	03	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Trà Vinh	00	Thuê xử lý HĐ số: 03/2017/HĐ-TGXLR ngày 01/01/2017

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 950 /STNMT-CCBVMT

V/v xác nhận báo cáo hoàn thành các công trình BVMT theo đề án BVMT chi tiết của “Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh

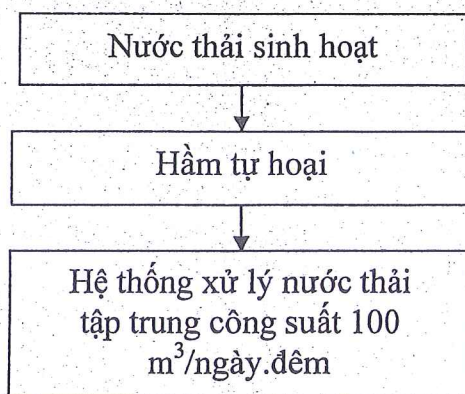
Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 128/BC-BVQDY ngày 28/5/2018 của Bệnh viện Quân dân y (Bệnh viện) về việc chỉnh sửa báo cáo hoàn thành các hạng mục công trình bảo vệ môi trường (BVMT) theo đề án BVMT chi tiết của Bệnh viện. Qua xem xét nội dung Công văn và kết quả kiểm tra thực tế tại Bệnh viện ngày 29/3/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Bệnh viện đã hoàn thành các công trình BVMT theo đề án BVMT chi tiết, cụ thể:

1.1. Công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải, nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn: đã xây dựng hệ thống rãnh bê tông với tổng chiều dài 185 m, bố trí 23 hố ga lắng cặn để thu gom nước mưa chảy tràn và thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của thành phố Trà Vinh.

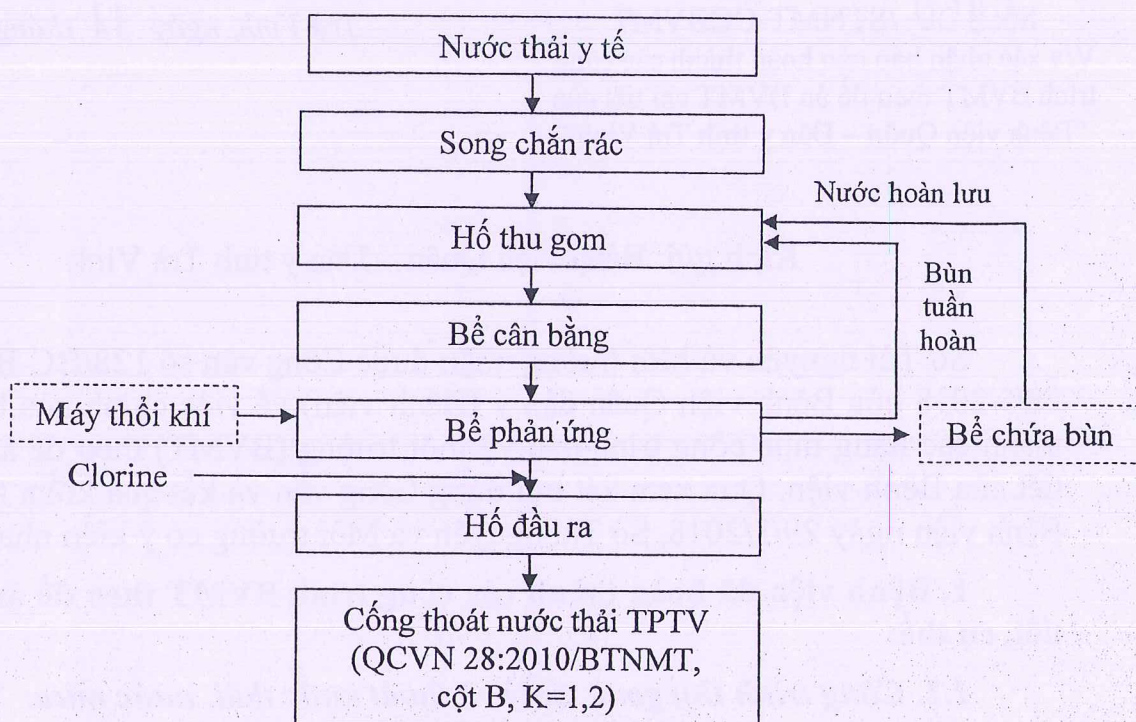
- Nước thải sinh hoạt: đã xây dựng 10 nhà vệ sinh với 03 hầm tự hoại bằng bê tông thể tích 22 m³/hầm để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày.đêm để xử lý với quy trình như sau:



- Nước thải y tế: đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải y tế của Bệnh viện như sau:

- * Công suất xử lý: 100 m³/ngày.đêm.
- * Chế độ vận hành: tự động.
- * Hóa chất sử dụng: Clorine.

* Quy trình xử lý:



1.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: đã bố trí các sọt rác loại 06 lít tại các khoa, phòng để thu gom lượng rác phát sinh và tập kết về 04 thùng rác loại 120 lít tại Bệnh viện và chuyển cho Công ty cổ phần Công trình đô thị xử lý.

- Chất thải rắn y tế thông thường: đã bố trí các sọt rác loại 06 lít tại văn phòng, các phòng chuyên môn để thu gom, lưu giữ lượng giấy vụn, thùng carton, chai nhựa,... phát sinh và tập kết bán phế liệu.

- Chất thải nguy hại: đã bố trí các sọt rác tại khu vực phòng, khoa để thu gom chất thải nguy hại, xây dựng khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại diện tích 15 m² và 06 thùng chứa loại 120 lít để lưu trữ riêng biệt các loại chất thải nguy hại. Bệnh viện thực hiện thu gom, phân loại và xử lý chất thải nguy hại theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế và hợp đồng với Công ty TNHH môi trường Cao Gia Quý để xử lý.

1.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải, bụi:

- Bệnh viện đã lắp đặt quạt tại các phòng bệnh, phòng khám để tạo không khí thông thoáng cho bệnh nhân.

- Đã trồng cây xanh trong khuôn viên Bệnh viện chiếm tỷ lệ 30% diện tích.

- Lắp đặt ống khói cao 05 mét cho máy phát điện dự phòng để phát tán khí thải của máy phát điện vào môi trường, hạn chế ảnh hưởng đến không khí xung quanh.

1.4. Các biện pháp chống ồn, rung:

Bệnh viện bố trí máy phát điện dự phòng và máy bơm khí của hệ thống xử lý nước thải trong phòng kín để hạn chế tiếng ồn phát tán ra môi trường xung quanh.

1.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Bệnh viện đã xây dựng phòng X-quang theo tiêu chuẩn, được Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ số 10/GP-SKHCN ngày 28/12/2015.

- Bệnh viện đã xây dựng Phương án chữa cháy và được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tỉnh Trà Vinh phê duyệt ngày 14/12/2015.

2. Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT; thường xuyên vận hành các công trình BVMT đã nêu trong báo cáo; thực hiện chế độ báo cáo về BVMT và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình BVMT hoặc có sự thay đổi nội dung trong đề án BVMT chi tiết, Bệnh viện phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và chỉ thực hiện khi được chấp thuận.

- Báo cáo hoàn thành các công trình BVMT theo đề án BVMT chi tiết của Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh là căn cứ để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về BVMT trong quá trình hoạt động của Bệnh viện.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến Bệnh viện Quân – Dân y tỉnh Trà Vinh để biết và thực hiện đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (b/c);
- Phòng TNMT TPTV;
- Lưu: VT, MT.



Đặng Văn Điền

Trà Vinh, ngày 14 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KHẮC PHỤC

Về việc xây dựng bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải
công suất 100m³/ ngày đêm tại Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trà Vinh làm chủ đầu tư;

Căn cứ Giấy xác nhận số 950/STNMT-CCBVMT ngày 11/6/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận báo cáo hoàn thành các công trình BVMT;

Căn cứ Biên bản khảo sát thực tế hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh ngày 21/01/2022;

Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình khắc phục như sau:

- Thời gian thực hiện xây dựng bổ sung bể chứa bùn: thực hiện từ ngày 24 - 27/01/2022 và từ ngày 08 - 10/02/2022.
- Thể tích bể chứa bùn: 300 lít.
- Vật liệu: Nhựa (100% bột nhựa nguyên sinh), chịu được lực va đập cao, đảm bảo về độ cứng.
- Kích thước: Dài x rộng x cao = 1.060mm x 730mm x 550mm

Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường nội dung khắc phục theo kiến nghị tại Biên bản khảo sát thực tế ngày 21/01/2022. Kính đề nghị Quý Sở xem xét và chấp thuận, tạo điều kiện cho Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh sớm hoàn thành Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước./.

Quang



Trung tá Đoàn Văn Tân

Số: 17/GP-UBND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Bệnh viện Quân Dân y tỉnh ngày 29/12/2021 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-STNMT ngày 03/3/2022 về việc cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho Bệnh viện Quân Dân y tỉnh Trà Vinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Quân Dân y tỉnh địa chỉ khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Sông Long Bình.
2. Vị trí nơi xả nước thải: Khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải đầu nối vào hệ thống thoát nước của Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh (VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 1098004; Y = 591176; Tọa độ điểm xả nước thải của Trung tâm Sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng đường Nguyễn Đăng (VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 1097894; Y = 591114.

- Tọa độ điểm xả nước thải vào nguồn tiếp nhận sông Long Bình (VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X = 1097539; Y = 592311.

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý chảy vào hệ thống thoát nước của Bệnh viện và chảy vào hệ thống cống thoát nước của Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi Trà Vinh, sau đó chảy vào hệ thống cống thoát nước của thành phố Trà Vinh, chảy ra sông Long Bình; loại hình tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24 giờ/ngày.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải: Áp dụng theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế ban hành kèm theo Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K=1,2)
1	pH	-	6,5-8,5
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

7. Thời hạn của giấy phép là: 05 (năm) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Bệnh viện Quân Dân y tỉnh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận bao gồm: vị trí, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận, tần suất quan trắc;

3. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thu gom, xử lý nước thải, nước xả thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này;

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Bệnh viện Quân Dân y tỉnh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất 90 (chín mươi) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Bệnh viện Quân Dân y tỉnh còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

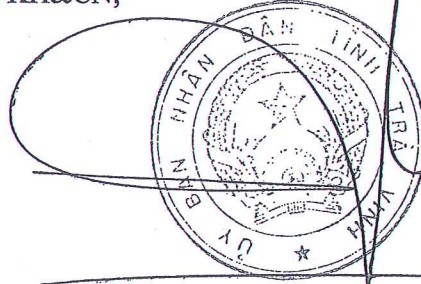
Nơi nhận:

- Cục Quản lý TNN;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, KH&CN;
- Cục Thuế Trà Vinh;
- UBND thành phố TV;
- Bệnh viện Quân Dân y tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PNN. *09 ban*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *Luat*

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

Trà Vinh, ngày 12 tháng 7 năm 2020

BIÊN BẢN
Kiểm tra công tác quản lý chất thải nguy hại

Thực hiện Thông báo số 83/TB-ĐKT ngày 15/7/2020 của Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 859/TB-ĐKT về việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại đối với các chủ nguồn thải chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (đợt 2).

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra công tác quản lý chất thải nguy hại của

..... Bệnh viện Quận Dân Y

Địa chỉ: 219, Nguyễn Thị Minh Khai, Kb. 17, TP. Trà Vinh

Điện thoại: 02943.865.757

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

..... Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường

..... Ông Nguyễn Vũ Phong - Cảnh sát Môi trường



* Đại diện chủ cơ sở: Ông: Nguyễn Hữu Tấn - Phó Cơ Bệnh viện;

..... Ông: Đoàn Văn Tấn - Giám đốc Bệnh viện;

..... Bà: Bùi Thị Phương Châm - Văn Mi Bệnh viện.

II. Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác quản lý chất thải nguy hại và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật (nếu có).

III. Kết quả kiểm tra

1. Thông tin chung:

- Giấy đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập và thời gian hoạt động:

hình viên được thành lập tại Quyết định số
210.39/2009-QĐ-UBND ngày 04/6/2009

- Công suất: 50 giường

- Nguồn nguyên liệu sản xuất:

- Nhiên liệu sản xuất:

- Sản phẩm:

- Diện tích mặt bằng: 6179 m²

- Số lượng nhân viên: 31 người

- Lượng nước sử dụng trung bình (m³/ngày): 08 m³/ngày

- Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV cấp thoát nước TP

- Danh sách các loại hóa chất đang sử dụng (ghi rõ khối lượng, nguồn gốc): (định kèm báo cáo số 291/BC-MV ngày 21/7/2010)

- Mã QLCTNH: 84.000/02.T ngày cấp 18/9/2015

2. Tình hình quản lý chất thải

2.1- Về quản lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải sinh hoạt: Ước tính khoảng 590 kg/tháng

+ Biện pháp thu gom và xử lý, kho lưu giữ: Rải thải sinh hoạt được đưa hàng 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt về bãi thu gom hàng ngày

+ Đơn vị xử lý (Hợp đồng xử lý): Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Miền Bắc - Hợp đồng số 59/2010/HĐ-VCR ngày 01/01/2010

- Chất thải rắn sản xuất: Ước tính khoảng 150 kg/tháng (chất thải)

+ Biện pháp thu gom và xử lý, kho lưu giữ: Cho lưu trữ

+ Đơn vị xử lý (Hợp đồng xử lý): Bán phế liệu

2.2- Về chất thải nguy hại:

+ Số lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh đến thời điểm kiểm tra:

- Chất thải lây nhiễm: 482,6 kg (đã thu gom xử lý)
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: 295 kg (đã xử lý)
- + Tổng số vỏ lọ, kho: 07 kg (bùng đèn); 200 kg (bùng đèn)
- + Tổng số phim xquang: 50 kg (hộp mùn)

+ Dự kiến số lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh đến cuối năm 2020:

- Dự kiến số lượng phát sinh CTNH từ đầu năm 2020 đến cuối năm 2020 là: 900 kg
- Tổng số phim xquang (từ đầu năm đến cuối năm 2020) là 200 kg

+ Biện pháp thu gom và xử lý CTNH năm 2020, kho lưu giữ:

- CTNH được thu gom vào thùng chứa màu đen, có ghi mã số CTNH, lưu tại kho chứa CTNH, định kỳ 18 hãng bệnh viện liên hệ thu gom, xử lý

+ Đơn vị xử lý (Hợp đồng xử lý): Hợp đồng xử lý bệnh viện liên hệ thu gom, xử lý (hợp đồng số 012/2020/HĐKT ngày 02/01/2020)

+ Công tác báo cáo định kỳ về CTNH của cơ sở: Có thực hiện báo cáo định kỳ về CTNH

IV. Một số nhận xét ban đầu của Đoàn kiểm tra

- Bệnh viện đã đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số 84.000.102

- Bệnh viện có phân loại từng loại CTNH phát sinh và chứa trong kho chứa CTNH khoảng 15 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý

- Bệnh viện có thực hiện báo cáo công tác quản lý CTNH định kỳ năm 2019

V. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

- đề nghị bệnh viện tiếp tục kiểm tra định kỳ có chức năng để thử nghiệm, kết quả như sau: phim X-quang và chụp mạch máu in phát sinh
- kiến nghị bệnh viện tiếp tục thực hiện công tác quản lý BHYT và BHYT theo quy định tại nghị quyết liên tịch số 58/2015/TTLT-BTTTT ngày 31/12/2015 quy định về quản lý chất thanh lý BHYT

VI. Ý kiến của cơ sở

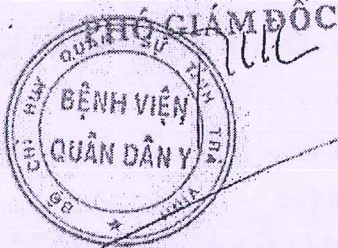
Hiện tại bệnh viện chưa tìm được đơn vị có chức năng để thử nghiệm, kết quả như sau: phim X-quang. Bệnh viện sẽ tiếp tục tìm kiếm đơn vị có chức năng để thử nghiệm, kết quả như sau: phim X-quang

Biên bản được lập thành 02 bản, Sở Tài nguyên và Môi trường giữ 01 bản, ... bệnh viện giữ 01 bản để thực hiện, kết thúc lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./

KIỂM ĐỌC CƠ SỞ

ĐOÀN KIỂM TRA

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Thượng tá BS. Nguyễn Hữu Tiến

(Handwritten signature)
(Handwritten signature)
 Nguyễn Văn Phong Nguyễn Thị Ngọc Diệp

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ĐOÀN KIỂM TRA
Theo quyết định số 279/QĐ-STNMT
ngày 26 tháng 7 năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

BIÊN BẢN
Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường

Thực hiện Quyết định số 279/QĐ-STNMT ngày 26/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2024 (gọi tắt là Đoàn kiểm tra);

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 8 năm 2024, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và tình hình hoạt động đối với Bệnh viện Quân dân y (Bệnh viện).

Địa chỉ: đường Nguyễn Thị Minh Khai phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

I. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:

- Ông: Dương Văn Hiệp – Trưởng Phòng Quản lý môi trường – Phó trưởng đoàn kiểm tra.
- Ông: Mạc Minh Ngữ – Chuyên viên Phòng Quản lý môi trường – Thư ký.
- Bà: Sơn Thị Huế Thanh – Phó Trưởng khoa sức khỏe môi trường- y tế trường học- bệnh nghề nghiệp thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thuộc Sở Y tế.
- Ông: Phạm Thành Trung – Chuyên viên Phòng TNMT thành phố Trà Vinh.
- Ông: Nguyễn Thành Triệu – Nhân viên Trung tâm Kỹ thuật TNMT tỉnh Trà Vinh – Đơn vị lấy mẫu, phân tích mẫu.

*** Đại diện Bệnh viện:**

- Ông: Đoàn Văn Tân – Giám đốc Bệnh viện.
- Ông: Huỳnh Phúc Dương – Quyền Trưởng phòng tổ chức – hành chính.
- Bà: Phạm Thị Mười Một – Phó Trưởng phòng kế hoạch – tài chính.
- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Thành – Nhân viên phòng kế hoạch – tài chính.

II. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Quân dân y; xử lý và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với đơn vị theo quy định của pháp luật (nếu có).



III. Kết quả kiểm tra

1. Thông tin chung

- Quyết định thành lập và thời gian hoạt động: Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 04/06/2009 về việc thành lập Bệnh viện Quân dân y tỉnh Trà Vinh.
- Công suất /Quy mô hoạt động: 50 giường bệnh.
- Diện tích mặt bằng: 21.485 m²
- Số lượng nhân viên: 51 người.
- Lượng nước sử dụng trung bình (m³/ngày): khoảng 9,6 m³/ngày.
- Nguồn cung cấp nước: Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

2. Tình hình chấp hành các thủ tục hành chính về BVMT

- Báo cáo ĐTM/ Đề án BVMT chi tiết: đã được UBND tỉnh phê duyệt đề án BVMT chi tiết tại Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 27/9/2013.
- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước: số 17/GP-UBND, ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.
- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ: đã quan trắc đến quý 2 năm 2024 (kèm theo các phiếu phân tích chất thải).
- Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (số phí đã nộp, nộp đến ngày nào): không thuộc đối tượng. Bệnh viện đã nộp tiền phí BVMT theo hóa đơn tiền nước.
- Tình hình lập hồ sơ giấy phép môi trường của dự án/cơ sở: đang tiến hành lập hồ sơ giấy phép môi trường (đang thực hiện thủ tục đấu thầu).

3. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh và biện pháp giảm thiểu:

- *Về nước thải:*
 - Nước thải sinh hoạt và nước thải y tế: phát sinh khoảng 7,5 m³/ngày đêm.
 - Biện pháp thu gom và xử lý:
 - + Nước thải sinh hoạt → hầm tự hoại → hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.
 - + Nước thải y tế → hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.
- *Về quản lý chất thải rắn thông thường:*
 - Rác thải sinh hoạt: ước tính khoảng 600 kg/tháng.
 - Biện pháp thu gom và xử lý: bố trí các thùng chứa rác trong khuôn viên và khu vực làm việc, tại các phòng, khoa, văn phòng và khu khám, sau đó thu gom chung và

chuyên giao Công ty cổ phần công trình đô thị Trà Vinh vận chuyển xử lý (Đính kèm hợp đồng số 52/2023/HĐ-VCR ngày 04/01/2023 và Hợp đồng số 138/2024/CTĐT/HĐ-VCR ngày 02/01/2024).

- Về chất thải nguy hại:

+ Các loại CTNH: phát sinh gồm chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại được Bệnh viện thu gom lưu trữ trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m².

+ Đã hợp đồng với Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh để vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, tần suất thu gom, vận chuyển 48 tiếng/lần theo mô hình cụm xử lý (đính kèm Hợp đồng số 03R/2023/HĐKT ngày 30/12/2022 và Hợp đồng số 04R/2024/HĐKT ngày 20/12/2023).

- **Về khí thải, bụi:** phát sinh từ các phương tiện xe ra vào bệnh viện. Tuy nhiên, tác động không đáng kể. Bệnh viện quy định không chạy xe trong bệnh viện.

- **Về tiếng ồn:** phát sinh từ các phương tiện xe ra vào bệnh viện, máy phát điện dự phòng, các thiết bị máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải. Bệnh viện quy định không chạy xe trong bệnh viện; bố trí máy phát điện dự phòng, máy thổi khí trong phòng kín.

- **Lấy mẫu nước thải, khí thải, chất thải (nếu có):** tại thời điểm kiểm tra, đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện không phát sinh nước thải (*do lượng nước thải phát sinh hàng ngày của Bệnh viện thấp*) nên Đoàn kiểm tra không tiến hành lấy mẫu nước thải.

IV. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

- Thường xuyên theo dõi, vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 17/GP-UBND ngày 11/3/2022. Lập hồ sơ giấy phép môi trường trước khi hết hiệu lực giấy phép xả nước thải vào nguồn nước chậm nhất trước 90 ngày.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ nội dung công tác bảo vệ môi trường theo Đề án BVMT chi tiết và Công văn xác nhận hoàn thành các công trình BVMT theo đề án chi tiết số 950/STNMT-CCBVMT ngày 11/6/2018.

- Trong quá trình hoạt động, trường hợp có thay đổi nội dung Đề án BVMT chi tiết, đề nghị Bệnh viện báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét trước khi triển khai thực hiện; trường hợp hoạt động nếu có xảy ra sự cố môi trường, đề nghị Bệnh viện dừng ngay các hoạt động xả nước thải, khắc phục sự cố và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Trà Vinh.

V. Ý kiến của đại diện Bệnh viện:

Thống nhất kết quả kiểm tra và nội dung biên bản của Đoàn kiểm tra.

Biên bản được lập thành 02 bản tại Bệnh viện, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, Bệnh viện giữ 01 bản để thực hiện. Biên bản kết thúc lúc 16 giờ 20 phút cùng ngày, được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.

ĐD. BỆNH VIỆN

PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

THƯ KÝ ĐOÀN



Đoàn Văn Tân

Dương Văn Hiệp

Mạc Minh Ngũ

THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Tham Thành Trung
2. Sơn Thị Huệ Thanh
3. Nguyễn Hồng Quân
4.

Số: 52 /2023/HĐ-VCR

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

- Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

- Chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và khả năng mỗi bên.

PHẦN II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 04 tháng 1 năm 2023 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công Trình Đô thị Trà Vinh, đại diện hai bên gồm:

* **Bên A: BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH.**

Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông **ĐOÀN VĂN TÂN** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02943 865757 ; Fax: 02943 865757

Mã số thuế: 2100475120

Số tài khoản: 3714.0.1111698.00000 tại Kho bạc nhà nước Trà Vinh

* **Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH.**

Địa chỉ: 48A, Sơn Thông, Khóm 1, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông **PHẠM HOÀNG MINH** ; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0294 3853596

Mã số thuế: 2100234397

Tài khoản số: 9101100050009 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Trà Vinh(MB Bank-Chi nhánh Trà Vinh).

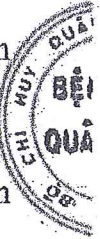
PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Chất thải rắn sinh hoạt (rác thải sinh hoạt): là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

- Chất thải rắn bị từ chối là chất thải rắn chỉ bao gồm hoặc chủ yếu bao gồm bất kỳ loại chất thải rắn nào trong các loại chất thải rắn sau đây: Chất thải rắn y tế nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.



Điều 2. Công việc của hợp đồng

1/Nội dung công việc: vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt từ địa điểm lấy rác bằng phương tiện xe ô tô chuyên dụng đến địa điểm xử lý rác.

Địa điểm lấy rác: BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH, ĐC: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2/Yêu cầu công việc:

- Tần suất thu gom: Ngày 01 lần
- Phương tiện vận chuyển: xe ô tô chuyên dụng của bên B.
- Phương tiện lưu chứa rác: do bên A tự trang bị (thùng chứa rác nhựa loại 240 lít).

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 1/01/2023 đến 31/12/2023.

Điều 4. Giá trị hợp đồng

NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN GIÁ (đồng/tháng)	THỜI GIAN (tháng)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
Vận chuyển rác thải sinh hoạt	750.000	12	9.000.000	
Tổng giá trị (bao gồm VAT)			9.000.000	
<i>(Chín triệu đồng)</i>				

Hình thức giá hợp đồng: giá trên là cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh tăng/giảm giá thì Bên B sẽ gửi thông báo kèm theo căn cứ điều chỉnh giá đến Bên A trước ít nhất 5 (năm) ngày làm việc. Giá mới chỉ được áp dụng khi có sự thống nhất của hai bên.

Điều 5. Thanh toán

5.1 Thời gian và hình thức thanh toán:

Sau khi hợp đồng được ký kết Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền theo Điều 4 của hợp đồng bằng tiền mặt tại văn phòng Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Trà Vinh hoặc chuyển khoản vào tài khoản:

- Tài khoản số: 9101100050009 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Trà Vinh(MB Bank-Chi nhánh Trà Vinh).

- Tên chủ tài khoản: Công ty Cổ phần công trình đô thị Trà Vinh.

Hóa đơn hoặc các chứng từ khác do bên B xuất là cơ sở thanh toán và xuất trình khi ngành chức năng kiểm tra.

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

Chứa rác vào thùng chứa rác hoặc túi rác chuyên dụng. Không được đưa các loại chất thải rắn bị từ chối, xác động vật vào chung với rác thải sinh hoạt. Rác thải trong sinh hoạt có gốc động thực vật bỏ vào túi nylon cột kín rồi cho vào thùng hoặc túi rác chung. Không vứt rác xung quanh nơi đặt thùng hoặc túi rác. Nếu thùng chứa rác do bên B cung cấp, bên A có trách nhiệm bảo quản không để cháy, hư hỏng, mất. Nếu để cháy, hư hỏng, mất v.v... thì Bên A có trách nhiệm bồi hoàn theo giá hiện hành.

Kéo thùng rác hoặc mang túi rác ra phía ngoài đến đúng thời gian tại vị trí thuận tiện để phương tiện Bên B vào lấy rác. Thùng rác hoặc túi rác không đặt ở lề đường làm cản trở lối đi. Thanh toán chi phí vận chuyển rác sinh hoạt theo giá trị đã ký kết trong hợp đồng này.

6.2 Trách nhiệm của bên B.

Bố trí phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt trong thùng hoặc túi rác cho Bên A theo đúng địa điểm và thời gian thỏa thuận. Từ chối vận chuyển rác sinh hoạt ngày hôm đó hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải rắn bị từ chối và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác thải sinh hoạt Bên A giao cho Bên B. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí vận chuyển tương ứng với giá trị một chuyến vận chuyển theo giá hiện hành.

Trường hợp khi cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện bên A bỏ lẫn các loại rác không phải rác sinh hoạt (như đã nêu ở Điều 1) vào thùng rác, túi rác hoặc rác thải sinh hoạt lấy từ địa điểm của bên A có các loại chất thải rắn bị từ chối và các chất liệu khác không hợp pháp có trên xe thì bên A sẽ chịu mọi trách nhiệm và hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên A hoặc Bên B có khó khăn trở ngại phát sinh thì phải thông báo cho bên kia biết trước 05 ngày bằng văn bản, hoặc liên hệ Phòng Kế Toán; số điện thoại: 02943 853596 để được hướng dẫn thực hiện và giải đáp các trở ngại phát sinh.

Điều 7. Điều khoản bổ sung

Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo điều 5 khoản 1 thì hợp đồng xem như không có giá trị và bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì. Nếu cơ quan chức năng kiểm tra thì Bên A sẽ chịu mọi hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu khối lượng vận chuyển rác tăng hoặc giảm thì hai bên tiến hành thỏa thuận lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo phát sinh.

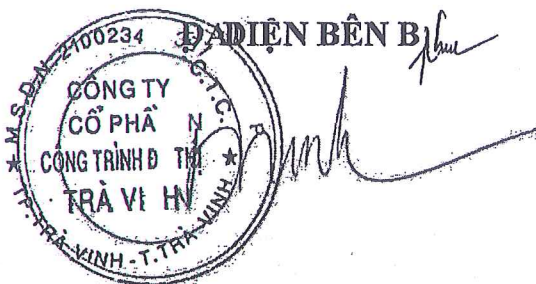
Hết thời gian hợp đồng, nếu có nhu cầu Bên A sẽ liên hệ với bên B cùng thỏa thuận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Sau khi hai bên đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình bao gồm trách nhiệm về tài chính thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

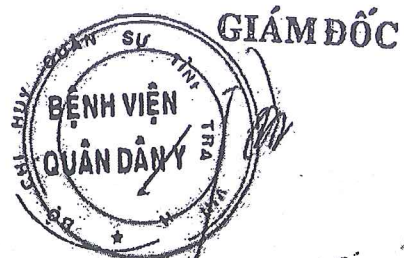
Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án có thẩm quyền để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản./.



Phạm Hoàng Minh

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trần Văn Tân

Số: 138/2024/CTĐT/HĐ-VCR

HỢP ĐỒNG VẬN CHUYỂN RÁC SINH HOẠT

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;
- Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 16/2/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu và sự thống nhất các bên.

PHẦN II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG:

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2024 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Công Trình Đô thị Trà Vinh, đại diện hai bên gồm:

* Bên A/Bên sử dụng dịch vụ: **BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 6, Phường 7, Thành Phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Đại diện: Ông/Bà Trung Tá **ĐOÀN VĂN TÂN** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02943865757

Mã số thuế: 2100475120

Số tài khoản: 3716.2.1111698.00000 – Tại Kho bạc Nhà nước Trà Vinh

* Bên B/Bên cung cấp dịch vụ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH.**

Địa chỉ: 48A, Sơn Thông, Khóm 1, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

Đại diện: Ông **PHẠM TẤN LỘC** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0294 3853596

Mã số thuế: 2100234397

Tài khoản số: 73566666664 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

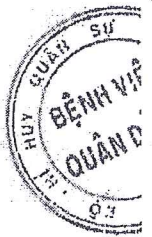
PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

- Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

- Chất thải rắn bị từ chối là chất thải rắn chỉ bao gồm hoặc chủ yếu bao gồm bất kỳ loại chất thải rắn nào trong các loại chất thải rắn sau đây: Chất thải rắn y tế nguy hại, chất thải rắn



công nghiệp, chất thải rắn xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

Điều 2. Công việc của hợp đồng

1/Nội dung công việc: vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt từ địa điểm lấy rác bằng phương tiện xe ô tô chuyên dụng đến địa điểm xử lý rác.

Địa điểm lấy rác: BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH, địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 6, Phường 7, Thành Phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.

2/Yêu cầu công việc:

- Tần suất thu gom: Ngày 01 lần
- Phương tiện vận chuyển: xe ô tô chuyên dụng của bên B.
- Phương tiện lưu chứa rác: do bên A tự trang bị (thùng chứa rác bằng nhựa loại 240

lít).

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 01/01/2024 đến 31/12/2024

Điều 4. Giá trị hợp đồng

NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN GIÁ (đồng/tháng)	THỜI GIAN (tháng)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:				
Từ Tháng 1/2024 - Tháng 6/2024	681.818,18	6	4.090.909	
Từ Tháng 7/2024 – Tháng 12/2024	681.818,18	6	4.090.909	
Tổng giá trị (giá chưa bao gồm VAT)			8.181.818	
<i>(Tám triệu một trăm tám mươi một nghìn tám trăm mười tám đồng)</i>				

Hình thức giá hợp đồng: giá trên là cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp có điều chỉnh tăng/giảm giá thì Bên B sẽ gửi thông báo kèm theo căn cứ điều chỉnh giá đến Bên A trước ít nhất 5 (năm) ngày làm việc. Giá mới chỉ được áp dụng khi có sự thống nhất của hai bên; Giá trên áp dụng mức thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định tại thời điểm xuất hóa đơn tài chính.

Điều 5. Thanh toán

5.1 Thời gian và hình thức thanh toán:

Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên B xuất hóa đơn bao gồm thuế Giá trị gia tăng theo kỳ thanh toán do hai bên thỏa thuận. Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền trên hóa đơn bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào một trong các tài khoản sau:

Tên tài khoản: Công ty cổ phần công trình đô thị Trà Vinh.

Các tài khoản:

- 116000015918 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh;

- 7356666664 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh.

Hóa đơn hoặc các chứng từ khác do bên B xuất là cơ sở thanh toán và xuất trình khi ngành chức năng kiểm tra.

5.2 Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 6. Trách nhiệm của các bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

Chứa rác vào thùng chứa rác hoặc túi rác chuyên dụng. Không được đưa các loại chất thải rắn bị từ chối, xác động vật vào chung với rác thải sinh hoạt. Rác thải trong sinh hoạt có

góc động thực vật bỏ vào túi nylon cột kín rồi cho vào thùng hoặc túi rác chung. Không vứt rác xung quanh nơi đặt thùng hoặc túi rác. Nếu thùng chứa rác do bên B cung cấp, bên A có trách nhiệm bảo quản không để cháy, hư hỏng, mất. Nếu để cháy, hư hỏng, mất v.v... thì Bên A có trách nhiệm bồi hoàn theo giá hiện hành.

Kéo thùng rác hoặc mang túi rác ra phía ngoài đến đúng thời gian tại vị trí thuận tiện để phương tiện Bên B vào lấy rác. Thùng rác hoặc túi rác không đặt ở lề đường làm cản trở lối đi. Thanh toán chi phí vận chuyển rác sinh hoạt theo giá trị đã ký kết trong hợp đồng này.

6.2 Trách nhiệm của bên B:

Bố trí phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt trong thùng hoặc túi rác cho Bên A theo đúng địa điểm và thời gian thỏa thuận. Từ chối vận chuyển rác sinh hoạt ngày hôm đó hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu có các loại chất thải rắn bị từ chối và những chất liệu không hợp pháp gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác thải sinh hoạt Bên A giao cho Bên B.

Trường hợp khi cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện bên A bỏ lẫn các loại rác không phải rác sinh hoạt (như đã nêu ở Điều 1) vào thùng rác, túi rác hoặc rác thải sinh hoạt lấy từ địa điểm của bên A có các loại chất thải rắn bị từ chối và các chất liệu khác không hợp pháp có trên xe thì bên A sẽ chịu mọi trách nhiệm và hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Bên A hoặc Bên B có khó khăn trở ngại phát sinh thì phải thông báo cho bên kia biết trước 05 ngày bằng văn bản, hoặc liên hệ Phòng Kế Toán; số điện thoại: 02943 853596 để được hướng dẫn thực hiện và giải đáp các trở ngại phát sinh.

Điều 7. Điều khoản bổ sung

Sau khi hợp đồng được hai bên ký kết, nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo điều 5 khoản 1 thì hợp đồng xem như không có giá trị và bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm gì. Nếu cơ quan chức năng kiểm tra thì Bên A sẽ chịu mọi hình thức xử phạt theo qui định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu khối lượng vận chuyển rác tăng hoặc giảm thì hai bên tiến hành thỏa thuận lập phụ lục hợp đồng điều chỉnh theo phát sinh.

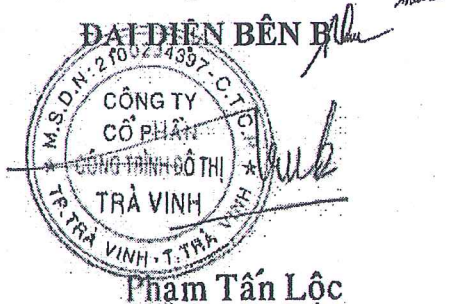
Hết thời gian hợp đồng, nếu có nhu cầu Bên A sẽ liên hệ với bên B cùng thỏa thuận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục hợp đồng.

Sau khi hai bên đã hoàn thành xong trách nhiệm của mình bao gồm trách nhiệm về tài chính thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

Điều 8. Điều khoản chung.

Hai bên đồng ý thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được thì thống nhất nộp đơn đến tòa án có thẩm quyền để được giải quyết. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này được thành lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2100234397

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 12 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 30 tháng 03 năm 2016

(Chuyển đổi loại hình công ty)

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRA VINH URBAN PROJECT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRAVINHPCO

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 377, Phạm Ngũ Lão, Khóm 3, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0743.852391 - 3853596 - 0858214 Fax: 0743.854353

Email: *ctyctdttv@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 17.500.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười bảy tỷ năm trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.750.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM TIẾT KHOA

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 02/04/1965 Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 334560018

Ngày cấp: 06/03/2014 Nơi cấp: *CA tỉnh Trà Vinh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 362B, Kiên Thị Nhẫn, Khóm 2, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 362B, Kiên Thị Nhẫn, Khóm 2, Phường 7, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

* Họ và tên: PHẠM HOÀNG MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 23/11/1978 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 334100246

Ngày cấp: 12/09/2007 Nơi cấp: CA tỉnh Trà Vinh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 28, Khóm 1, Phường 3, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 168, Quang Trung, Phường 1, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoàng Đế

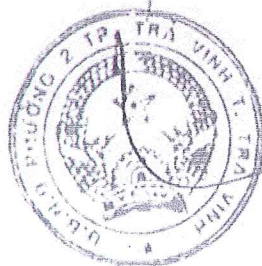
CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 10913, Quyển: 6

Ngày: 5 tháng 7 năm 2007

TM. UBND PHƯỜNG 2

CHỦ TỊCH



Phúc

Lê Chi Lý

Số:



BẢN SAO

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ trụ sở: Số 19A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 2, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0294 3867 107

Fax:

Email: nhdeskh@gmail.com

Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ TRÀ VINH

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 2100234397

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại	3811
2	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
4	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
5	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
6	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
7	Xây dựng công trình đường bộ	4212
8	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10	Phá dỡ	4311
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
12	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
13	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
14	Cho thuê xe có động cơ	7710
15	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
16	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢI ĐỒNG

Thu gom và xử lý chất thải y tế

Số: 03R/2023/HĐKT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 4029/UBND-KT ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tại các Bệnh viện;

Căn cứ Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 27/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Sản - Nhi Trà Vinh;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-BVSN ngày 01/4/2019 của Bệnh viện Sản Nhi Trà Vinh về việc thu gom chất thải y tế nguy hại;

Căn cứ Đề án số : 05/ĐA-BVSN ngày 15 tháng 5 năm 2019 về triển khai thực hiện thu gom chất thải y tế theo cụm tại Bệnh viện Sản- Nhi Trà Vinh.

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2022 chúng tôi gồm có:

BÊN A: BỆNH VIỆN SẢN - NHI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943 849 949

Fax: 02943 849 123

Mã số thuế: 2100190904-026

Số tài khoản: 126000044681 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Trà Vinh

Đại diện là Ông: **LÊ MINH DŨNG** Chức vụ: Giám đốc

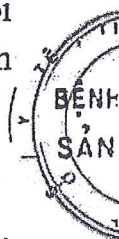
BÊN B: BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, TP Trà Vinh, Trà Vinh

Điện thoại: 02943 865757

Fax: 02943 865757

Mã số thuế: 2100475120



Số tài khoản: 3714.0.1111698.00000 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Trà Vinh

Đại diện là Ông: **ĐOÀN VĂN TÂN** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải y tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận thu gom và xử lý chất thải y tế lây nhiễm phát sinh sau quá trình hoạt động của Bên B như sau:

1.1/ Chất thải lây nhiễm:

a/ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly. Mã chất thải **13 01 01**.

b/ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm. Mã chất thải **13 01 01**.

c/ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liên kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác. Mã chất thải **13 01 01**.

1.2/ Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a/ Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại. Mã chất thải **13 01 02**

b/ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. Mã chất thải **13 01 03**.

c/ Chất hàn răng amalgam thải bỏ. Mã chất thải **13 01 04**.

d/ Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng. Mã chất thải **13 03 02**.

đ/ Chất thải nguy hại khác gồm:

- Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ. Mã chất thải **16 01 06**.
- Các loại dầu mỡ thải. Mã chất thải **16 01 08**.
- Pin, ắc quy thải bỏ. Mã chất thải **16 01 12**.
- Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thải bỏ. Mã chất thải **16 01 13**.

- Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ. Mã chất thải **18 01 01**.

- Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. Mã chất thải **18 01 04**.

- Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải. Mã chất thải **18 02 01**.

- Tro thải từ lò đốt chất thải rắn y tế. Mã chất thải **12 01 05**.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế. Mã chất thải 10 02 03.

Điều 2: Thời gian và địa điểm tiếp nhận

- Tần suất thu gom chất thải: 48 giờ thu gom lần (Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021).

- Thời gian thu gom chất thải nguy hại (y tế): **Buổi sáng:** Từ 7h30 – 10h30; **Buổi chiều:** Từ 13h30 – 16h00.

- Trường hợp Bên A cần thu gom khẩn cấp khi gặp sự cố: Nhân sự phụ trách của Bên A thông báo ngay bằng điện thoại để Bên B lên phương án thu gom và xử lý kịp thời.

- Trong trường hợp phương tiện bên A gặp sự cố đột xuất, Bên A phải thông báo ngay cho bên B biết và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời không để chất thải ứ đọng không làm ảnh hưởng đến an toàn vệ sinh môi trường trong khu vực của bên B.

Điều 3: Giá trị hợp đồng – Phương thức thanh toán

3.1/ Số lượng và đơn giá xử lý:

- Số lượng: Theo số lượng chất thải y tế thực tế được cân tại Bên B và có sự xác nhận giữa hai bên.

- Đơn giá xử lý: 21.700đ/ kg

3.2/ Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng.

+ Tên tài khoản: **Bệnh viện Sản – Nhi**

+ Số tài khoản: **126000044681** tại Ngân hàng Vietinbank – CN **Trà Vinh**

Vinh

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được hồ sơ thanh toán của Bên A gồm:

+ Hóa đơn tài chính hợp lệ

+ Bảng tổng kết đối chiếu công nợ hàng quý.

- Quá thời hạn thanh toán Bên B chưa thanh toán cho Bên A thì Bên A có quyền ngừng thu gom chất thải nguy hại.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên

4.1/ Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:

- Cử cán bộ tiếp nhận chất thải y tế của Bên B để xử lý.

- Đảm bảo giám sát chặt chẽ các điều kiện kỹ thuật, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xử lý chất thải y tế đúng theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có quyền từ chối nhận thu gom chất thải y tế khi phát hiện để lẫn các loại chất thải nêu tại điều 1 với nhau, hoặc để lẫn các chất thải nêu tại điều 1 với các chất khác với các loại chất thải có mã chất thải khác với mã chất thải nêu tại điều 1.

- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên B khi thu tiền.
- Từ chối xử lý chất thải y tế nếu Bên B không thanh toán chi phí đầy đủ cho Bên A.

- Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với người của Bên B trong quá trình giao nhận chất thải y tế đảm bảo an toàn, hiệu quả (Bên B phải có người giao chất thải, ký sổ và đối chiếu khi giao nhận).

4.2/ Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

- Chịu trách nhiệm phân loại, thu gom và đóng gói riêng từng loại chất thải nêu tại điều 1 đúng theo qui định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.

- Khi thu gom và tập kết chất thải y tế giao cho Bên A, Bên B phải thực hiện phân loại, thu gom chất thải theo qui định tại Thông tư liên tịch số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT. Trường hợp nếu để lẫn lộn mà khi cơ quan chức năng phát hiện thì Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn.

- Thanh toán chi phí xử lý chất thải y tế cho Bên A đúng quy định.

- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có thay đổi thông tin như: tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ viết trên hóa đơn thì Bên A phải thông báo kịp thời cho bên B biết. Trường hợp để xảy ra sai sót, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 5: Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

Điều 6: Điều khoản chung:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023.

- Những điều khoản trên hai bên thống nhất làm cơ sở để thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn hai bên gặp nhau trao đổi trên tinh thần hợp tác, tôn trọng Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- Sau khi hai bên hoàn thành trách nhiệm của mình, nếu không có gì vướng mắc thì hợp đồng mặc nhiên tự thanh lý.

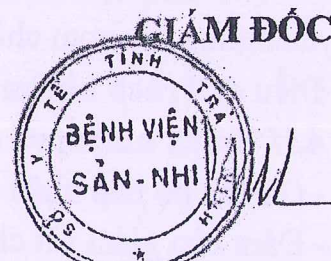
- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trung tá Đoàn Văn Tân

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Minh Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thu gom và xử lý chất thải y tế

Số: 04R/2024/HĐKT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 Quy định về Quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;

Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 4029/UBND-KT ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tại các Bệnh viện;

Căn cứ Giấy xác nhận số 08/GXN-STNMT ngày 27/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-BVSN ngày 01/4/2019 của Bệnh viện Sản – Nhi Trà Vinh về việc thụ gom chất thải y tế nguy hại;

Căn cứ Đề án số : 05/ĐA-BVSN ngày 15 tháng 5 năm 2019 về triển khai thực hiện thu gom chất thải y tế theo cụm tại Bệnh viện Sản- Nhi Trà Vinh.

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2023 chúng tôi gồm có:

BÊN A: BỆNH VIỆN SẢN – NHI TRÀ VINH

Địa chỉ: Ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943 849 949

Fax: 02943 849 123

Mã số thuế: 2100190904-026

Số tài khoản: 126000044681 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Trà Vinh

Đại diện là Ông: **LÊ MINH DŨNG** Chức vụ: Giám đốc

BÊN B: BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 6, phường 7, TP Trà Vinh, Trà Vinh

Điện thoại: 02943 865757

Fax: 02943 865757

Mã số thuế: 2100475120

Số tài khoản: 3716.2.1111698.00000 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Trà Vinh

Đại diện là Ông: **ĐOÀN VĂN TÂN** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng thu gom và xử lý chất thải y tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên B đồng ý giao và Bên A đồng ý nhận thu gom và xử lý chất thải y tế lây nhiễm phát sinh sau quá trình hoạt động của Bên B như sau:

1.1/ Chất thải lây nhiễm:

a/ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly. Mã chất thải 13 01 01.

b/ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm. Mã chất thải 13 01 01.

c/ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn là chất thải lây nhiễm có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liềm kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác. Mã chất thải 13 01 01.

1.2/ Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

a/ Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại. Mã chất thải 13 01 02

b/ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. Mã chất thải 13 01 03.

c/ Chất hàn răng amalgam thải bỏ. Mã chất thải 13 01 04.

d/ Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng. Mã chất thải 13 03 02.

đ/ Chất thải nguy hại khác gồm:

- Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ. Mã chất thải 16 01 06.

- Các loại dầu mỡ thải. Mã chất thải 16 01 08.

- Pin, ắc quy thải bỏ. Mã chất thải 16 01 12.

- Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại) thải bỏ. Mã chất thải 16 01 13.

- Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải bỏ. Mã chất thải 18 01 01.

- Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. Mã chất thải 18 01 04.

- Chất hấp thụ, vật liệu lọc thải bỏ từ quá trình xử lý khí thải. Mã chất thải 18 02 01.

- Tro thải từ lò đốt chất thải rắn y tế. Mã chất thải 12 01 05.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế. Mã chất thải 10 02 03.

Điều 2: Thời gian và địa điểm tiếp nhận

- Tần suất thu gom chất thải: 48 giờ thu gom lần (Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021).

- Thời gian thu gom chất thải nguy hại (y tế): **Buổi sáng:** Từ 7h30 - 10h30;
Buổi chiều: Từ 13h30 - 16h00.

- Trường hợp Bên A cần thu gom khẩn cấp khi gặp sự cố: Nhân sự phụ trách của Bên A thông báo ngay bằng điện thoại để Bên B lên phương án thu gom và xử lý kịp thời.

- Trong trường hợp phương tiện bên A gặp sự cố đột xuất, Bên A phải thông báo ngay cho bên B biết và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời không để chất thải ứ đọng không làm ảnh hưởng đến an toàn vệ sinh môi trường trong khu vực của bên B.

Điều 3: Giá trị hợp đồng – Phương thức thanh toán

3.1/Số lượng và đơn giá xử lý:

- Số lượng: Theo số lượng chất thải y tế thực tế được cân tại Bên B và có sự xác nhận giữa hai bên.

- Đơn giá xử lý: 21.700d/ kg

3.2/Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng

+ Tên tài khoản: **Bệnh viện Sản Nhi**

+ Số tài khoản: 126000044681 tại Ngân hàng Vietinbank – CN

Vinh

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên B nhận được hồ sơ thanh toán của Bên A gồm:

+ Hóa đơn tài chính hợp lệ

+ Bảng tổng kết đối chiếu công nợ hàng quý.

- Quá thời hạn thanh toán Bên B chưa thanh toán cho Bên A thì Bên A có quyền ngừng thu gom chất thải nguy hại.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của hai bên

4.1/Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:

- Cử cán bộ tiếp nhận chất thải y tế của Bên B để xử lý.

- Đảm bảo giám sát chặt chẽ các điều kiện kỹ thuật, an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình xử lý chất thải y tế đúng theo quy định hiện hành của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Có quyền từ chối nhận thu gom chất thải y tế khi phát hiện dễ lẫn các loại chất thải nêu tại điều 1 với nhau, hoặc dễ lẫn các chất thải nêu tại điều 1 với các chất khác với các loại chất thải có mã chất thải khác với mã chất thải nêu tại điều 1.

- Xuất hóa đơn tài chính cho Bên B khi thu tiền.
- Từ chối xử lý chất thải y tế nếu Bên B không thanh toán chi phí đầy đủ cho Bên A.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với người của Bên B trong quá trình giao nhận chất thải y tế đảm bảo an toàn, hiệu quả (Bên B phải có người giao chất thải, ký sổ và đối chiếu khi giao nhận).

4.2/ Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

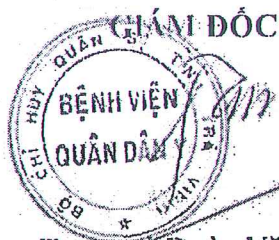
- Chịu trách nhiệm phân loại, thu gom và đóng gói riêng từng loại chất thải nêu tại điều 1 đúng theo qui định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021.
- Khi thu gom và tập kết chất thải y tế giao cho Bên A, Bên B phải thực hiện phân loại, thu gom chất thải theo qui định tại Thông tư liên tịch số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT. Trường hợp nếu để lẫn lộn mà khi cơ quan chức năng phát hiện thì Bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn.
- Thanh toán chi phí xử lý chất thải y tế cho Bên A đúng quy định.
- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có thay đổi thông tin như: tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ viết trên hóa đơn thì Bên A phải thông báo kịp thời cho bên B biết. Trường hợp để xảy ra sai sót, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 5: Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng

Điều 6: Điều khoản chung:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày 20/12/2024.
- Những điều khoản trên hai bên thống nhất làm cơ sở để thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc khó khăn hai bên gặp nhau trao đổi trên tinh thần hợp tác, tôn trọng Pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- Sau khi hai bên hoàn thành trách nhiệm của mình, nếu không có gì vướng mắc thì hợp đồng mặc nhiên tự thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trung tá Đoàn Văn Tân

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lê Minh Dũng



Số: 23070/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 28/02/2023

Địa điểm lấy mẫu: tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí trong khu vực khuôn viên của Bệnh viện

Ngày trả kết quả: 10/3/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-1 Ký hiệu mẫu: K₁

2. Kết quả thử nghiệm

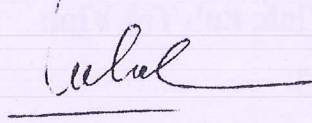
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dB(A)	58,2	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng ⁽¹⁾	mg/m ³	0,201	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	mg/m ³	0,0127	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	mg/m ³	KPH (LOD = 0,003)	TCVN 6137:2009
5	NH ₃ ⁽¹⁾	mg/m ³	0,137	TCVN 5293:1995
6	H ₂ S	mg/m ³	KPH (LOD = 0,016)	MASA Method 701

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- ⁽¹⁾: thông số được VILAS công nhận.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.

- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Lư Văn Bình

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Số: 23071/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMKhách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 28/02/2023

Địa điểm lấy mẫu: tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí cách Bệnh viện 60m theo hướng Đông

Ngày trả kết quả: 10/3/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-2 Ký hiệu mẫu: K₂**2. Kết quả thử nghiệm**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dB(A)	60,7	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng ⁽¹⁾	µg/m ³	164	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	µg/m ³	8,3	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	µg/m ³	3,7	TCVN 6137:2009
5	NH ₃ ⁽¹⁾	µg/m ³	180	TCVN 5293:1995
6	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD = 16)	MASA Method 701

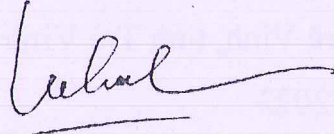
Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- ⁽¹⁾: thông số được VILAS công nhận.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.

- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.

- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Lu Văn Bình

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3740 704
E-mail: tkktnmt.stnmt@travinh.gov.vn

Số: 23345/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Khách hàng: BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 04/8/2023

Địa điểm lấy mẫu: tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí trong khu vực khuôn viên của Bệnh viện

Ngày thử nghiệm: Từ 04/8/2023 đến 15/8/2023

Ngày trả kết quả: 15/8/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-5 Ký hiệu mẫu: K₁**2. Kết quả thử nghiệm**

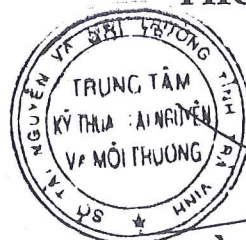
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dB(A)	53,2	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng	mg/m ³	0,065	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	mg/m ³	0,011	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	mg/m ³	KPH (LOD = 0,003)	TCVN 6137:2009
5	NH ₃	mg/m ³	0,194	TCVN 5293:1995
6	H ₂ S	mg/m ³	KPH (LOD = 0,016)	MASA Method 701

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

Lư Văn Bình

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Thu Hiền

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3740 704

E-mail: ttktnmt.stnmt@travinh.gov.vn

Số: 23346/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMKhách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 04/8/2023

Địa điểm lấy mẫu: tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí cách Bệnh viện 60m theo hướng Đông

Ngày thử nghiệm: Từ 04/8/2023 đến 15/8/2023

Ngày trả kết quả: 15/8/2023

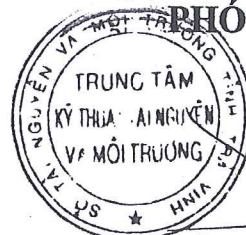
1. Mã số mẫu: 009/23-6

Ký hiệu mẫu: K₂**2. Kết quả thử nghiệm**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dB(A)	54,5	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	75	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	µg/m ³	9,7	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	µg/m ³	KPH (LOD = 3,0)	TCVN 6137:2009
5	NH ₃	µg/m ³	177	TCVN 5293:1995
6	H ₂ S	µg/m ³	KPH (LOD = 16)	MASA Method 701

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG****Lu Văn Bình****KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC****Trần Thị Thu Hiền**



Số: 23072/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMKhách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 28/02/2023

Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi thải vào nguồn tiếp nhận

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5999:1995

Ngày trả kết quả: 10/3/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-3 Ký hiệu mẫu: T

2. Kết quả thử nghiệm

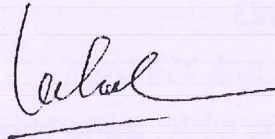
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH ⁽¹⁾	-	7,08	TCVN 6492:2011
2	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/L	7,3	SMEWW 2540 D:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	2,9	TCVN 6001-1:2008
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,032)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,859	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	0,06	SMEWW 4500 P E:2017
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,301	SMEWW 4500 NH ₃ B&F:2017
8	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	mg/L	KPH (LOD = 0,3)	SMEWW 5220 B&F:2017
9	Coliforms	MPN/ 100mL	2,3.10 ¹	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- ⁽¹⁾: thông số được VILAS công nhận.

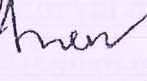
- Thông số đo tại hiện trường: pH.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Lu Văn Bình

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3840 713

E-mail: tkktnmt.stnmt@travinh.gov.vn

Số: 23192/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 22/5/2023

Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi thải vào nguồn tiếp nhận

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5999:1995, TCVN 8880:2011

Ngày trả kết quả: 30/5/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-4

Ký hiệu mẫu: T

2. Kết quả thử nghiệm

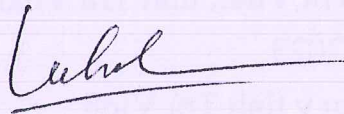
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH	-	7,08	TCVN 6492:2011
2	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/L	9,8	SMEWW 2540 D:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	4,9	TCVN 6001-1:2008
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,032)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,508	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	0,01	SMEWW 4500 P E:2017
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,215	SMEWW 4500 NH ₃ B&F:2017
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	0,3	SMEWW 5220 B&F:2017
9	Coliforms	MPN/100mL	9,3.10 ³	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: pH.

- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Lu Văn Bình

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3740 704

E-mail: ttktnmt.stnmt@travinh.gov.vn

Số: 23347/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 04/8/2023

Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi thải vào nguồn tiếp nhận

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5999:1995, TCVN 8880:2011

Ngày thử nghiệm: Từ 04/8/2023 đến 15/8/2023

Ngày trả kết quả: 15/8/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-7

Ký hiệu mẫu: T

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH	-	7,05	TCVN 6492:2011
2	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/L	13,6	SMEWW 2540 D:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	2,0	TCVN 6001-1:2008
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD = 0,032)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	6,272	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	0,14	SMEWW 4500 P E:2017
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,133	SMEWW 4500 NH ₃ B&F:2017
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	0,3	SMEWW 5220 B&F:2017
9	Coliforms	MPN/100mL	KPH (LOD = 2)	SMEWW 9221B:2017

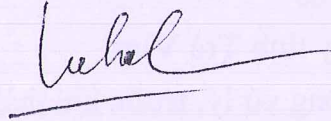
Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.

- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.

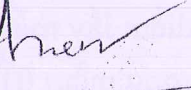
- Thông số đo tại hiện trường: pH.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Lu Văn Bình

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3740 704

E-mail: tkttntm.stnmt@travinh.gov.vn

Số: 23481/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMKhách hàng: **BỆNH VIỆN QUÂN - DÂN Y TỈNH TRÀ VINH**

Địa chỉ: Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 03/11/2023

Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh Trà Vinh

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý, trước khi thải vào nguồn tiếp nhận

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5999:1995, TCVN 8880:2011

Ngày thử nghiệm: Từ 03/11/2023 đến 16/11/2023

Ngày trả kết quả: 16/11/2023

1. Mã số mẫu: 009/23-8

Ký hiệu mẫu: T

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH	-	7,25	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	22,9	SMEWW 2540 D:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	1,1	TCVN 6001-1:2008
4	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500 S ²⁻ B&D:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	0,540	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P)	mg/L	0,03	SMEWW 4500 P E:2017
7	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,294	SMEWW 4500 NH ₃ B&F:2017
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	0,4	SMEWW 5220 B&F:2017
9	Coliforms	MPN/100mL	9,3.10 ¹	SMEWW 9221B:2017

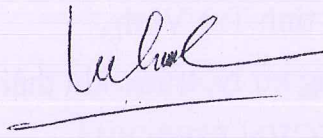
Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.

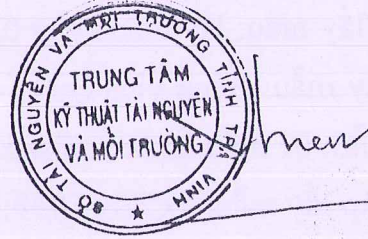
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: pH.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lu Văn Bình



Trần Thị Thu Hiền

Số: 00285/2024/KQTN/20 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 03/04/2024

- 1 Địa điểm lấy mẫu : BỆNH VIỆN QUÂN- DÂN Y TỈNH TRÀ VINH
2 Địa chỉ : 215 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
3 Ngày lấy mẫu : 28/03/2024
4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5 Loại mẫu : Nước thải
6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 240328.30NT1: Nước thải
7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240328.30NT1	
1.	pH ⁽¹⁾	-	7,67	TCVN 6492:2011
2.	TSS ⁽¹⁾	mg/L	15	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	16	TCVN 6001-1:2021
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ _ N) ⁽¹⁾	mg/L	1,14	TCVN 5988:1995
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _ N) ⁽¹⁾	mg/L	8,60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _ P) ⁽¹⁾	mg/L	0,1	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E :2023
7.	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,014	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=1	SMEWW 5520B&F:2023
9.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	2,7x10 ³	SMEWW 9221B:2023

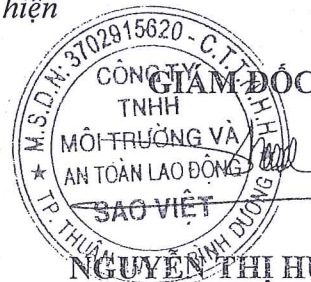
Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THỦY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUỖN

Số: 00428/2024/KQTN/03 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 19/06/2024

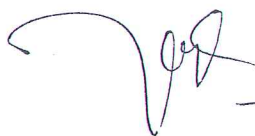
- Địa điểm lấy mẫu : BỆNH VIỆN QUÂN- DÂN Y TỈNH TRÀ VINH
- Địa chỉ : 215 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Không khí xung quanh
- Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn ⁽¹⁾ (dBA)	Bụi ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	NO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	SO ₂ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	NH ₃ ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)	H ₂ S ⁽¹⁾ (mg/Nm ³)
Trong khu vực khuôn viên Bệnh viện	65,0	0,16	0,053	0,059	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
Giáp Trung tâm Thanh thiếu nhi	65,2	0,26	0,060	0,071	KPH MDL=0,012	KPH MDL=0,006
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-	-
QCVN 05:2023/BTNMT	-	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 0,2	≤ 0,042
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	TCVN 5293:1995	MASA 701

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 26 : 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- QCVN 05 : 2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

PHÒNG THỬ NGHIỆM


TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN



Số: 00428/2024/KQTN/03

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

19/06/2024

- 1 Địa điểm lấy mẫu : BỆNH VIỆN QUÂN- DÂN Y TỈNH TRÀ VINH
 2 Địa chỉ : 215 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 3 Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
 4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 5 Loại mẫu : Nước thải
 6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 240612.13NT1: Nước thải
 7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu. TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu. TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240612.13NT1	
1.	pH ⁽¹⁾	-	7,59	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^{(1)(a)}	mg/L	21	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	19	TCVN 6001-1:2021
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ⁽¹⁾	mg/L	1,40	TCVN 5988:1995
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ⁽¹⁾	mg/L	9,3	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P) ⁽¹⁾	mg/L	0,11	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E :2023
7.	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,014	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=1	SMEWW 5520B&F:2023
9.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	1,4x10 ³	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- (1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- (a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Handwritten signature)

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 01479/2024/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

25/09/2024

- 1 Địa điểm lấy mẫu : BỆNH VIỆN QUÂN- DÂN Y TỈNH TRÀ VINH
2 Địa chỉ : 215 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
3 Ngày lấy mẫu : 18/09/2024
4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5 Loại mẫu : Nước thải
6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 240918.12NT1: Nước thải sau hệ thống xử lý –
X: 9°55'41.59"; Y: 106°19'58.99"
7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240918.12NT1	
1.	pH ⁽¹⁾	-	7,44	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^{(1)(a)}	mg/L	43	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ⁽¹⁾	mg/L	26	TCVN 6001-1:2021
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N) ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=0,9	TCVN 5988:1995
5.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N) ⁽¹⁾	mg/L	12,6	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P) ⁽¹⁾	mg/L	0,78	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E :2023
7.	Sulfua (S ²⁻) ^{(1)(a)}	mg/L	KPH MDL=0,014	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
8.	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾	mg/L	KPH MDL=1	SMEWW 5520B&F:2023
9.	Tổng Coliform ⁽¹⁾	MPN /100mL	1,1x10 ³	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- ⁽¹⁾ Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- ^(a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG



Số: 53 /GCN-BTNMT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ văn phòng: Số 478A, đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 478A, đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943840166; Email: kttmmttv@yahoo.com.vn

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: VIMCERTS 165

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực ba (03) năm kể từ ngày ký đến hết ngày 06 tháng 12 năm 2025.

4. Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quản lý theo đúng phạm vi được chứng nhận./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT tỉnh Trà Vinh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG	Số hiệu: BM: 12.04-01 Lần ban hành: 01
	BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG Số:	Ngày BH: 18/07/2024 Trang :2

B- MẪU NƯỚC: Nước thải, nước mặt

Số lượng: 04

Phương pháp lấy mẫu:

- Nước mặt: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2020, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước dưới đất: TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước thải: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999-1995, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước sạch, nước uống: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 5995:1995
- Nước biển: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5998:1995, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước khoáng: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5997:1995


TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	SỐ LƯỢNG	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
1	Nước thải đầu vào tại bể thu gom X: 1098041 Y: 591151	01	pH, TSS, BOD, COD, S ²⁻ , Amoni, NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Dầu mỡ ĐTV, Coliform	
2	Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải X: 1098035 Y: 591151	01	pH, TSS, BOD, COD, S ²⁻ , Amoni, NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Dầu mỡ ĐTV, Coliform	
3	Nước mặt tại sông Long Bình tại điểm xả thải X: 1097531 Y: 592312	01	TSS, BOD, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P	
4	Nước mặt tại sông Long Bình cách điểm xả thải 200 m theo hướng dòng chảy X: 1097826 Y: 592389	01	TSS, BOD, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P	

Biên bản này được lập thành.....bản, kết thúc lúc.....giờ.....phút, ngày 23/10/2024 đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

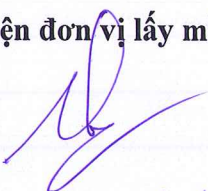
Đại diện đơn vị yêu cầu

Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu


Nguyễn Hoàng Như


Trần Hải Hằng


Trần Thanh Nhã



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ
TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: BM: 12.04-01
Lần ban hành: 01

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Ngày BH: 18/07/2024
Trang :2

Số:

B- MẪU NƯỚC: Nước thải, nước mặt

Số lượng: 02

Phương pháp lấy mẫu:

- Nước mặt: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2020, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước dưới đất: TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước thải: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999-1995, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước sạch, nước uống: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 5995:1995
- Nước biển: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5998:1995, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước khoáng: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5997:1995

TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	SỐ LƯỢNG	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
1	Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải X: 1098038 Y: 59153	01	pH, TSS, BOD, COD, S ²⁻ , Amoni, NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Dầu mỡ ĐTV, Coliform	
2	Nước mặt tại sông Long Bình tại điểm xả thải X: 1097533 Y: 592310	01	TSS, BOD, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P	

Biên bản này được lập thành.....bản, kết thúc lúc.....giờ.....phút, ngày 26/10/2024
đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.

Đại diện đơn vị yêu cầu


Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu

Nguyễn Hoàng Như

Trần Hải Đăng

Trần Thanh Nhã

	TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG	Số hiệu: BM: 12.04-01 Lần ban hành: 01
	BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG Số:	Ngày BH: 18/07/2024 Trang :2

B- MẪU NƯỚC: Nước thải, nước mặt

Số lượng: 02

Phương pháp lấy mẫu:

- Nước mặt: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2020, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước dưới đất: TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước thải: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999-1995, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước sạch, nước uống: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 5995:1995
- Nước biển: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5998:1995, TCVN 6663-14:2018, TCVN 8880:2011
- Nước khoáng: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5997:1995


TT	VỊ TRÍ LẤY MẪU	SỐ LƯỢNG	CHỈ TIÊU	GHI CHÚ
1	Nước thải đầu ra sau HTXL nước thải X: 1098036 Y: 591154	01	pH, TSS, BOD, COD, S ²⁻ , Amoni, NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Dầu mỡ ĐTV, Coliform	
2	Nước mặt tại sông Long Bình tại điểm xả thải X: 1097532 Y: 592308	01	TSS, BOD, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P	


Biên bản này được lập thành.....bản, kết thúc lúc.....giờ.....phút, ngày 25/10/2024 đã đọc lại biên bản cho những người có tên trên cùng nghe và đồng ý.


Đại diện đơn vị yêu cầu

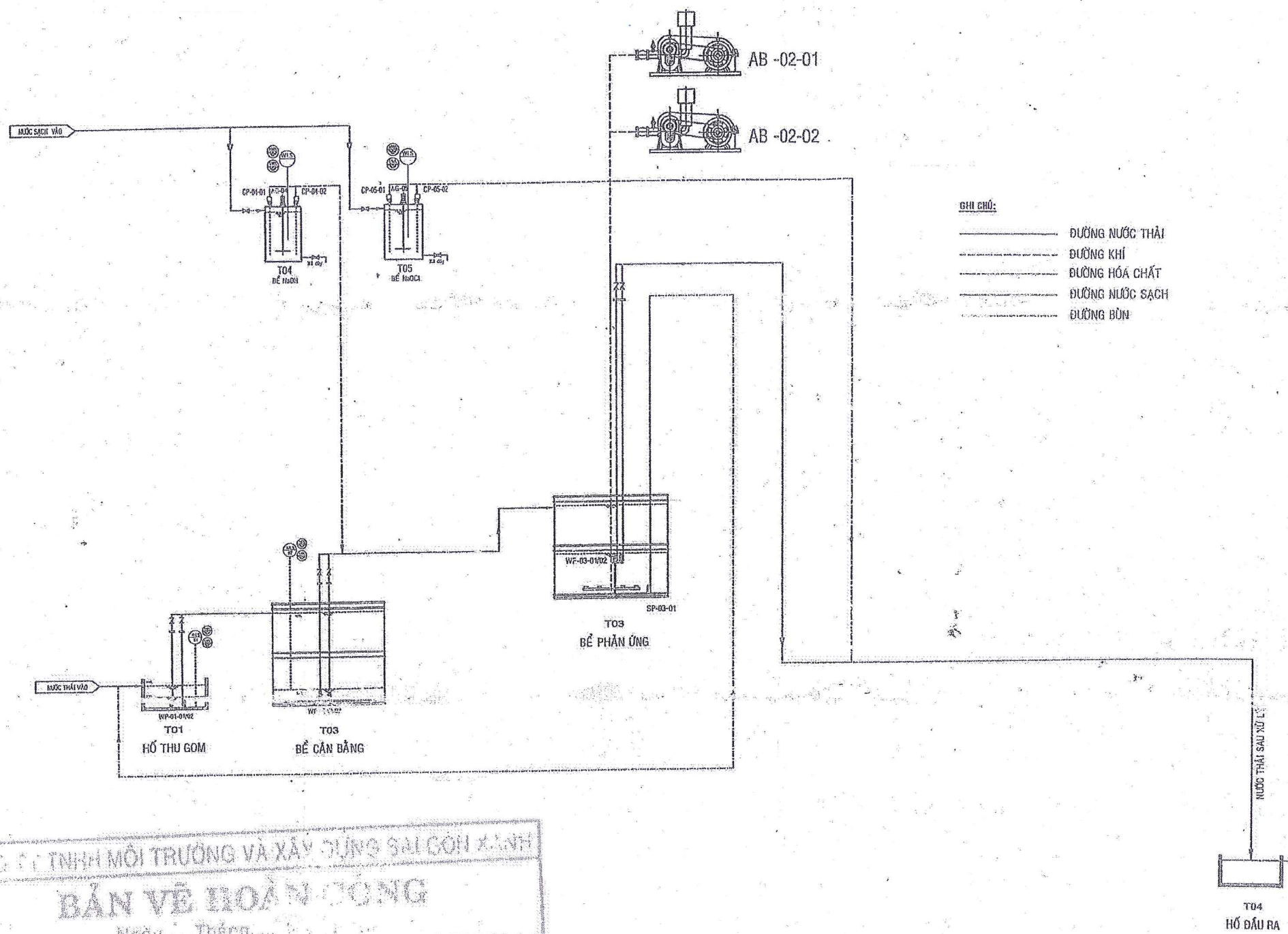
Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu


Nguyễn Hoàng Nhu


Trần Hải Đăng


Trần Thanh Nhã



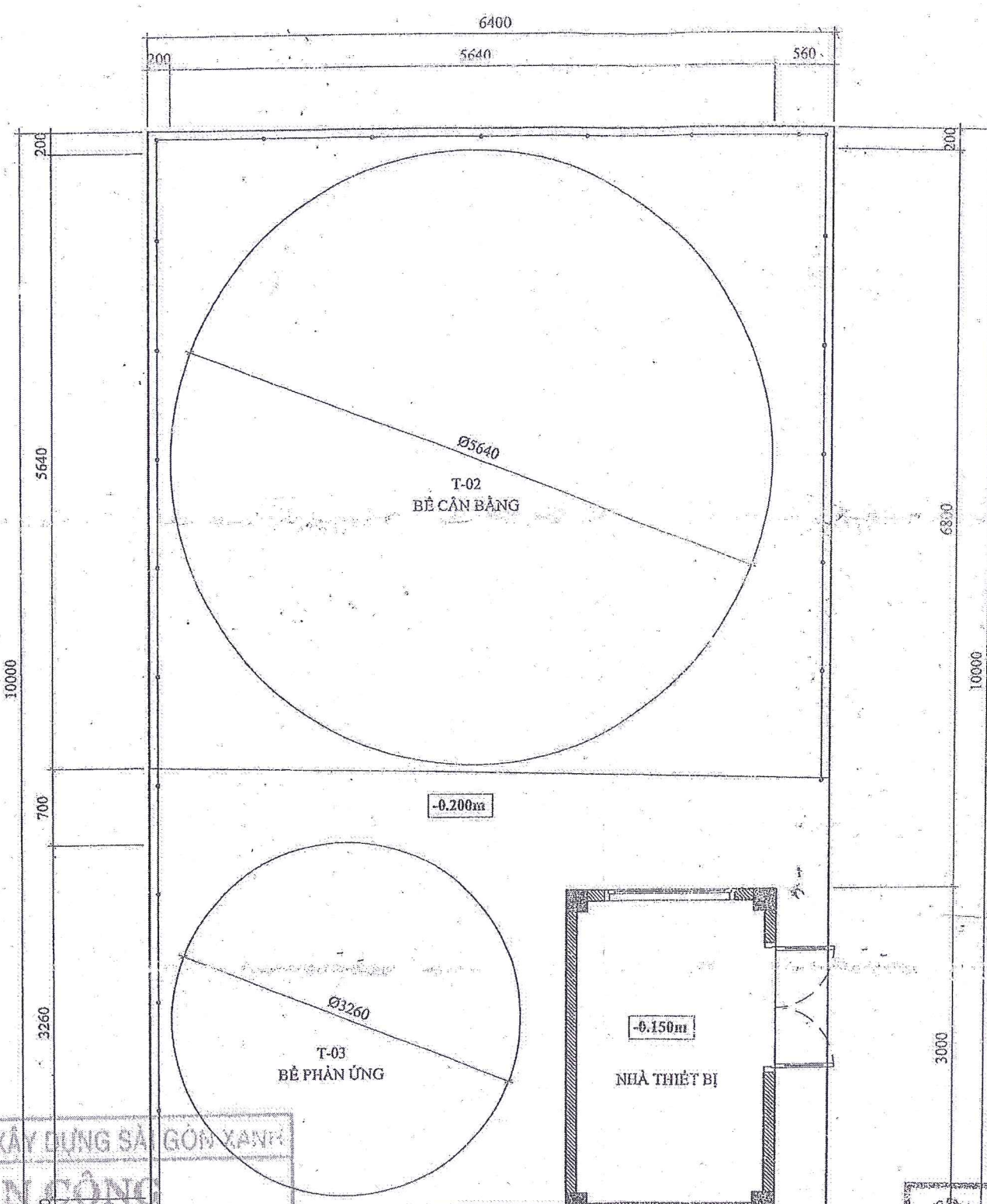
GHI CHÚ:
 ————— ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
 - - - - - ĐƯỜNG KHÍ
 ĐƯỜNG HÓA CHẤT
 - · - · - ĐƯỜNG NƯỚC SẠCH
 - · - · - ĐƯỜNG Bùn

NƯỚC THẢI ĐẦU RA ĐẠT
 Đạt chuẩn môi trường Việt Nam
 QCVN 28:2010/BTNMT (cột B)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....
 Đơn vị Thi Công: _____
 Người Lập: *Juu*
 Giám sát: *Nguyễn Sỹ Luân*
 Người Đại Diện: *Nguyễn Sỹ Luân*
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 01 AN PHÚ THẠCH HỒ CHÍ MINH

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
ĐÃ THẨM TRA
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN QUẢN LÝ XÂY DỰNG SÔNG- PHÂN
 ĐƠN KÈM BẢO CẢO THẨM TRA SỐ
 C.11/BCTT/2012
 Ngày: 11/11/2012

CHỦ ĐẦU TƯ (INVESTOR)	
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (USER)	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/> BASIC DESIGN
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> DETAILED DESIGN
THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVERSED DESIGN
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT
CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ CHỦ THÌ ĐƠN AN/PROJ. M/00000000000000000000 KTS. Nguyễn Sỹ Luân	
KTS. Nguyễn Sỹ Luân KTS. Nguyễn Sỹ Luân	
CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE	
TỶ LỆ: 1:100 SỐ BẢN VẼ: 01/01 NGÀY HOÀN THIỆN: 11-11-2012	



CHỦ ĐẦU TƯ (INVESTOR)	
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (USER)	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/> BASIC DESIGN
THIẾT KẾ THỰC CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/> DETAIL DESIGN
THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/> REVISED DESIGN
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/> AS-BUILT
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG GIA	
ENGINEER	<i>[Signature]</i>
ENGINEER	<i>[Signature]</i>
ENGINEER	<i>[Signature]</i>
ENGINEER	<i>[Signature]</i>
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐƠN MẸN QUẬN DÂN Y TRÁI VỊNH Công suất 300 m ³ /ngày Địa điểm: Khu 6, Phường 7, Thị trấn Trà Vinh	
HẠNG MỤC ITEM	
XÂY DỰNG CƠ BẢN	
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ	TR-VNLT-01
NGÀY HOÀN THÀNH DATE	21-11-2012

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công	Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện

[Signatures]

ĐẠI THẨM TRA

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TL: 1/50

[Signatures]

BẢN VẼ MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY.ĐÊM

GHI CHÚ:

WP01. BỂ THU GOM

WP02. BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA)

WP03. BỂ PHẢN ỨNG (SBR)

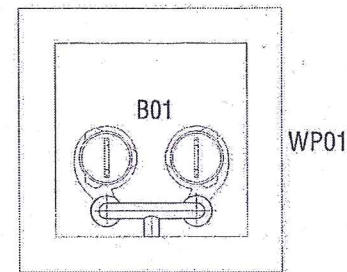
WP04. NHÀ ĐIỀU HÀNH

B01. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ THU GOM

B02. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA)

B03. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR)

B04. BƠM BÙN DƯ, NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR)

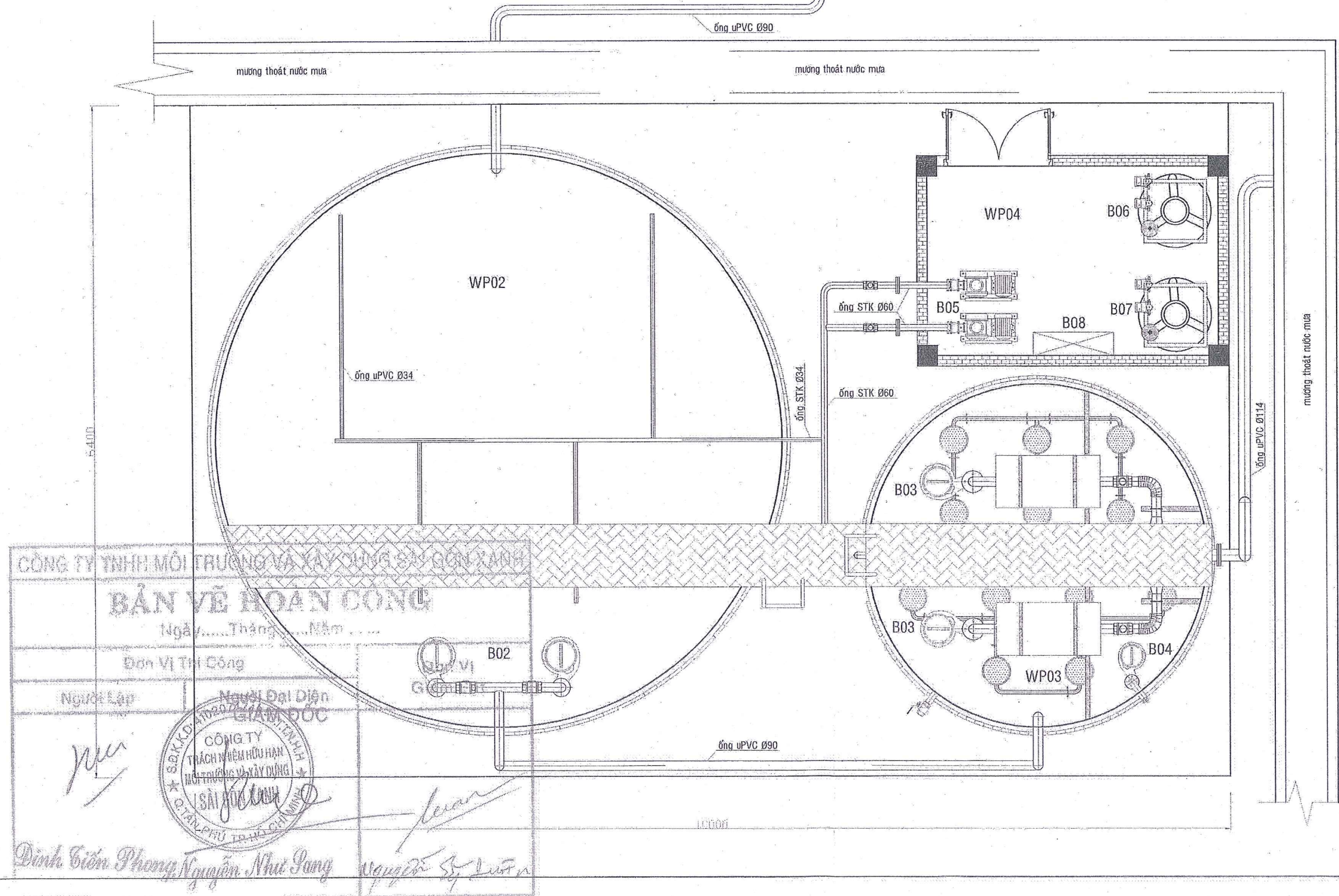


B05. MÁY THỔI KHÍ

B06. HỆ HÓA CHẤT ĐIỀU CHỈNH PH

B07. HỆ HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG

B08. TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
CÔNG NGHỆ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUẢN SỰ TRÀ VINH
Nguyễn Thành Đăng

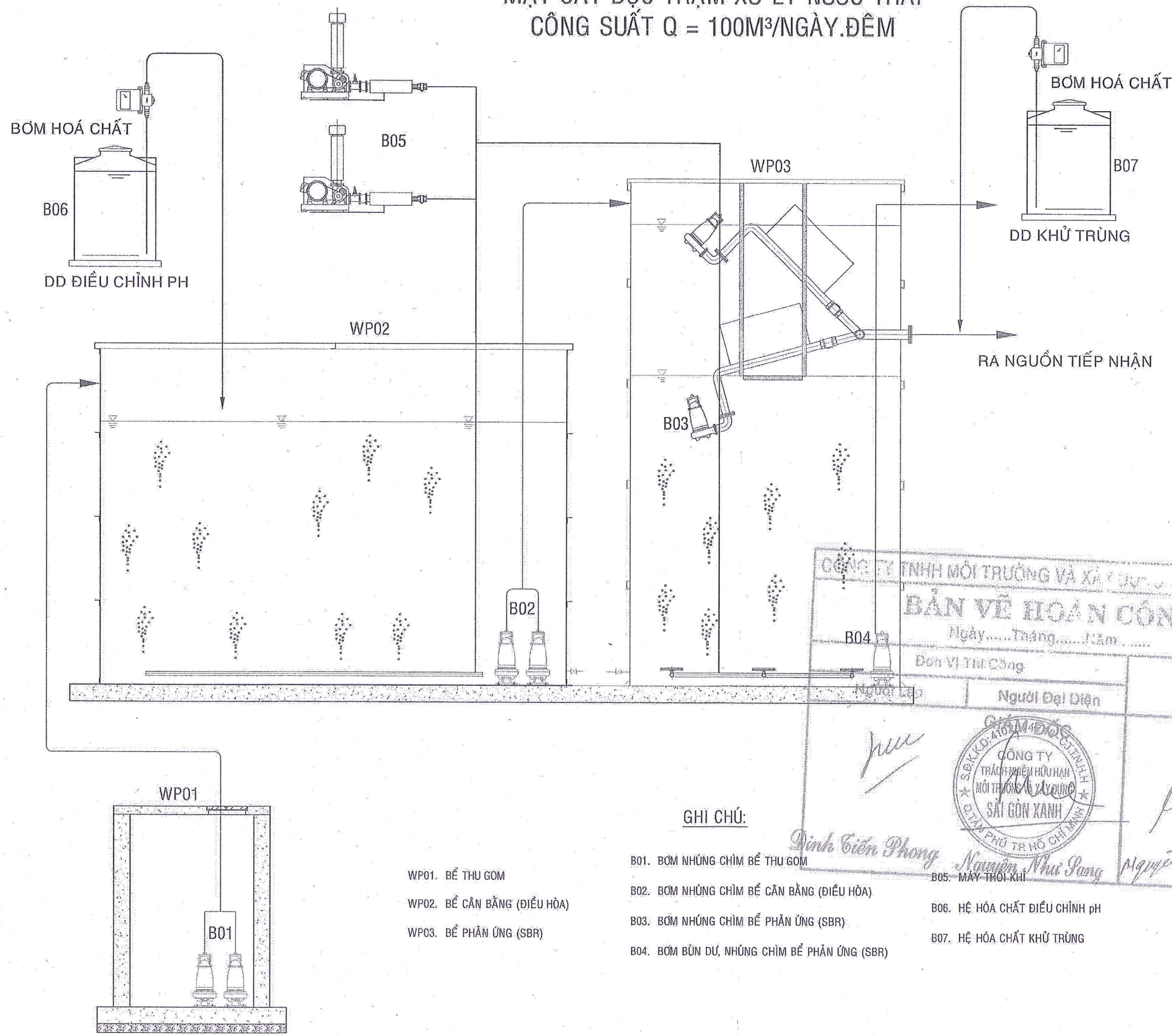
TU VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	07 BỐ
01CN	SỐ LƯỢNG	15/11/2013
	NGÀY HOÀN THÀNH	

MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY.ĐÊM



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỢI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT DỌC
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Đinh Tiến Thành Đăng

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công	Người Đại Diện	Đơn Vị Giám Sát
<i>Đinh Tiến Phong</i>	<i>Nguyễn Như Sang</i>	<i>Nguyễn Văn Hoàn</i>

Stamp: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
PHỤ TRÁCH THỰC CHỨC

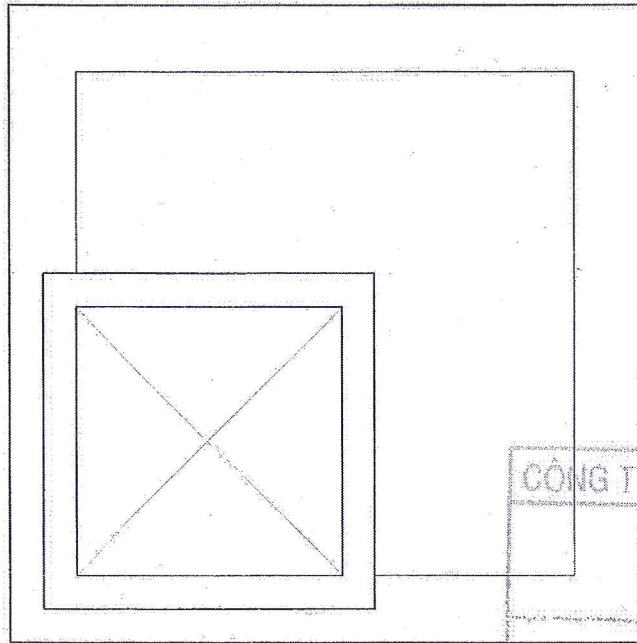
NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
PHỤ TRÁCH THỰC CHỨC

GHI CHÚ:

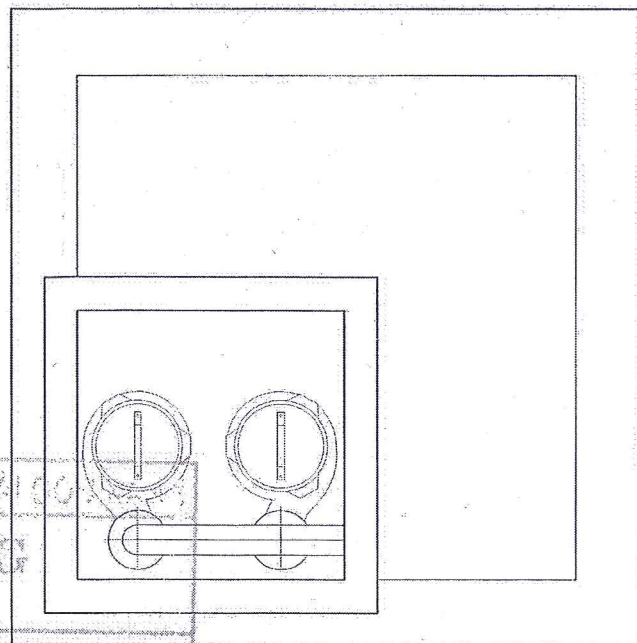
- WP01. BỂ THU GOM
- WP02. BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA)
- WP03. BỂ PHẢN ỨNG (SBR)
- B01. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ THU GOM
- B02. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA)
- B03. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR)
- B04. BƠM Bùn DƯ, NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR)
- B05. MÁY THỜI KHÍ
- B06. HỆ HÓA CHẤT ĐIỀU CHỈNH pH
- B07. HỆ HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG

GIÁM ĐỐC:	<i>Nguyễn Như Sang</i>
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:	<i>Đinh Tiến Phong</i>
VỀ:	<i>Nguyễn Văn Hoàn</i>
TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ 20/2013/HĐXD
BẢN VẼ SỐ 02CN	LOẠI THIẾT KẾ
	SỐ LƯỢNG 07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH 15/11/2013

MẶT BẰNG BỂ THU GOM



MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ BỂ THU GOM



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công

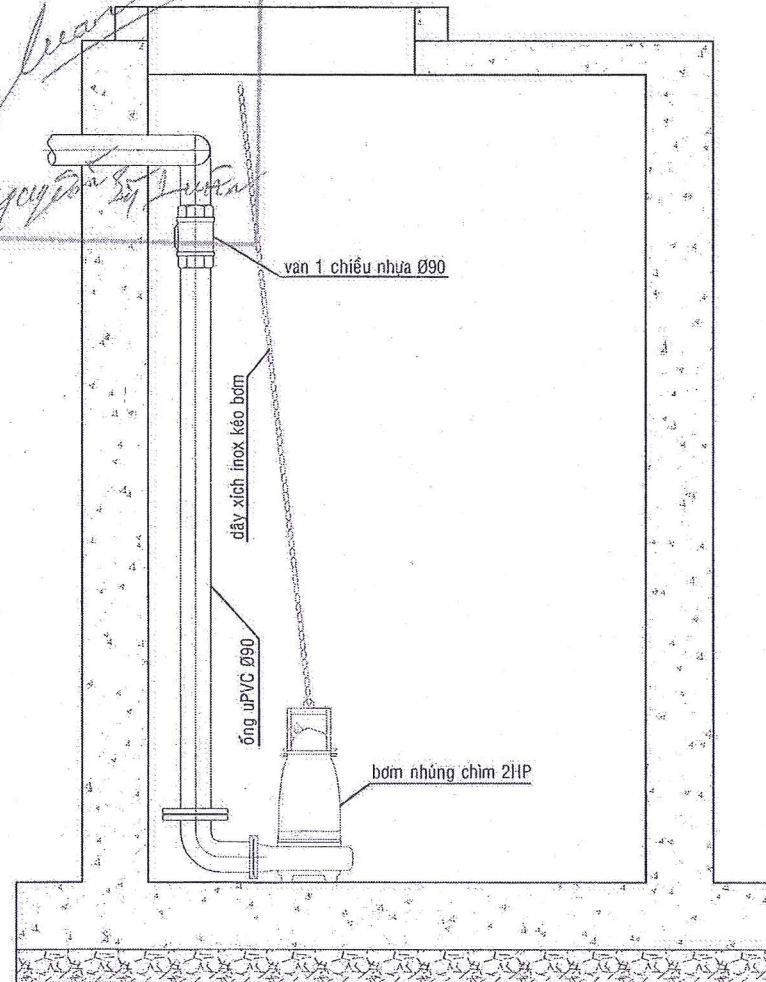
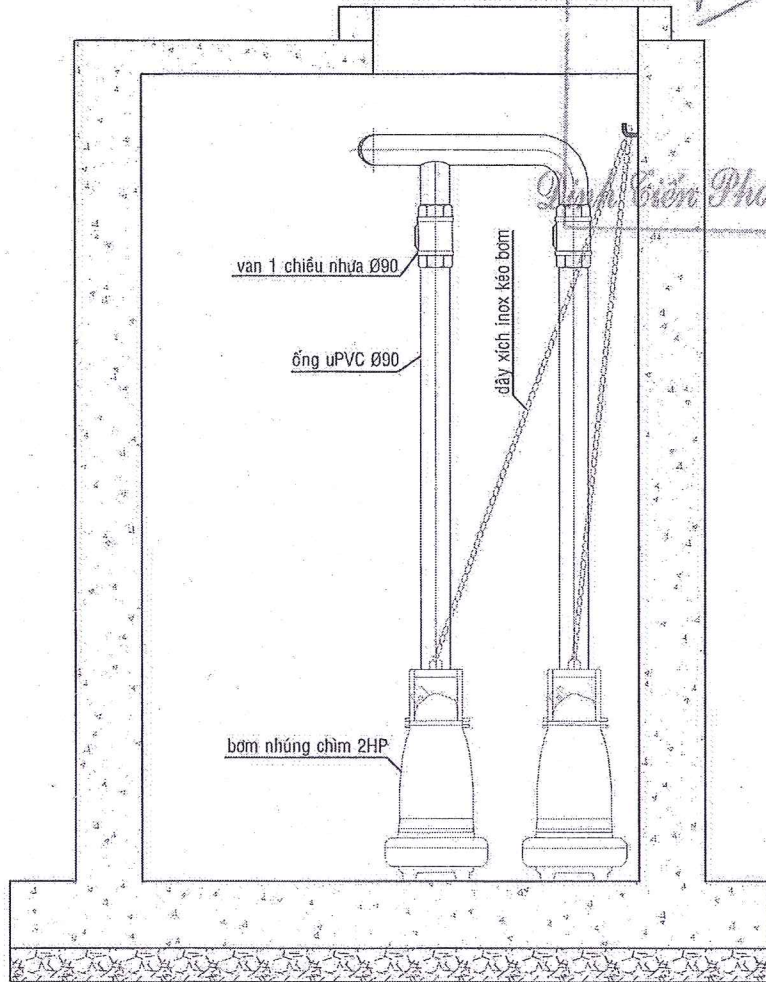
Đơn Vị Giám Sát

Người Lập

Người Đại Diện

MẶT CẮT 2 - 2

MẶT CẮT 1 - 1



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
BỂ THU GOM

CHỦ ĐẦU TƯ: KHU
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Đại tá Nguyễn Thành Đăng

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DẪN DỰNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:	<i>Shue</i>
NGUYỄN NHU SANG	
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:	<i>Shue</i>
ĐINH TIẾN PHONG	
VỀ:	<i>Shue</i>
NGUYỄN VĂN HOÀN	
TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ 20/2013/HBXD
	LÒM THIẾT KẾ
BẢN VẼ SỐ 03CN	SỐ LƯỢNG 07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH 15/11/2013

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

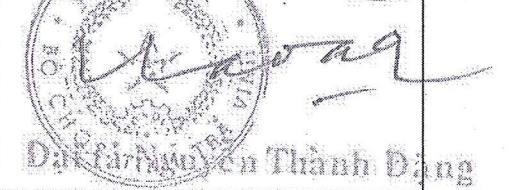
DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỒI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
BỂ ĐIỀU HÒA (BỂ CÂN BẰNG)

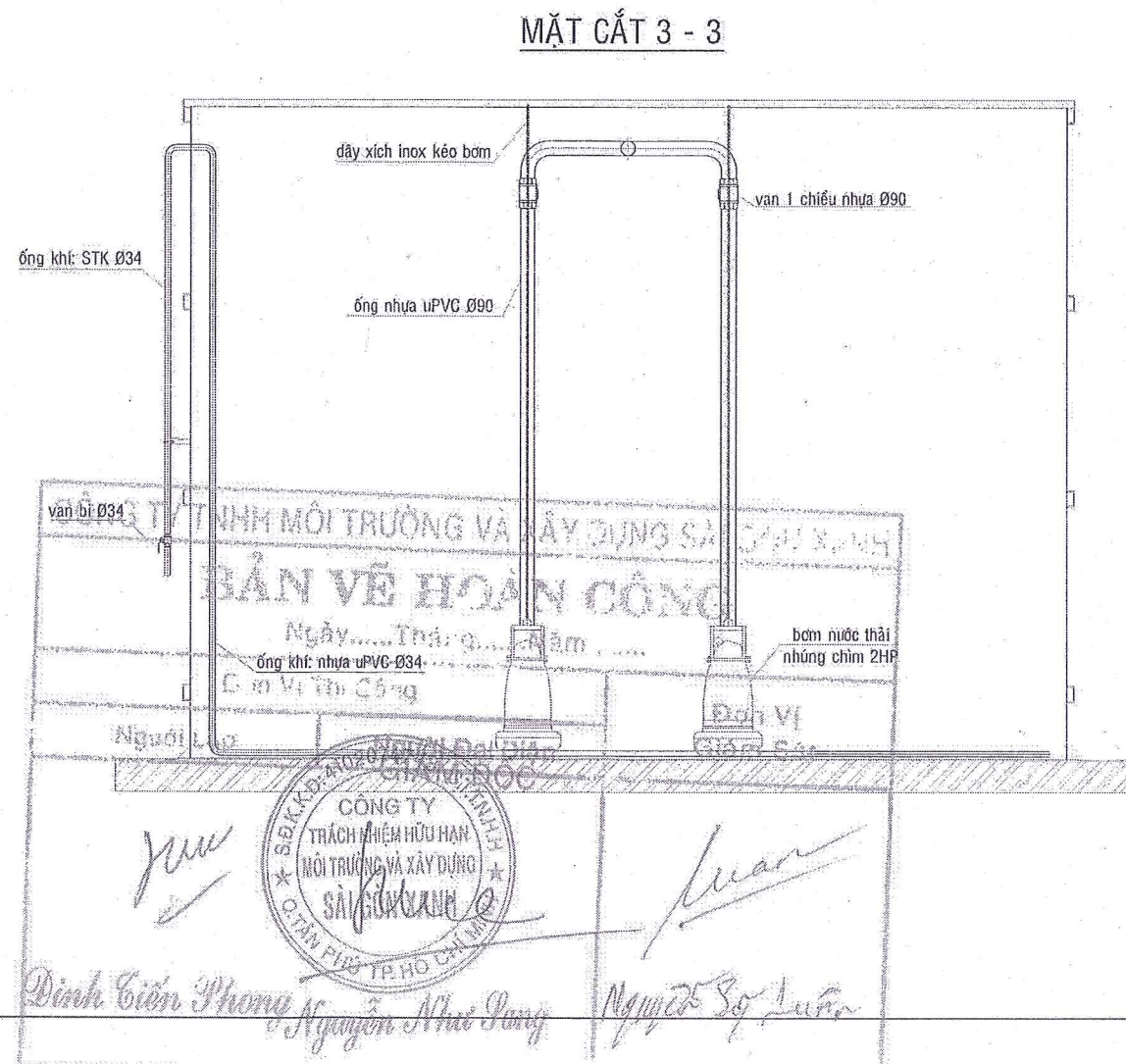
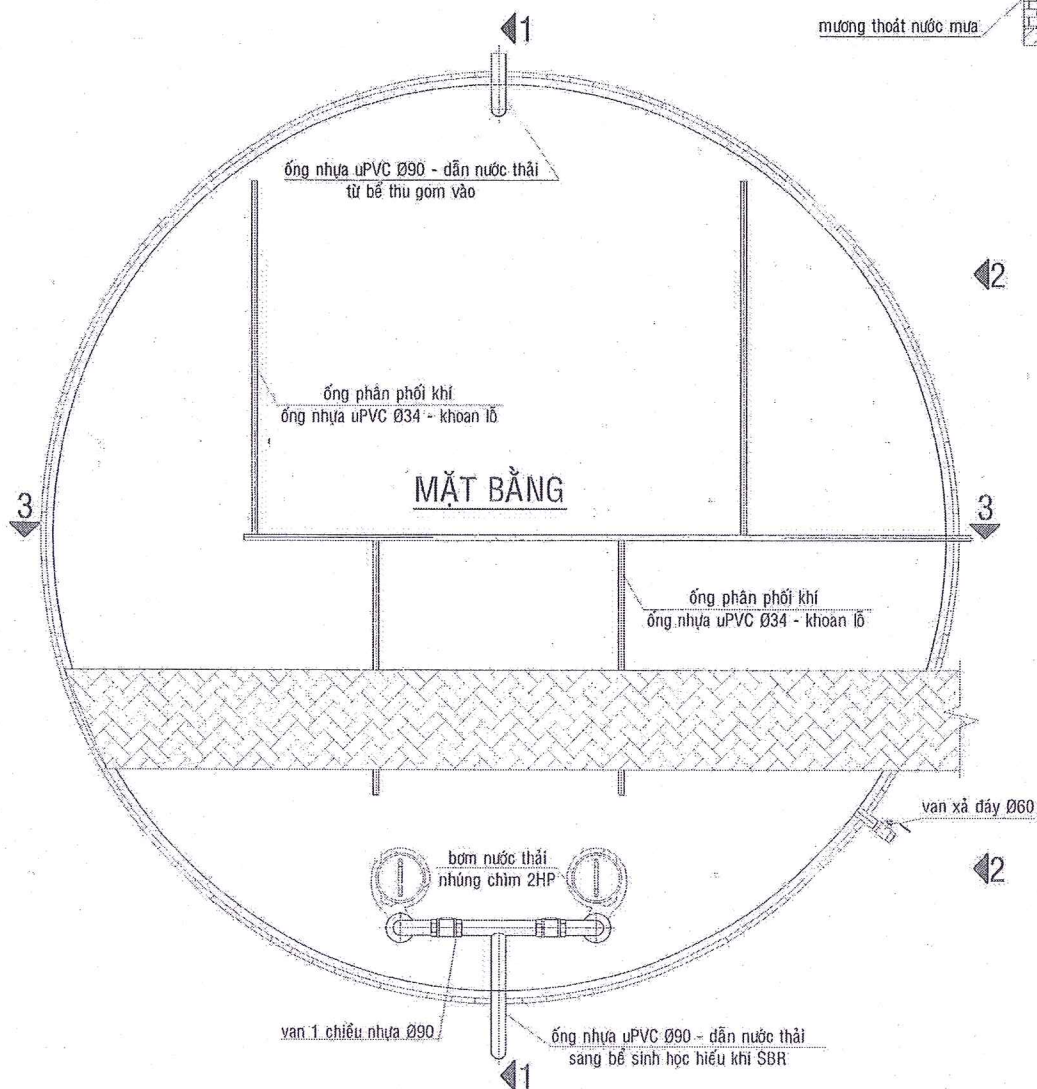
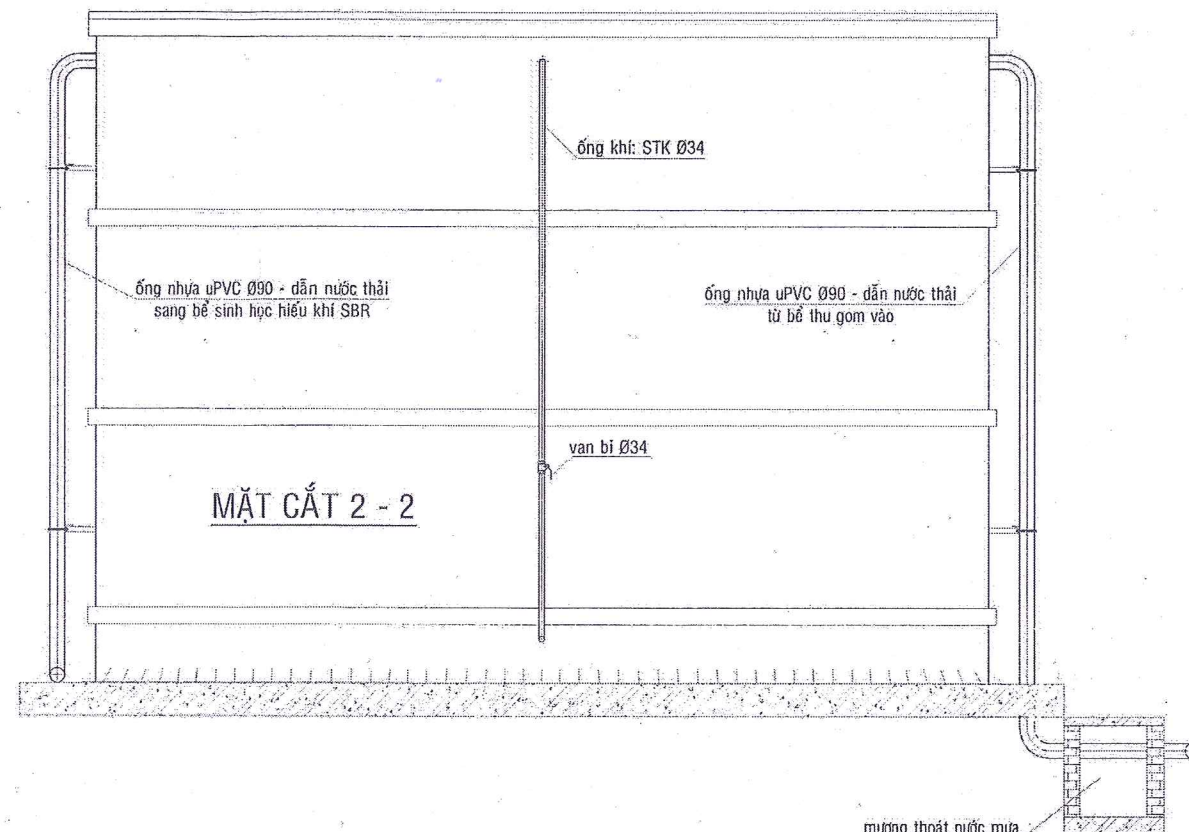
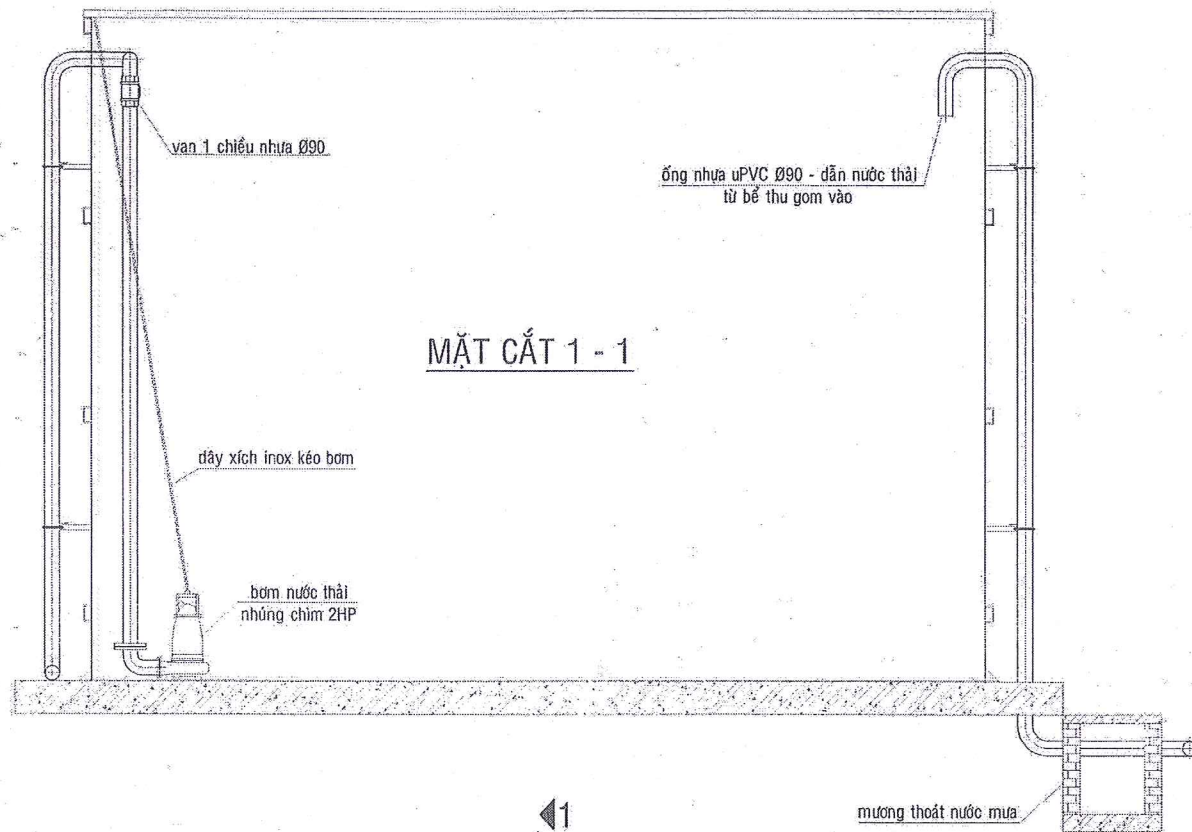
CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUẢN SỰ TRÀ VINH



TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH



GIÁM ĐỐC:		<i>Signature</i>	
NGUYỄN NHƯ SANG			
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:		<i>Signature</i>	
ĐINH TIẾN PHONG			
VẼ:		<i>Signature</i>	
NGUYỄN VĂN HOÀN			
TỶ LỆ		HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
		LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	04CN	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
		NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013



Ngày... Tháng... Năm...
Địa Điểm Công...
Người Lập...
Định Vị...
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
QUẬN PHÚ THẠCH TP. HỒ CHÍ MINH

Signature
Signature

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
BỂ SBR (BỂ PHẢN ỨNG)**

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Đại tá Nguyễn Thành Đặng

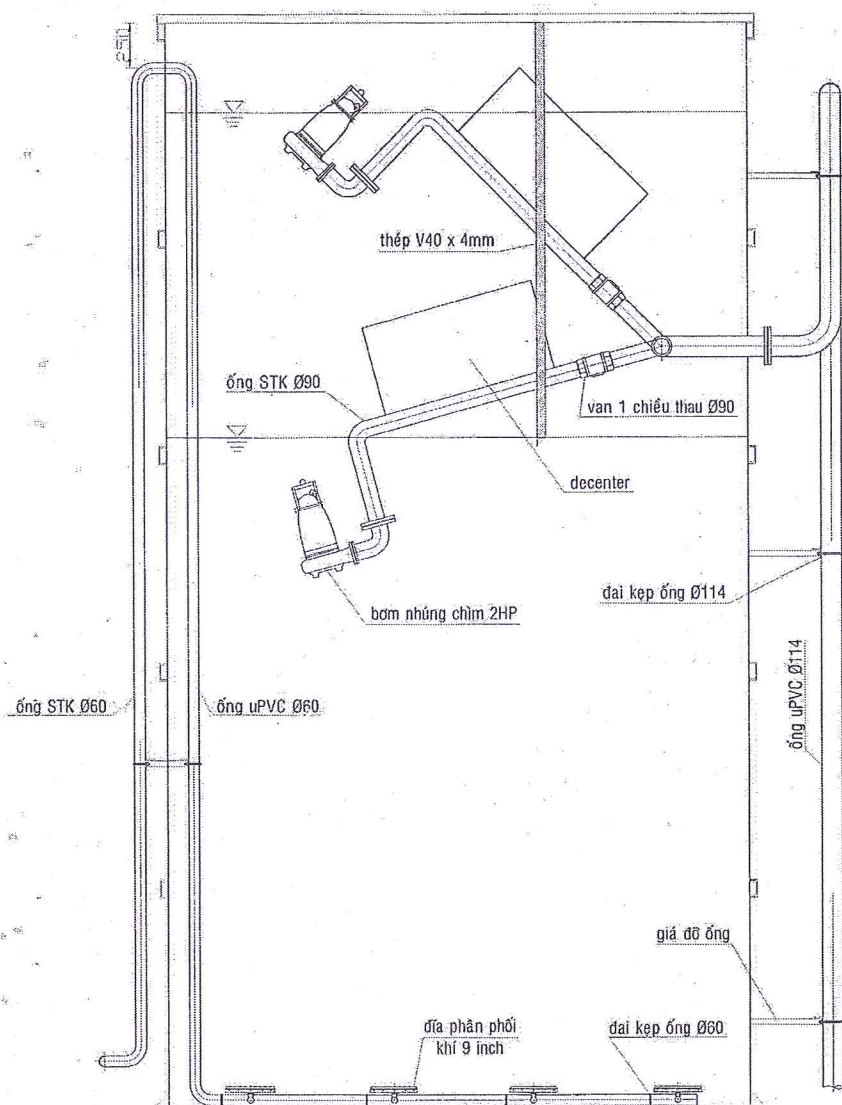
TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QĐA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH

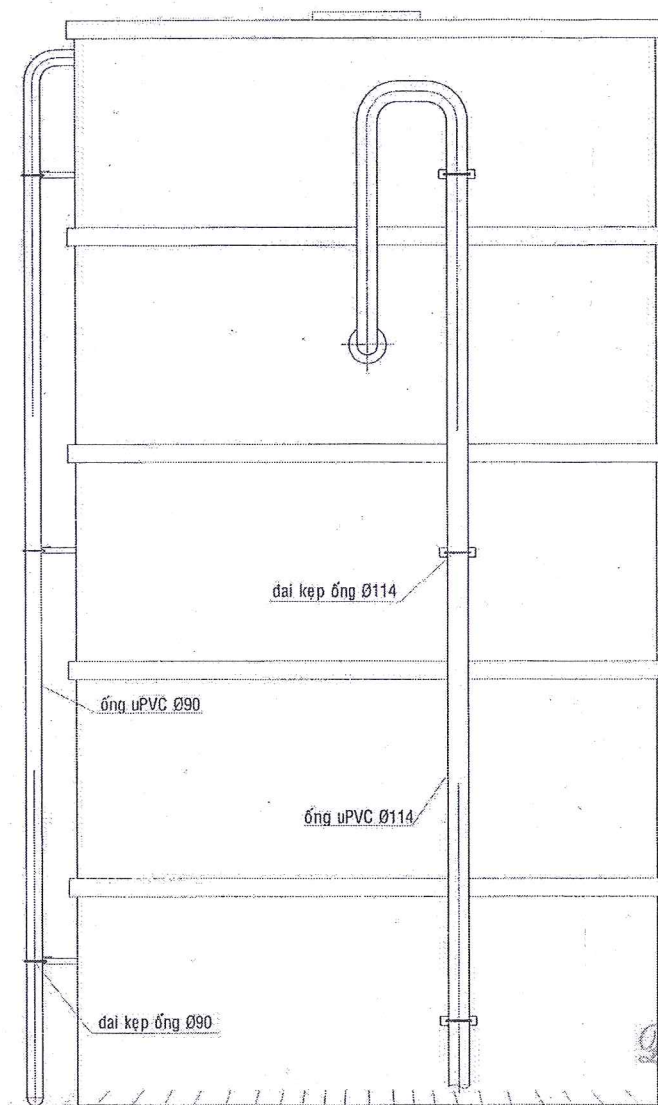
GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

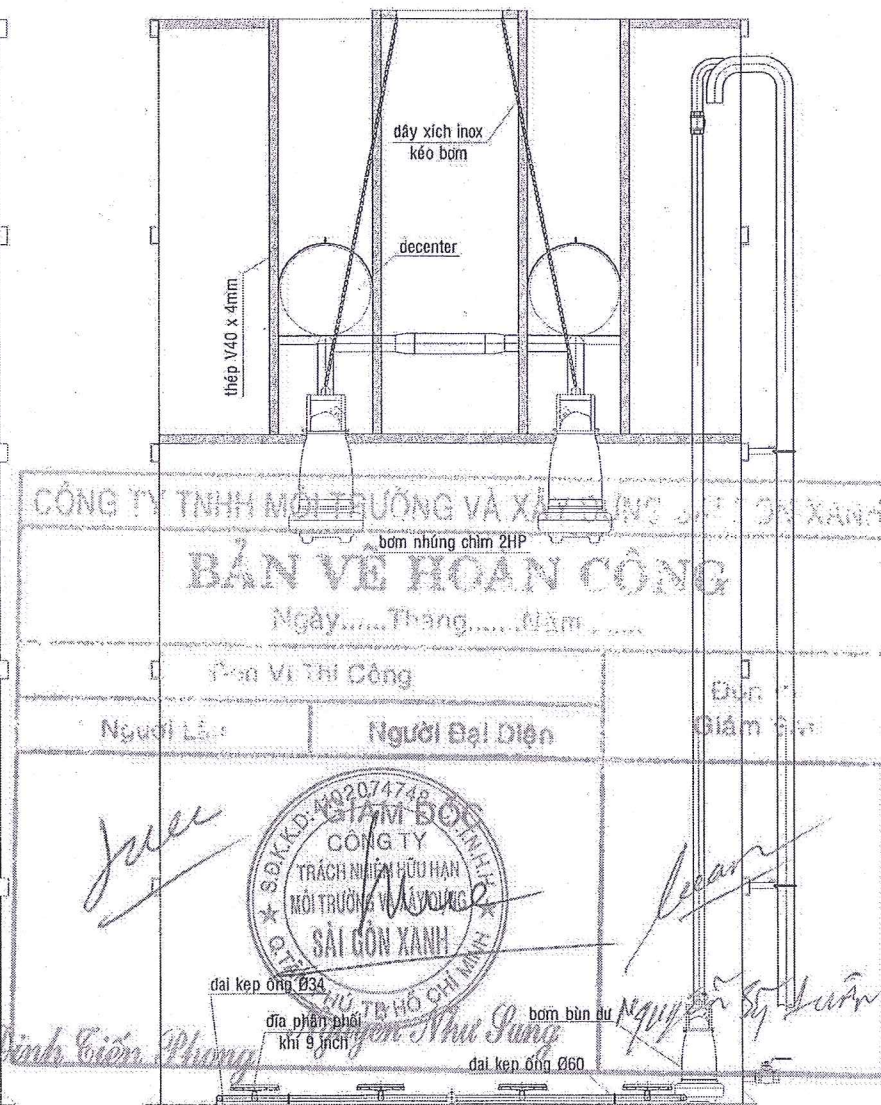
MẶT CẮT 1 - 1



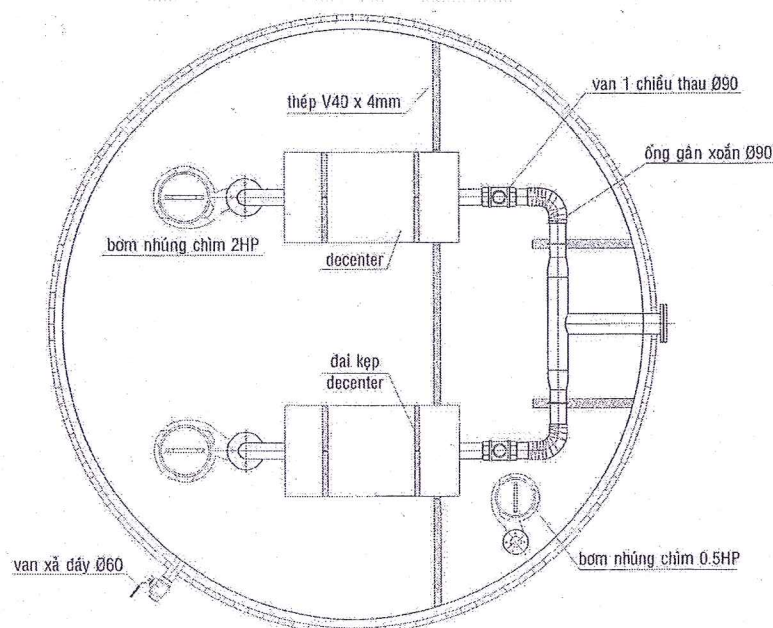
MẶT CẮT 2 - 2



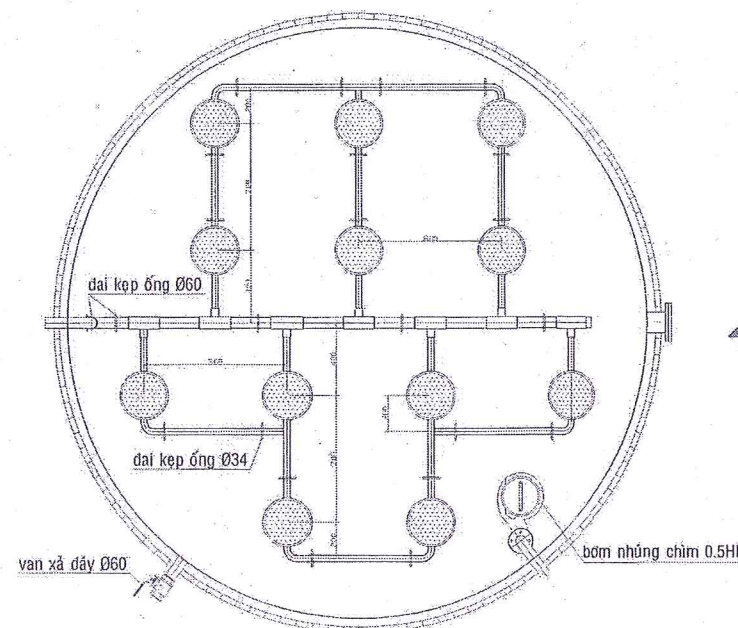
MẶT CẮT 3 - 3



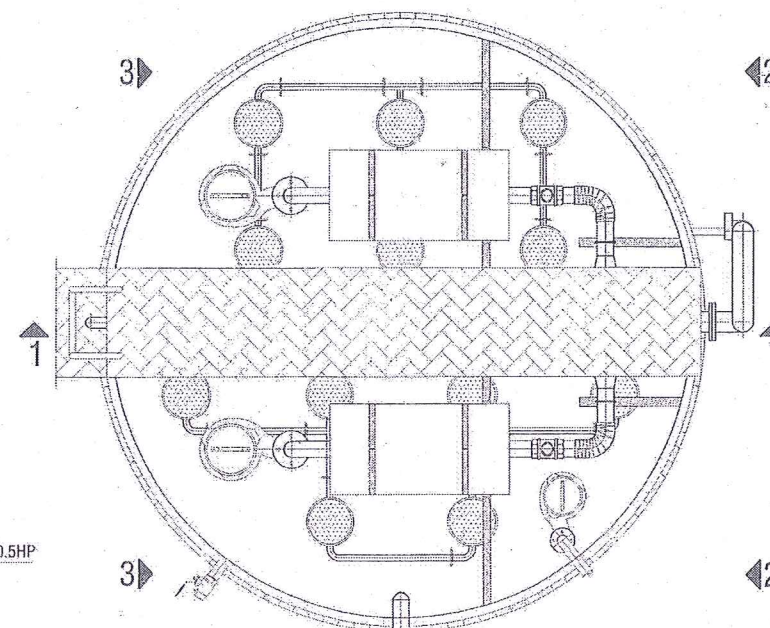
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT DECANTER



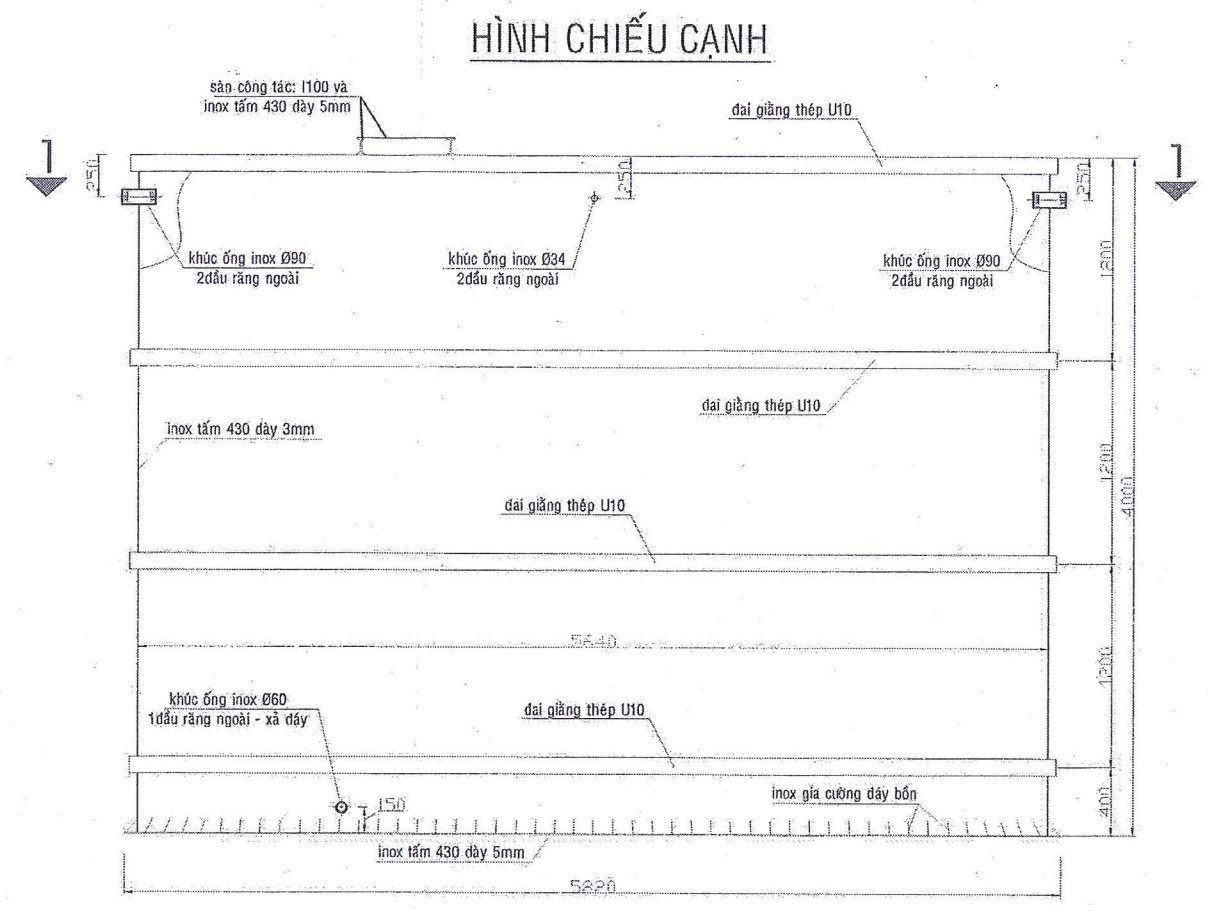
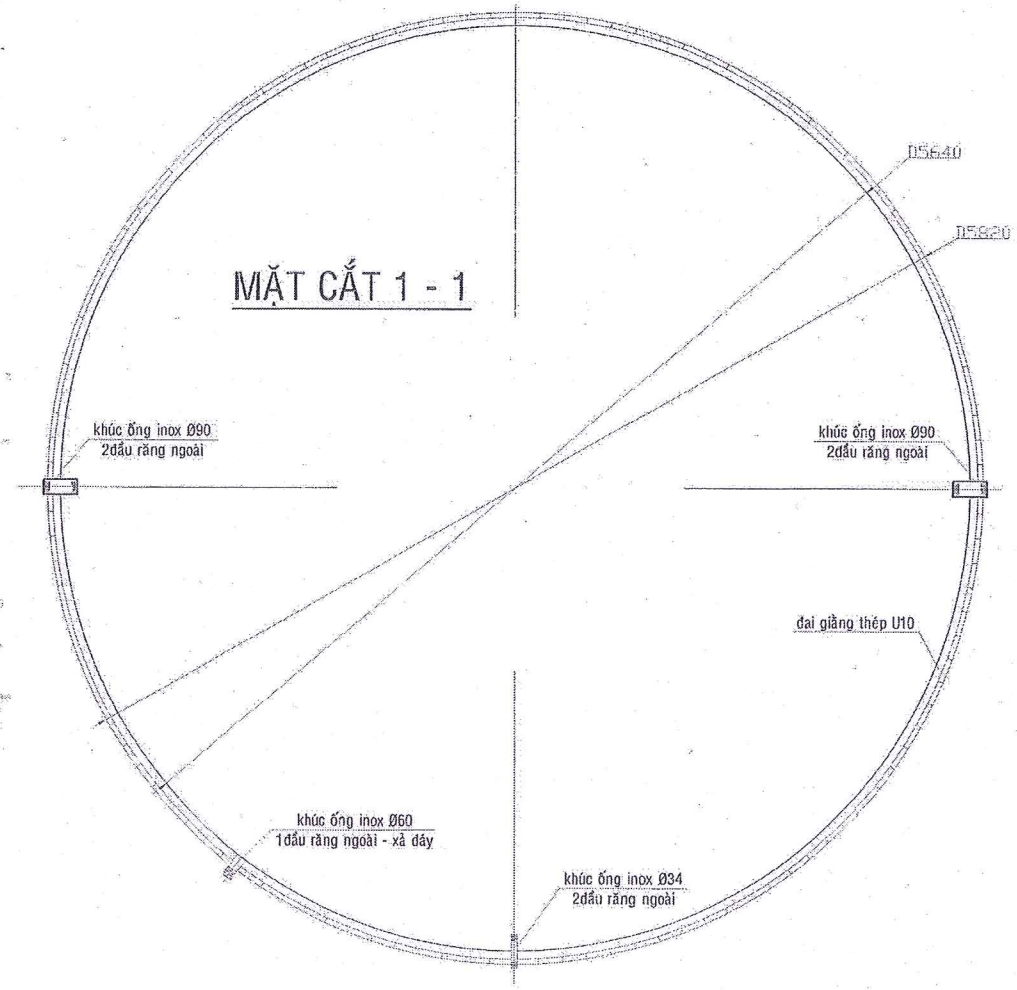
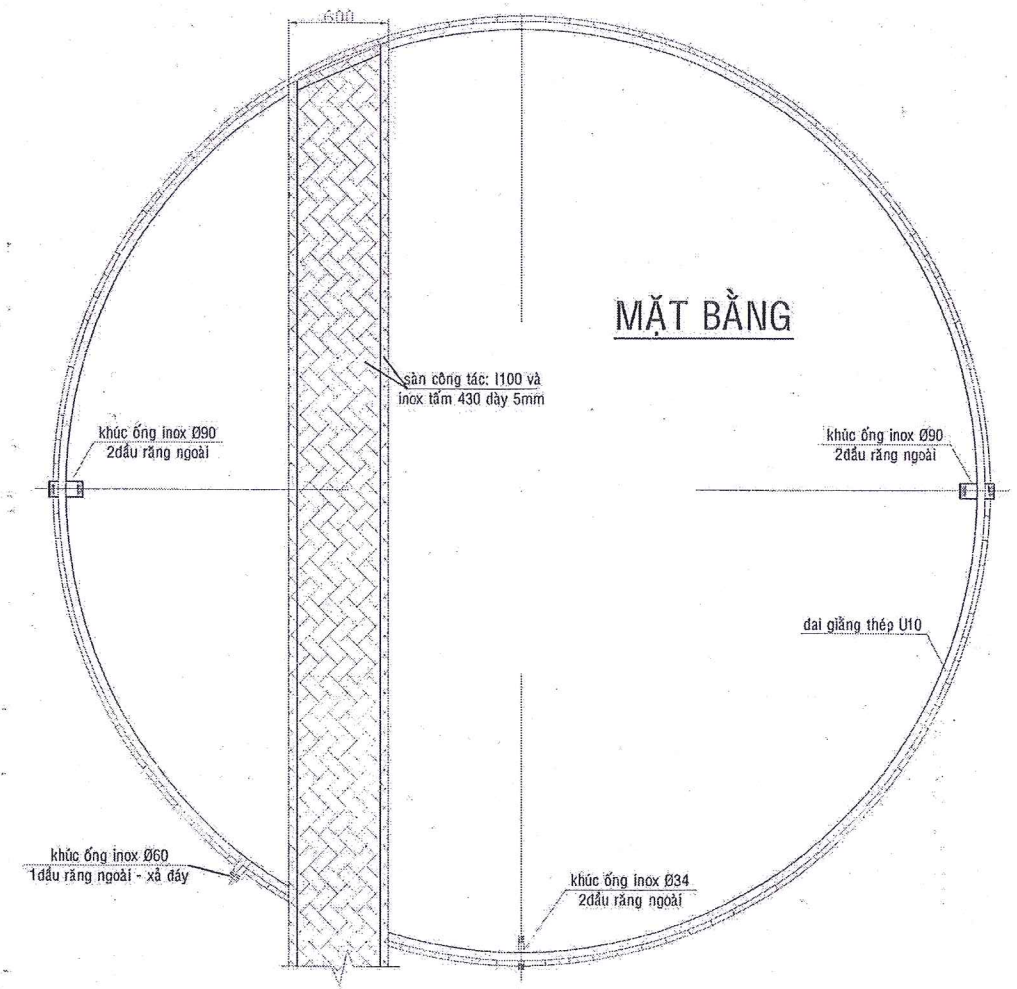
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT GIÀN ỚNG KHÍ



MẶT BẰNG HOÀN THIỆN BỂ SBR



CHI TIẾT CHẾ TẠO BỒN CÂN BẰNG



GHI CHÚ:

1. Thân bồn chế tạo bằng inox SUS430 dày 3mm
2. Đáy bồn chế tạo bằng inox SUS430 dày 5mm
3. Đai giằng xung quanh bồn chế tạo bằng thép U10
4. Bồn không có nắp đáy
5. Sơn 02 lớp các chi tiết cấu, kiện bằng thép CT3 (chống rỉ, sơn phủ)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... Tháng... Năm...

Đơn Vị Thi Công	Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Giám Sát
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

ĐƠN VỊ THI CÔNG: *[Signature]*

ĐƠN VỊ GIÁM SÁT: *[Signature]*

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT CHẾ TẠO BỂ ĐIỀU HÒA
(BỂ CÂN BẰNG)

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH



TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH



GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG

VỀ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

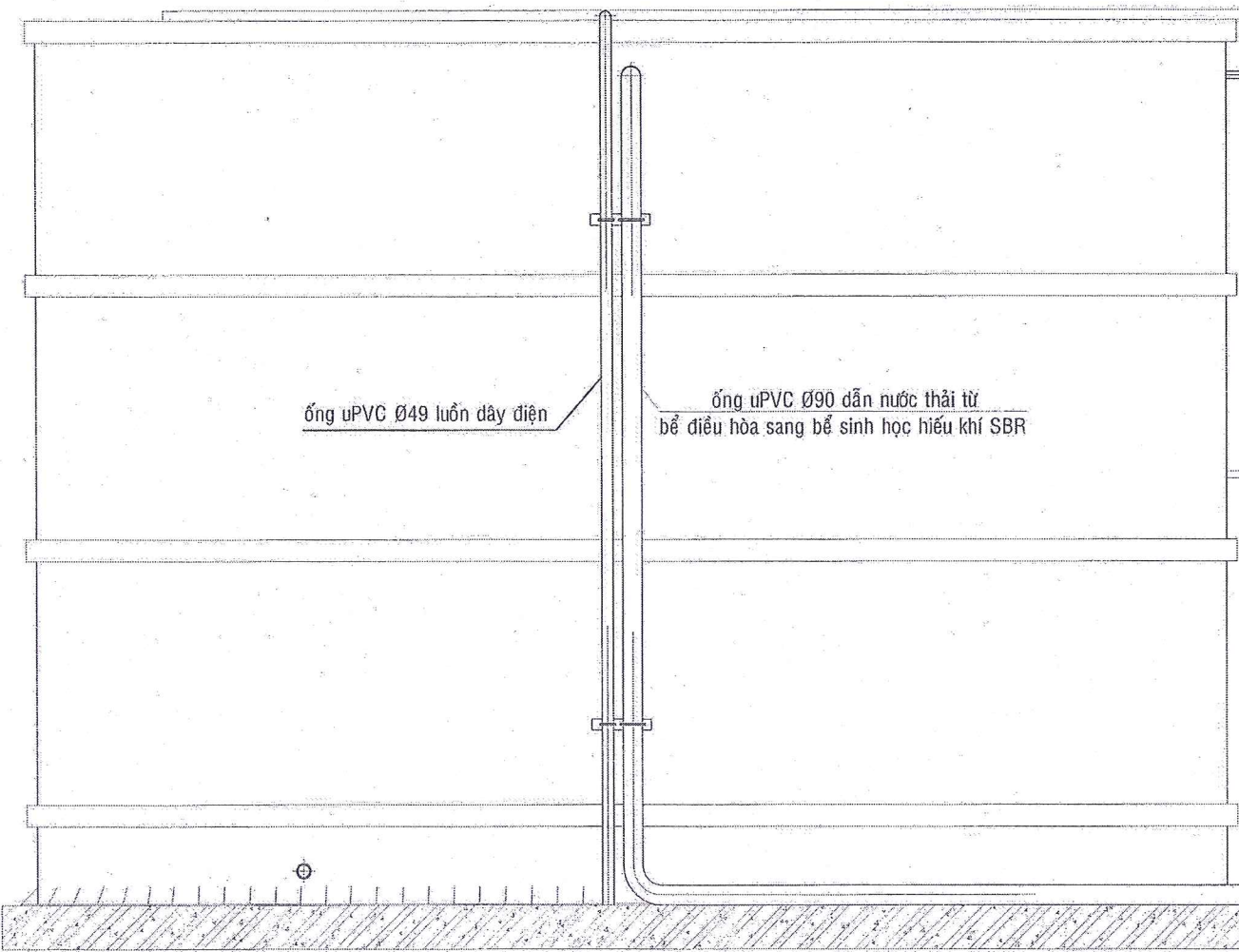
TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	07 BỐ
06CN	SỐ LƯỢNG	15/11/2013
	NGÀY HOÀN THÀNH	

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ KIẾN TRÚC MẶT SAU TRẠM XỬ LÝ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

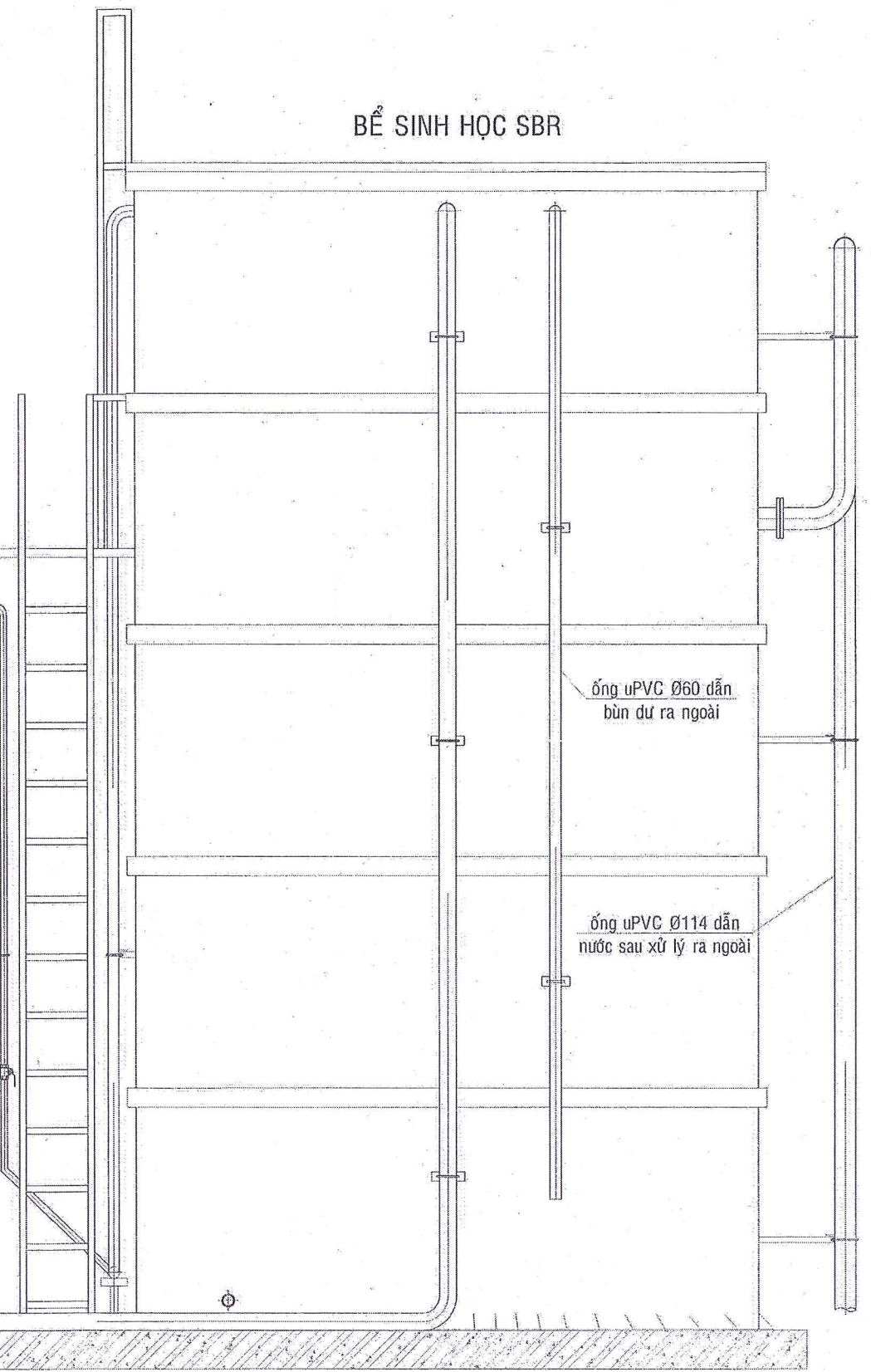
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công		Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện	
<i>Đinh Tiến Phong</i>	<i>Nguyễn Như Sang</i>	<i>Nguyễn Sỹ Lương</i>

BỂ ĐIỀU HÒA



BỂ SINH HỌC SBR



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
 Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
 CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
 LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**BẢN VẼ KIẾN TRÚC
 MẶT SAU TRẠM XỬ LÝ**

CHỦ ĐẦU TƯ
 QUẢN BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Đinh Tiến Phong
 Đại diện Thành Đạt

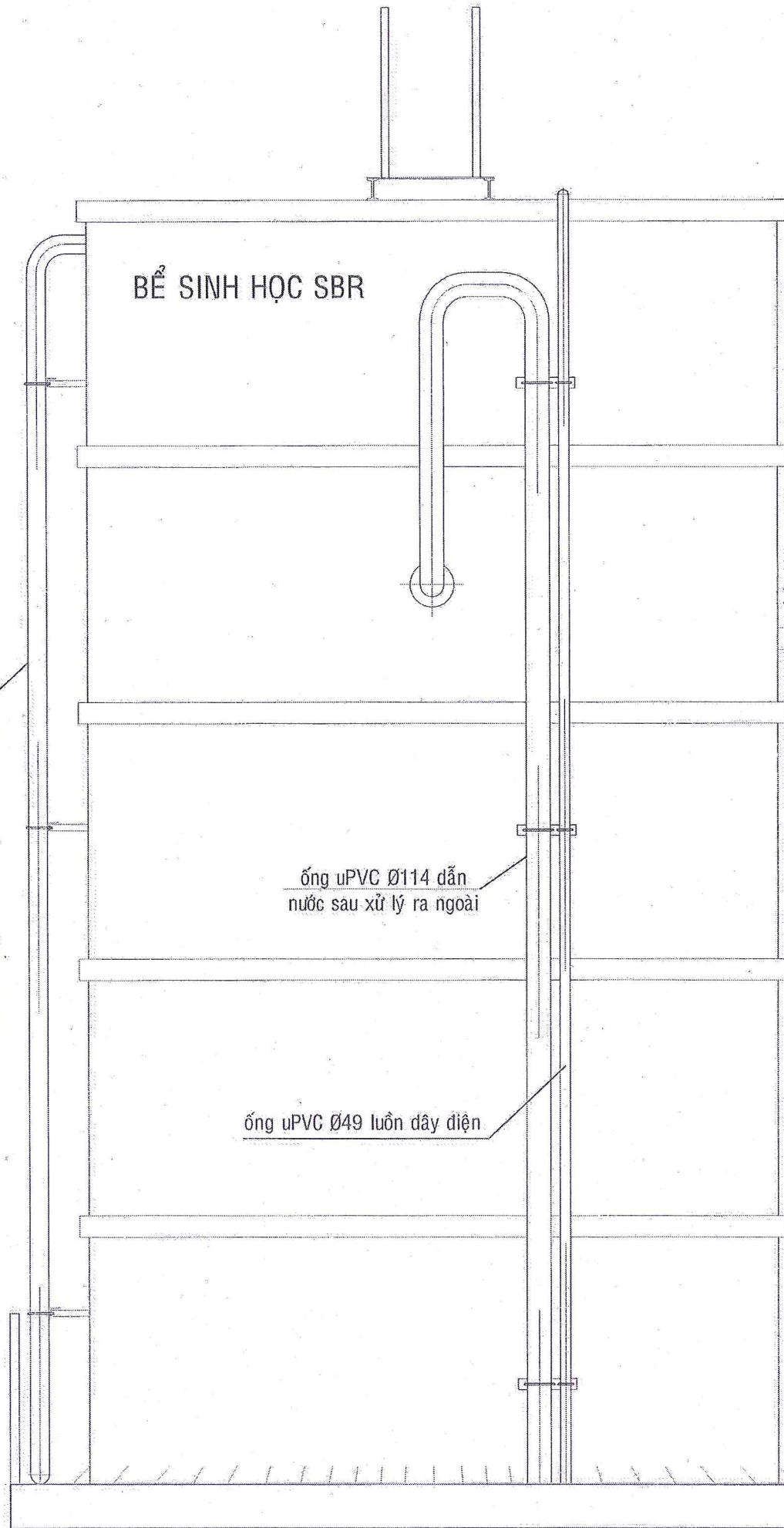
TƯ VẤN GIÁM SÁT:
 BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
 CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
 XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
 SÀI GÒN XANH
 QUẢN LÝ TRỢ GIỚI

GIÁM ĐỐC:
 NGUYỄN NHƯ SANG
 PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
 ĐINH TIẾN PHONG
 VẼ:
 NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	SỐ LƯỢNG
08CN	NGÀY HOÀN THÀNH	07 BỘ
		15/11/2013

ống uPVC Ø90 dẫn nước thải từ
bể điều hòa sang bể sinh học hiếu khí SBR



ống uPVC Ø114 dẫn
nước sau xử lý ra ngoài

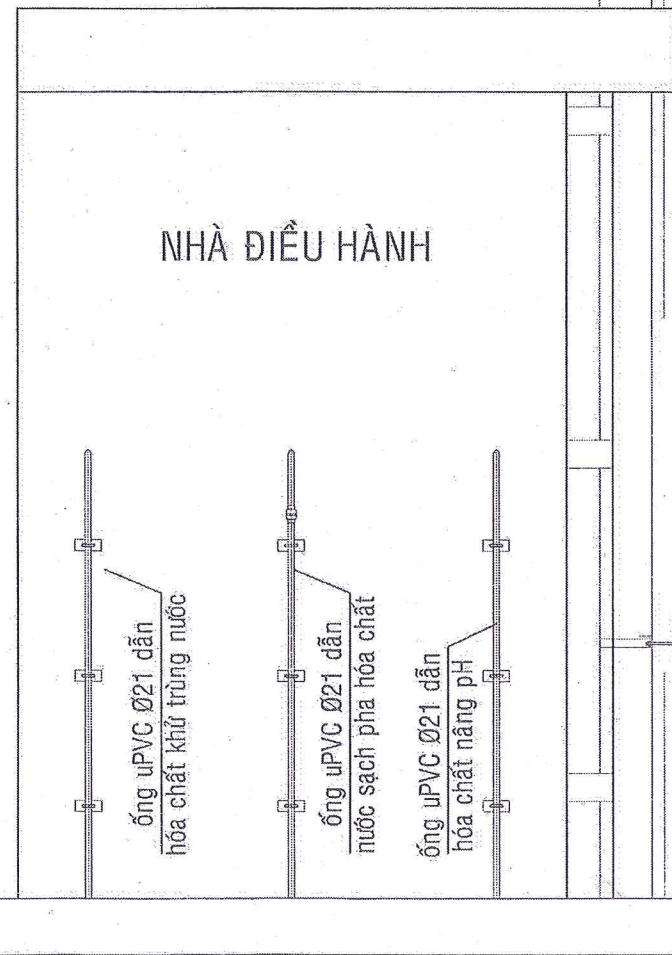
ống uPVC Ø49 luồn dây điện

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ KIẾN TRÚC
MẶT HÔNG TRẠM XỬ LÝ

Ngày: 15/11/2013		Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện	

Dinh Tiến Phong (Seal: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH) *Nguyễn Như Sang Nguyễn Sỹ Lương*

BỂ ĐIỀU HÒA



ống uPVC Ø21 dẫn
hóa chất khử trùng nước

ống uPVC Ø21 dẫn
nước sạch pha hóa chất

ống uPVC Ø21 dẫn
hóa chất nâng pH

ống uPVC Ø90 dẫn nước thải từ
bể thu gom lên bể điều hòa

NHÀ ĐIỀU HÀNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 18:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ KIẾN TRÚC
MẶT HÔNG TRẠM XỬ LÝ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

Nguyễn Thành Đạt

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

(Seal: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH)

GIÁM ĐỐC: *Sang*
NGUYỄN NHƯ SANG

PHỤ TRÁCH THI CÔNG: *Phong*
DINH TIẾN PHONG

VỀ: *Hoàn*
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
	LÒAI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... Tháng... Năm...

Đơn Vị Thi Công

Người Lập

Người Đại Diện

Đơn Vị Giám Sát



Đinh Tiến Phong Nguyễn Như Sang Nguyễn Văn Luận

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY ĐIỆN
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUẢN SỰ TRÀ VINH



TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

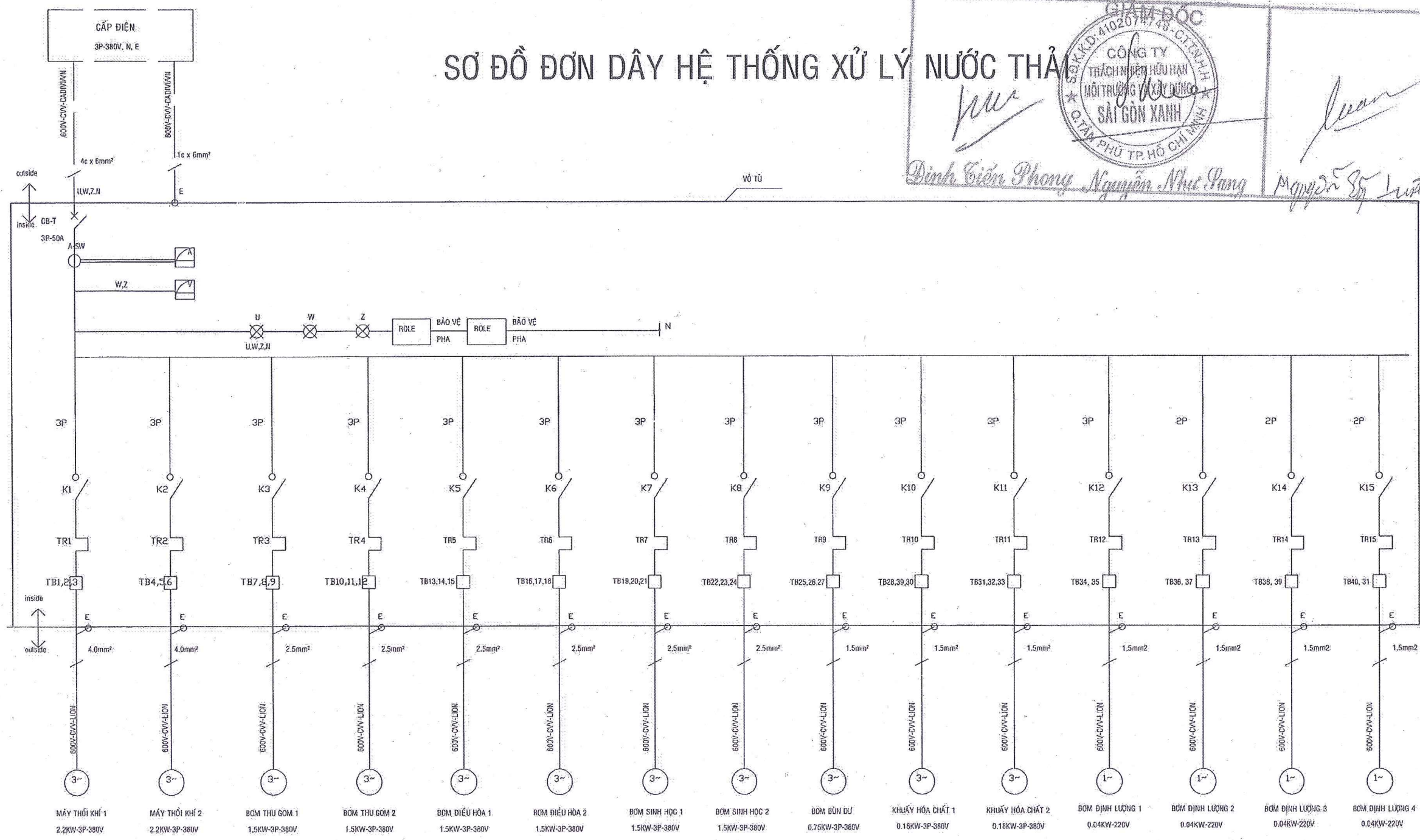
NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH



GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	SỐ LƯỢNG
01HTB	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

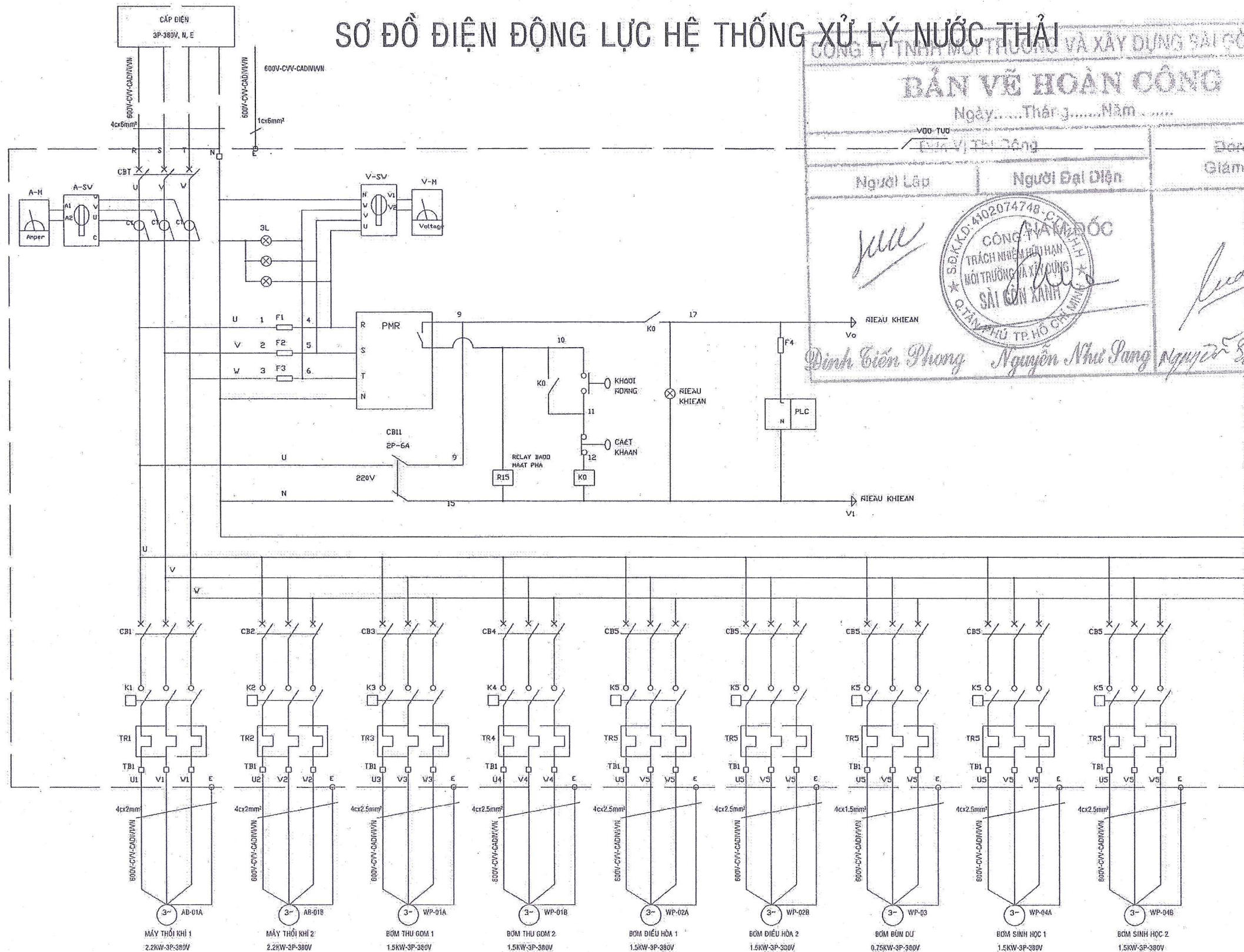
SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



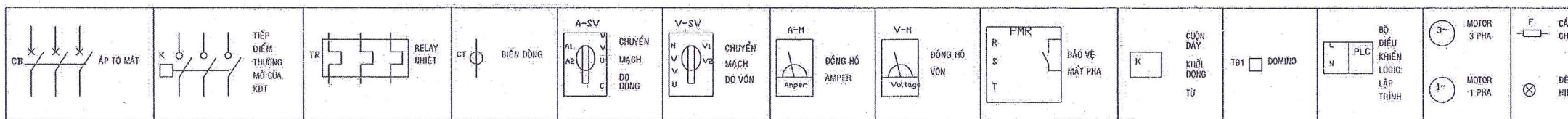
KÝ HIỆU:

CB	ÁP TÔ MẮT	K	TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ CỦA KĐT	TR	RELAY NHỆT	CT	BIẾN DÒNG	A	ĐỒNG HỒ AMPER	V	ĐỒNG HỒ VỐN	ROLE	BẢO VỆ PHA	KH	CỤN DÂY KHỞI ĐỘNG TỪ	TBI	DOMINO	3~	MOTOR 3 PHA	1~	MOTOR 1 PHA
----	-----------	---	-----------------------------	----	------------	----	-----------	---	---------------	---	-------------	------	------------	----	----------------------	-----	--------	----	-------------	----	-------------

SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÝ HIỆU:



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....Năm.....

VƯỜI TỰ
 ĐƠN VỊ THI CÔNG

Người Lập: *Đinh Tiên Phong* Người Đại Diện: *Nguyễn Như Sang* Đơn Vị Giám Sát: *Nguyễn Thành Đăng*

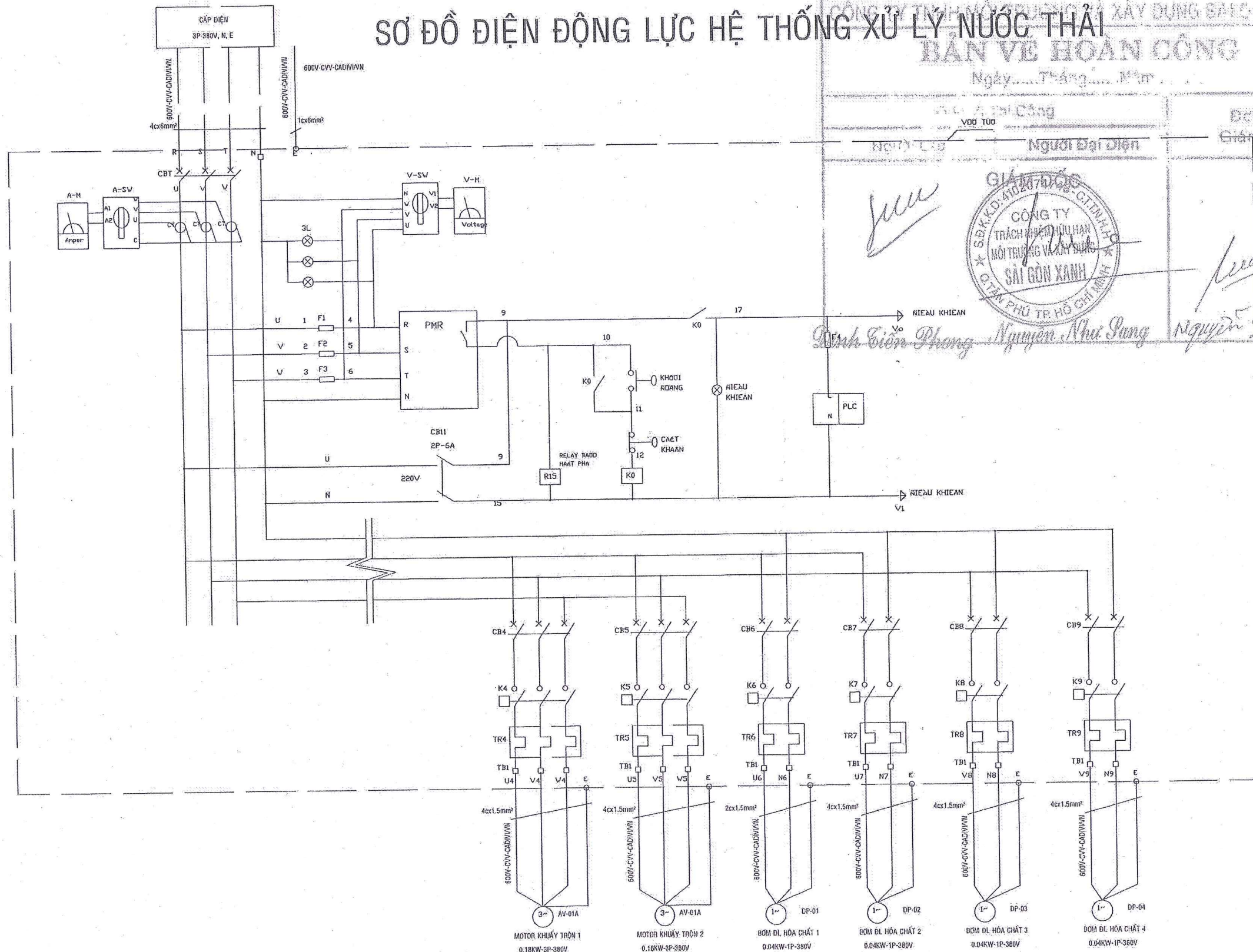
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
 SÀI GÒN XANH
 QUẬN PHÚ THỔ HỒ CHÍ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
DỰ ÁN: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M ³ /NGÀY. ĐÊM		
GÓI THẦU SỐ 16: CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
HẠNG MỤC: LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ		
TÊN BẢN VẼ SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH <i>Nguyễn Thành Đăng</i>		
TƯ VẤN GIÁM SÁT: BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH		
NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH QUẬN PHÚ THỔ HỒ CHÍ MINH		
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NHƯ SANG	<i>Phan</i>	
PHỤ TRÁCH THI CÔNG: ĐINH TIÊN PHONG	<i>Đinh Tiên Phong</i>	
VẼ: NGUYỄN VĂN HOÀN	<i>Nguyễn Văn Hoàn</i>	
TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HBXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	
02HTD	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

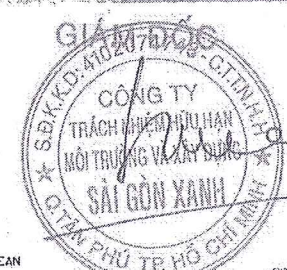
SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... Tháng... Năm...



Người Đại Diện
 Ông Nguyễn Như Sang
 Ông Nguyễn Văn Tiến



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
 Q = 100M³/NGÀY. ĐỀM

GÓI THẦU SỐ 16:
 CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
 LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
 SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH



TƯ VẤN GIÁM SÁT:
 BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
 CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
 XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH



GIÁM ĐỐC:
 NGUYỄN NHƯ SANG

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
 ĐINH TIẾN PHONG

VẼ:
 NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỘP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	
03HTD	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

KÝ HIỆU:

CB	A-M, A-SV	TR	CY	A-SV	V-SV	A-M	V-H	PMR	K	TBI	PLC	3~	F
ÁP TÒ MẮT	TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ CỦA KẾT	RELAY NHIỆT	BIẾN DÒNG	CHUYỂN MẠCH ĐÓNG	CHUYỂN MẠCH ĐÓ VÒN	ĐỒNG HỒ AMPER	ĐỒNG HỒ VÒN	BẢO VỆ MẮT PHA	CHỤN DÂY KHỞI ĐỘNG TỰ	DOMINO	BỘ ĐIỀU KHIỂN LOGIC LẬP TRÌNH	MOTOR 3 PHA	CẦU CHỈ
												MOTOR 1 PHA	ĐÈN HIỆU

SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

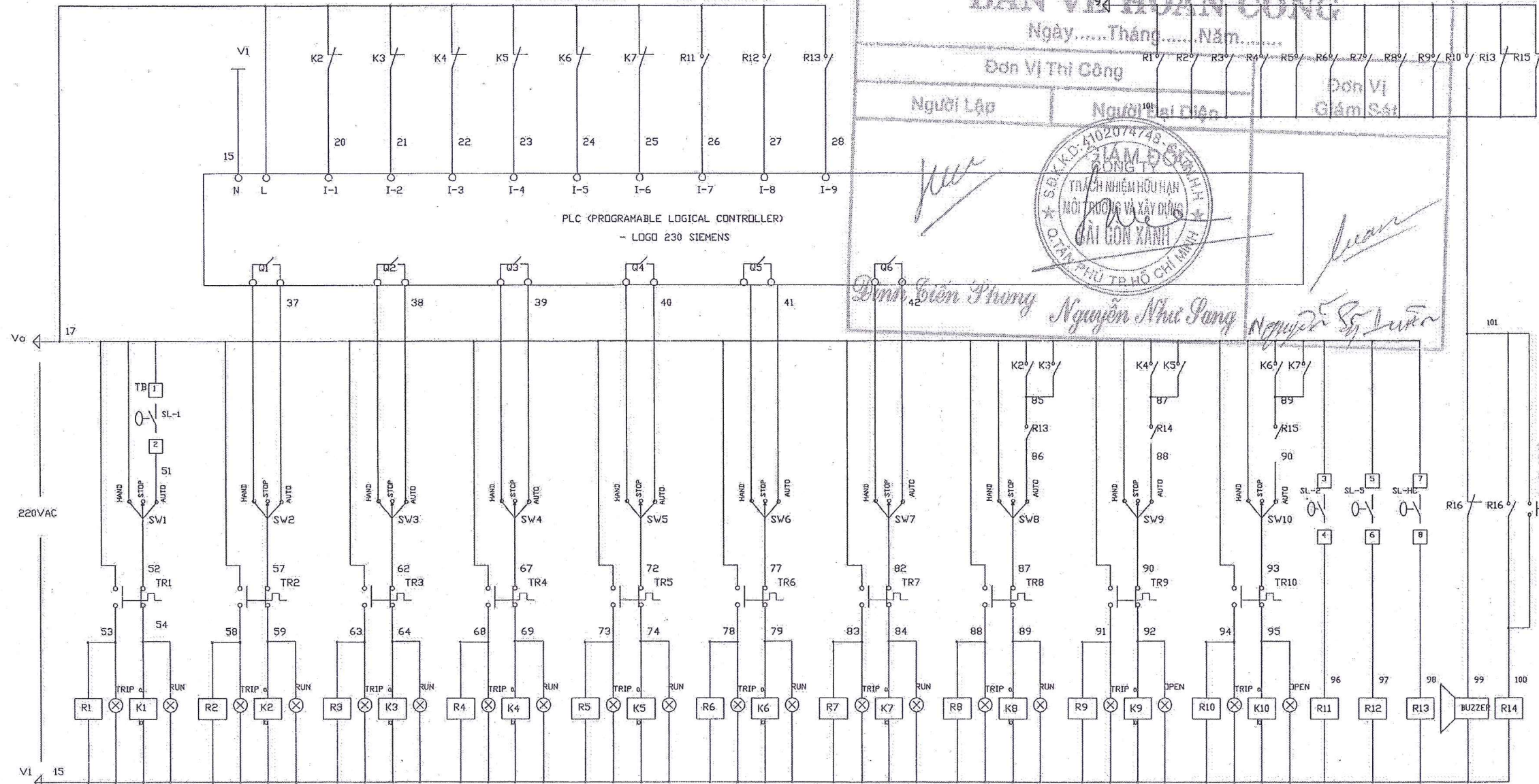
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công

Người Lập

Người Kiểm Tra

Đơn Vị Giám Sát



Stamp: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 TRÁCH NHIỆM HỒ SƠ KỸ THUẬT
 NGUYỄN NHƯ SANG
 NGUYỄN VĂN HOÀN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐỀM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG

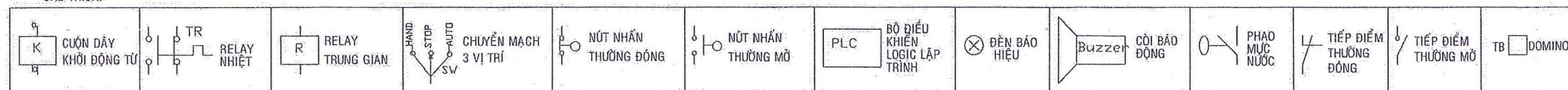
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG

VỀ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

KÝ HIỆU	WP-01A/B	WP-02A	WP-02B	AB-01A/B	WP-03	WP-04A	WP-04B	DP-01A/B	DP-02A/B	AV-01A/B	SL-2	SL-5	SL-HC	BUZZER
TÊN	BƠM NT BỂ GOM	BƠM NT BỂ ĐIỀU HÒA	BƠM NT BỂ ĐIỀU HÒA	MÁY THỔI KHÍ	BƠM BỤN DƯ	BƠM SINH HỌC	BƠM SINH HỌC	BƠM HÓA CHẤT	BƠM HÓA CHẤT	MOTOR KHẤY TRỘN	phao mực nước			Còi báo động:
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG	Đẩy ON, với OFF Đẩy OFF, với ON theo phao SL-1+2	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC - Đẩy ON, với OFF theo phao SL-3+4 - Đẩy OFF, với ON theo phao SL-3+4	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC	- Hoạt động ON/OFF	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC - Đẩy ON, với OFF theo PLC	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC	- Hoạt động theo bơm bể sinh học	- Hoạt động ON/OFF	- Hoạt động ON/OFF	SL-1+2: phao bề thu gom SL-3+4: phao bề đh đẩy ON, với OFF đẩy OFF, với ON			- bơm sự cố

CHÚ THÍCH:



BỐ TRÍ TỦ ĐIỀU KHIỂN

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....Năm.....

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Đơn Vị Thi Công
 Người Lập
 Người Đại Diện
 Đơn Vị Giám Sát

DỰ ÁN:
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
 Q = 100M³/NGÀY. ĐỀM

GỒI THẦU SỐ 16:
 CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
 LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**BỐ TRÍ TỦ ĐIỆN
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

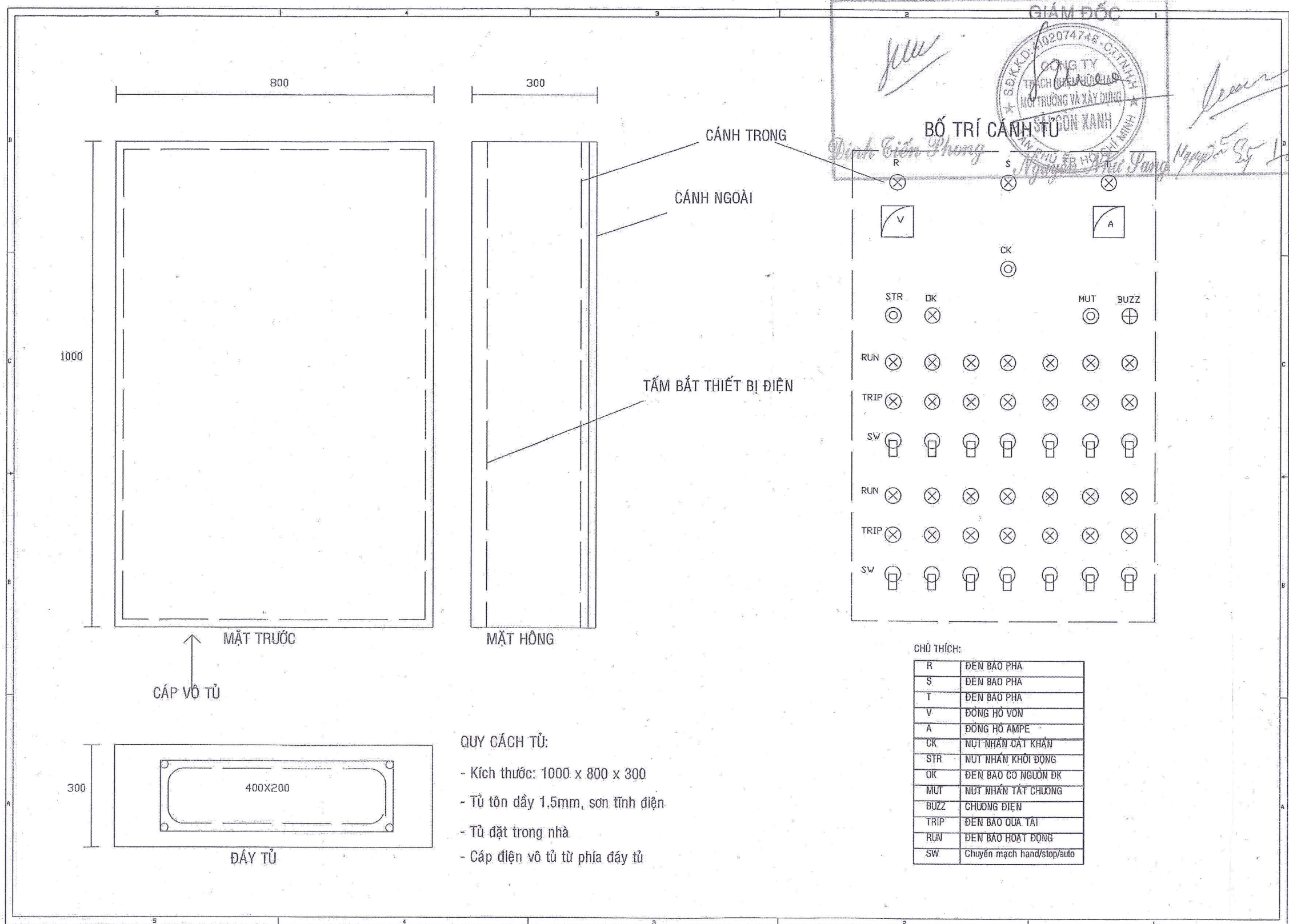
CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
 BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
 CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
 XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
 NGUYỄN NHƯ SANG
 PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
 ĐINH TIẾN PHONG
 VẼ:
 NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
05HTD	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013



- QUY CÁCH TỦ:**
- Kích thước: 1000 x 800 x 300
 - Tủ tôn dày 1.5mm, sơn tĩnh điện.
 - Tủ đặt trong nhà
 - Cấp điện vỏ tủ từ phía đáy tủ

CHÚ THÍCH:

R	ĐÈN BẢO PHA
S	ĐÈN BẢO PHA
T	ĐÈN BẢO PHA
V	ĐỒNG HỒ VON
A	ĐỒNG HỒ AMPE
CK	NÚT NHẤN CẮT KHẨN
STR	NÚT NHẤN KHỞI ĐỘNG
DK	ĐÈN BẢO CƠ NGUỒN DK
MUT	NÚT NHẤN TẮT CHUÔNG
BUZZ	CHUÔNG ĐIỆN
TRIP	ĐÈN BẢO OUA TÀI
RUN	ĐÈN BẢO HOẠT ĐỘNG
SW	Chuyển mạch hand/stop/auto

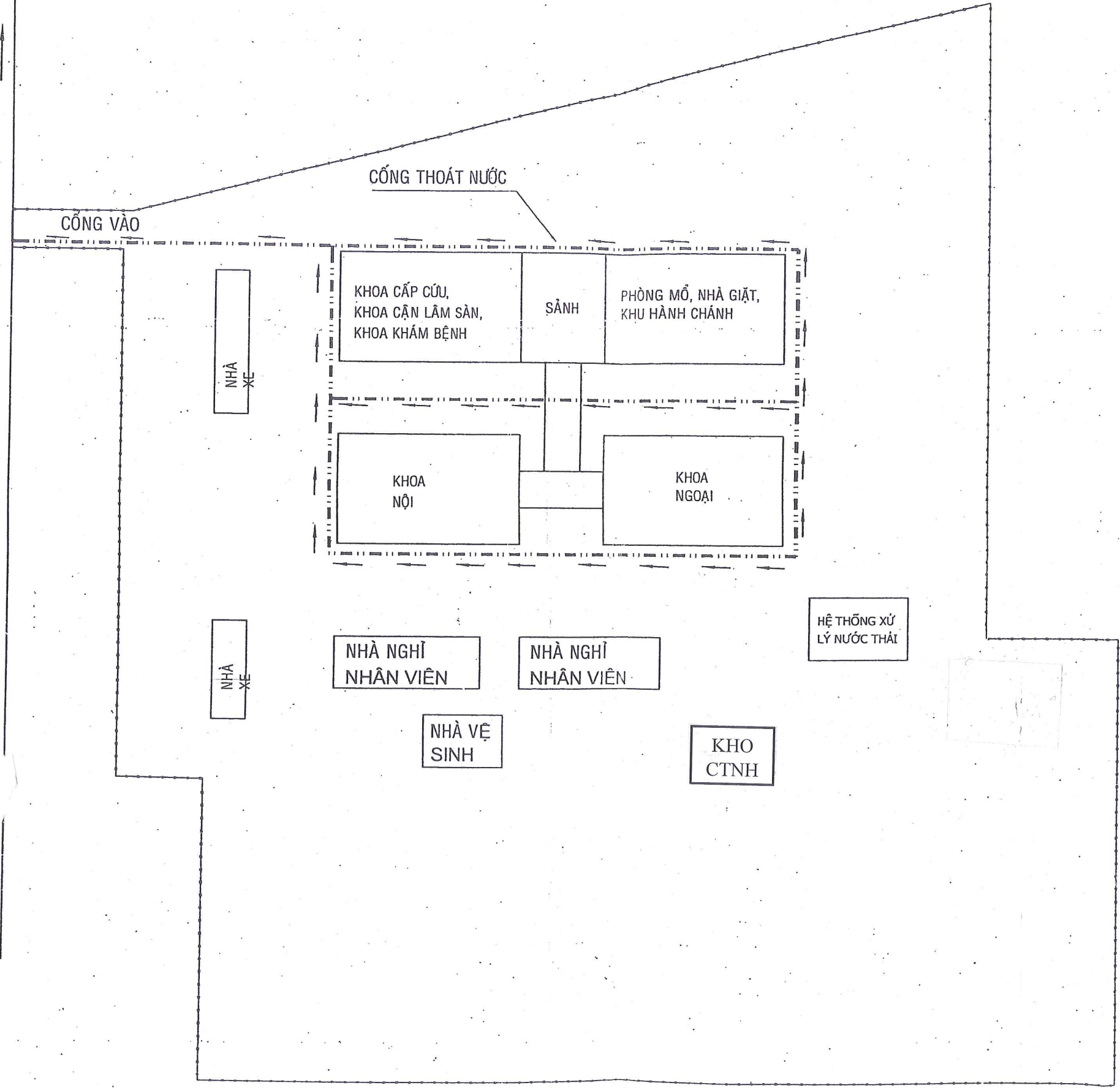
BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA



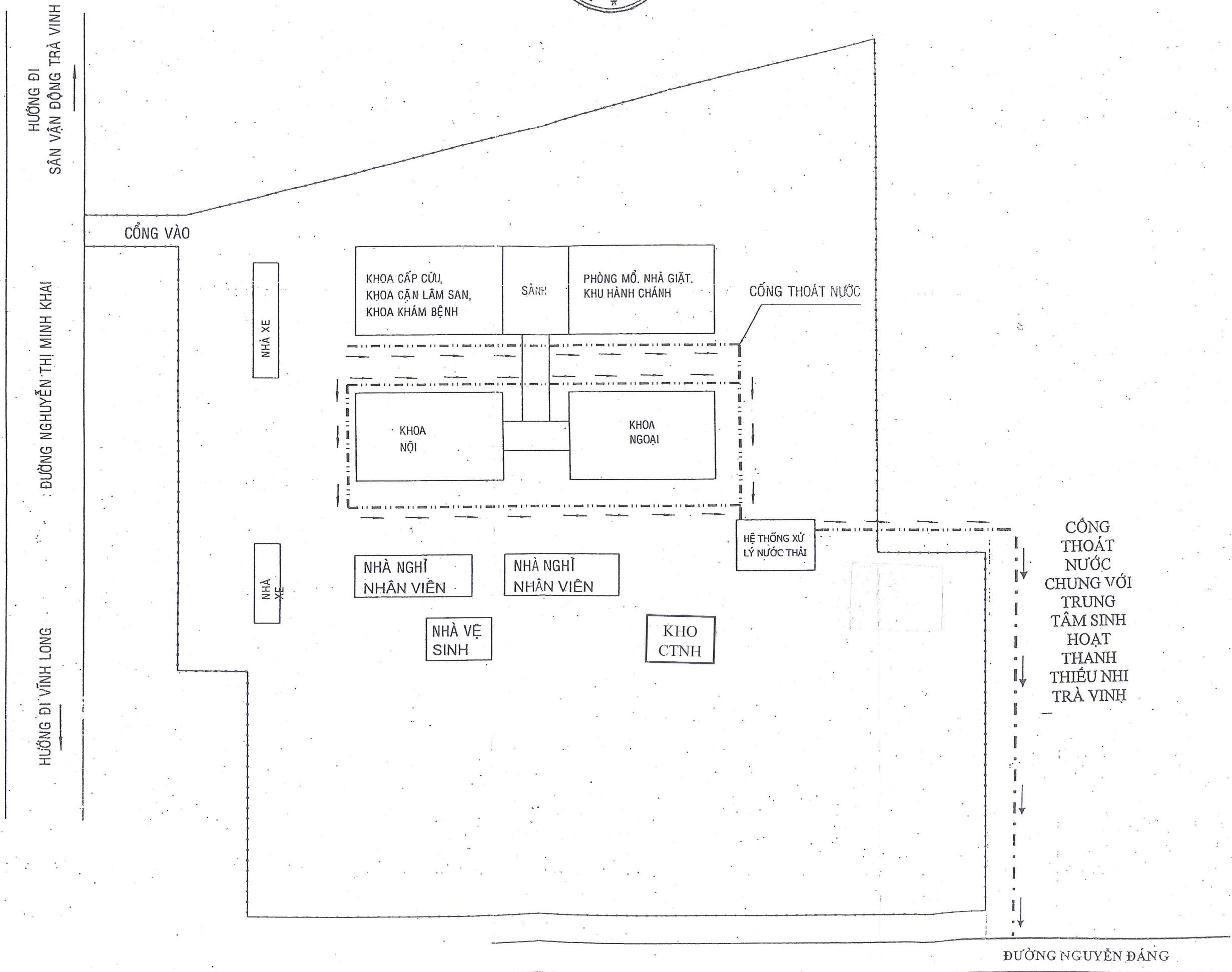
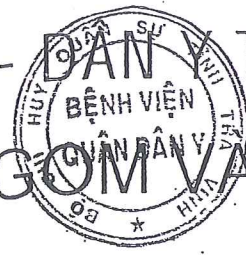
HƯỚNG ĐI
SÂN VẬN ĐỘNG TRÀ VINH

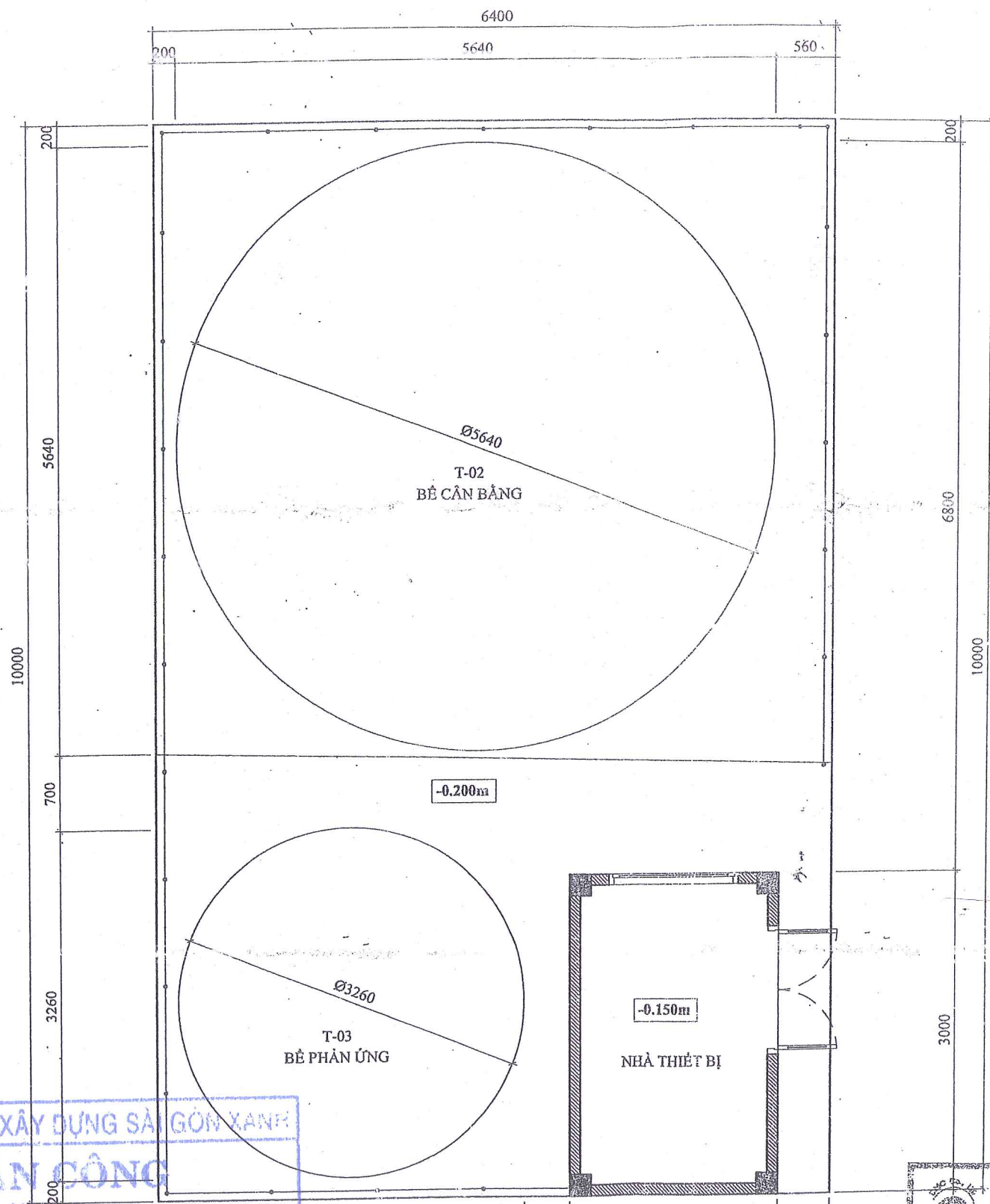
ĐƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI

HƯỚNG ĐI VĨNH LONG



BỆNH VIỆN QUÂN - ĐÀN Y TỈNH TRÀ VINH
SƠ ĐỒ HỆ THỐNG THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI





CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công		Đơn Vị Giám Sát	
Người Lập	Người Đại Diện	200	3260
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	440	2000
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH 4102074749 10/01/2013		200	500
		MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL: 1/50	

ĐÃ THẨM TRA TKKT DT, TDT

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN QUẢN LÝ XÂY DỰNG SÔNG PHẠM

ĐÍNH KÈM BÁO CÁO THẨM TRA SỐ 010/BCTT/2013

TP. HCM, ngày 12/01/2013

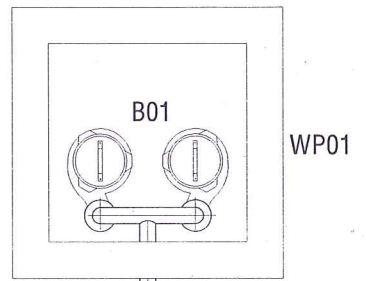
CHỦ ĐẦU TƯ (INVESTOR)
ĐƠN VỊ SỬ DỤNG (USER)
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)
THIẾT KẾ CƠ SỞ <input type="checkbox"/> BASIC DESIGN THIẾT KẾ THI CÔNG <input checked="" type="checkbox"/> DETAIL DESIGN THIẾT KẾ HIỆU CHỈNH <input type="checkbox"/> REVISED DESIGN HOÀN CÔNG <input type="checkbox"/> AS-BUILT
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HOÀNG GIA
SĐ.K.K.D. 4102010240 - C.T. ANH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN XÂY DỰNG HOÀNG GIA 4102074749 10/01/2013 TP. HO CHI MINH
TÊN PHẠM CẨM THỊNH THIẾT KẾ / DESIGNER <i>[Signature]</i>
ENG. PHẠM NGỌC MINH VẼ / DRAWER <i>[Signature]</i>
ENG. ĐĂNG NGỌC SON KIỂM TRA / CHECKER <i>[Signature]</i>
ENG. LÊ MINH TRỌNG TÊN CÔNG TRÌNH / PROJ. TITLE
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỆNH VIỆN QUẬN ĐÀNG Y TRÁ VINH Công suất: 100 m ³ /ngày Địa điểm: Khóm 6, Phường 7, Thị xã Trà Vinh
HẠNG MỤC / ITEM
XÂY DỰNG CƠ BẢN
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TÊN QUẢN LÝ
SỐ BẢN VẼ / DRAWING No: TV-XLNT-001
NGÀY HOÀN THÀNH / DATE: 21-11-2012

Dinh Tiên Phong *Nguyễn Như Phương* *[Signature]*

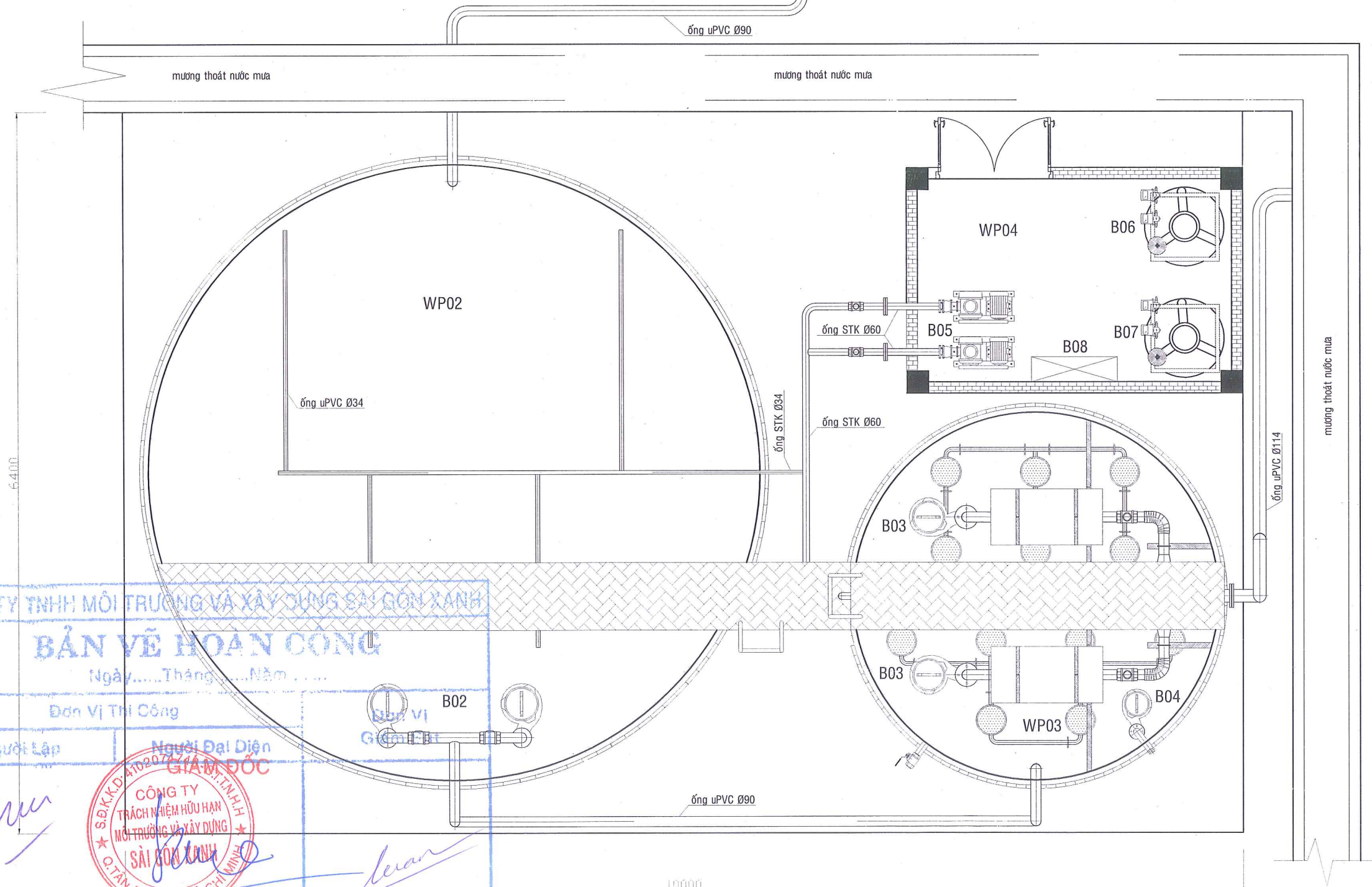
BẢN VẼ MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY.ĐÊM

GHI CHÚ:

- | | |
|------------------------------|---|
| WP01. BỂ THU GOM | B01. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ THU GOM |
| WP02. BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA) | B02. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA) |
| WP03. BỂ PHẢN ỨNG (SBR) | B03. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR) |
| WP04. NHÀ ĐIỀU HÀNH | B04. BƠM BÙN DƯ, NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR) |



- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| B05. MÁY THỔI KHÍ | B06. HỆ HÓA CHẤT ĐIỀU CHỈNH PH |
| B07. HỆ HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG | B08. TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN |



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công

Người Lập	Người Đại Diện
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

Q.TAN PHÚ TR. HỒ CHÍ MINH

ĐINH GIỄN PHONG, NGUYỄN NHƯ SANG, NGUYỄN SỸ LƯƠN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỒI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

Đã tá Nguyễn Thành Đăng

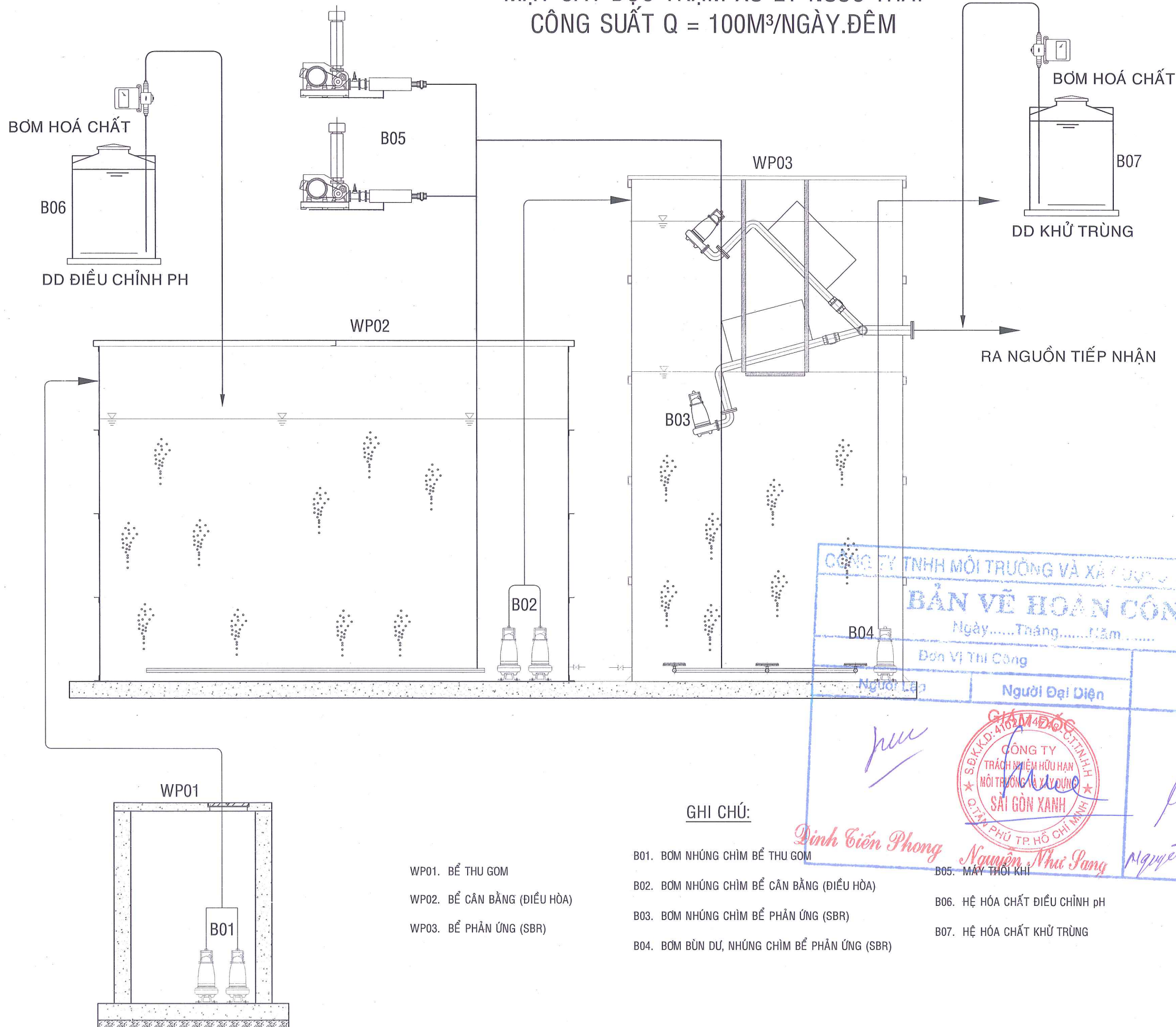
TU VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NHƯ SANG	<i>[Signature]</i>
PHỤ TRÁCH THI CÔNG: ĐINH TIẾN PHONG	<i>[Signature]</i>
VẼ: NGUYỄN VĂN HOÀN	<i>[Signature]</i>

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

MẶT CẮT DỌC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY.ĐÊM



- WP01. BỂ THU GOM
- WP02. BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA)
- WP03. BỂ PHẢN ỨNG (SBR)

- GHI CHÚ:**
- B01. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ THU GOM
 - B02. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ CÂN BẰNG (ĐIỀU HÒA)
 - B03. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR)
 - B04. BƠM BÙN DƯ, NHÚNG CHÌM BỂ PHẢN ỨNG (SBR)
 - B05. MÁY THỔI KHÍ
 - B06. HỆ HÓA CHẤT ĐIỀU CHỈNH PH
 - B07. HỆ HÓA CHẤT KHỬ TRÙNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỢI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**MẶT CẮT DỌC
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Đạt Văn Nguyễn Thành Đặng

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công	Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện

Dinh Tiến Phong
Nguyễn Như Sang
Nguyễn Sỹ Lương

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VỀ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	
02CN	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
BỂ ĐIỀU HÒA (BỂ CÂN BẰNG)**

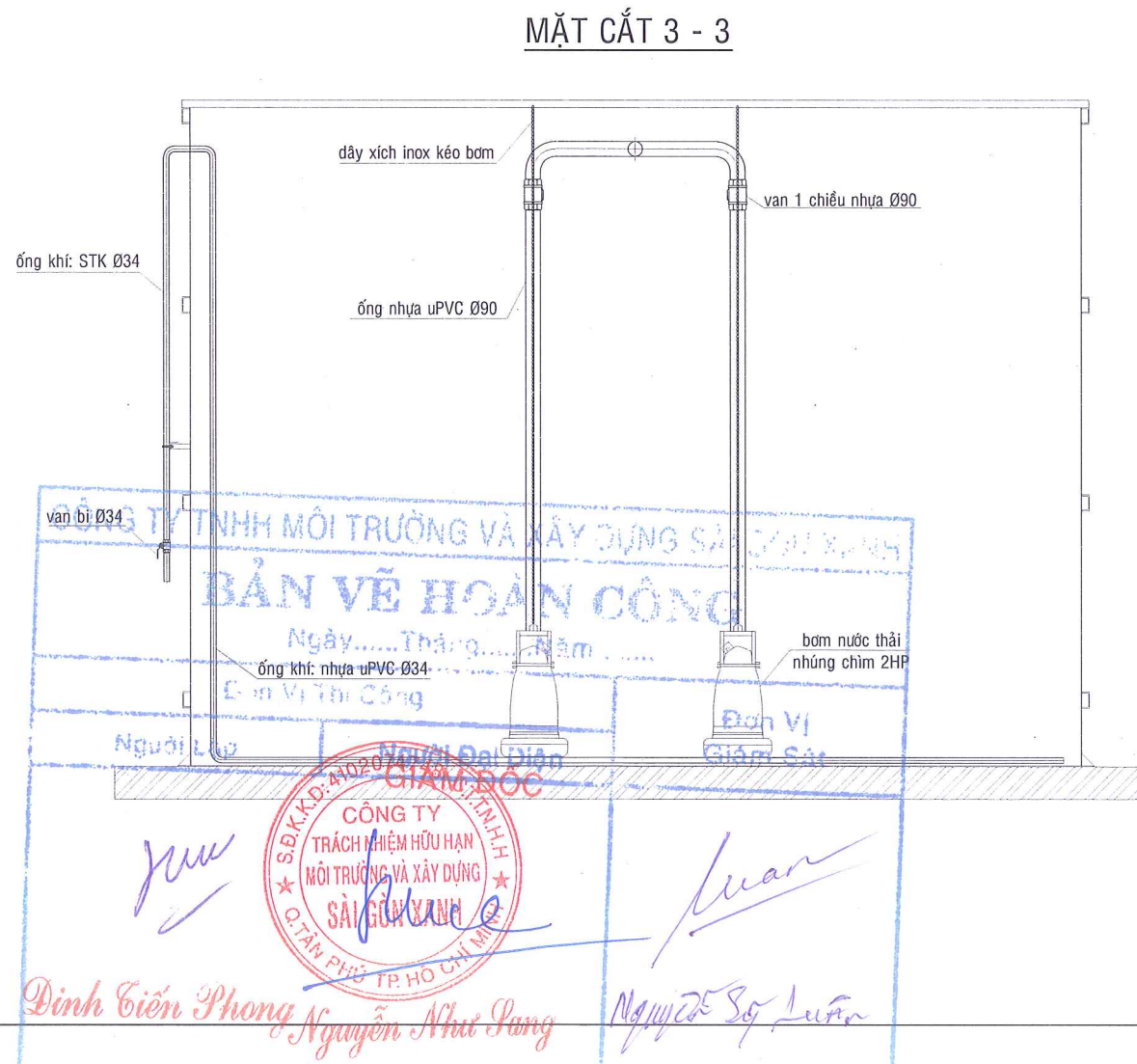
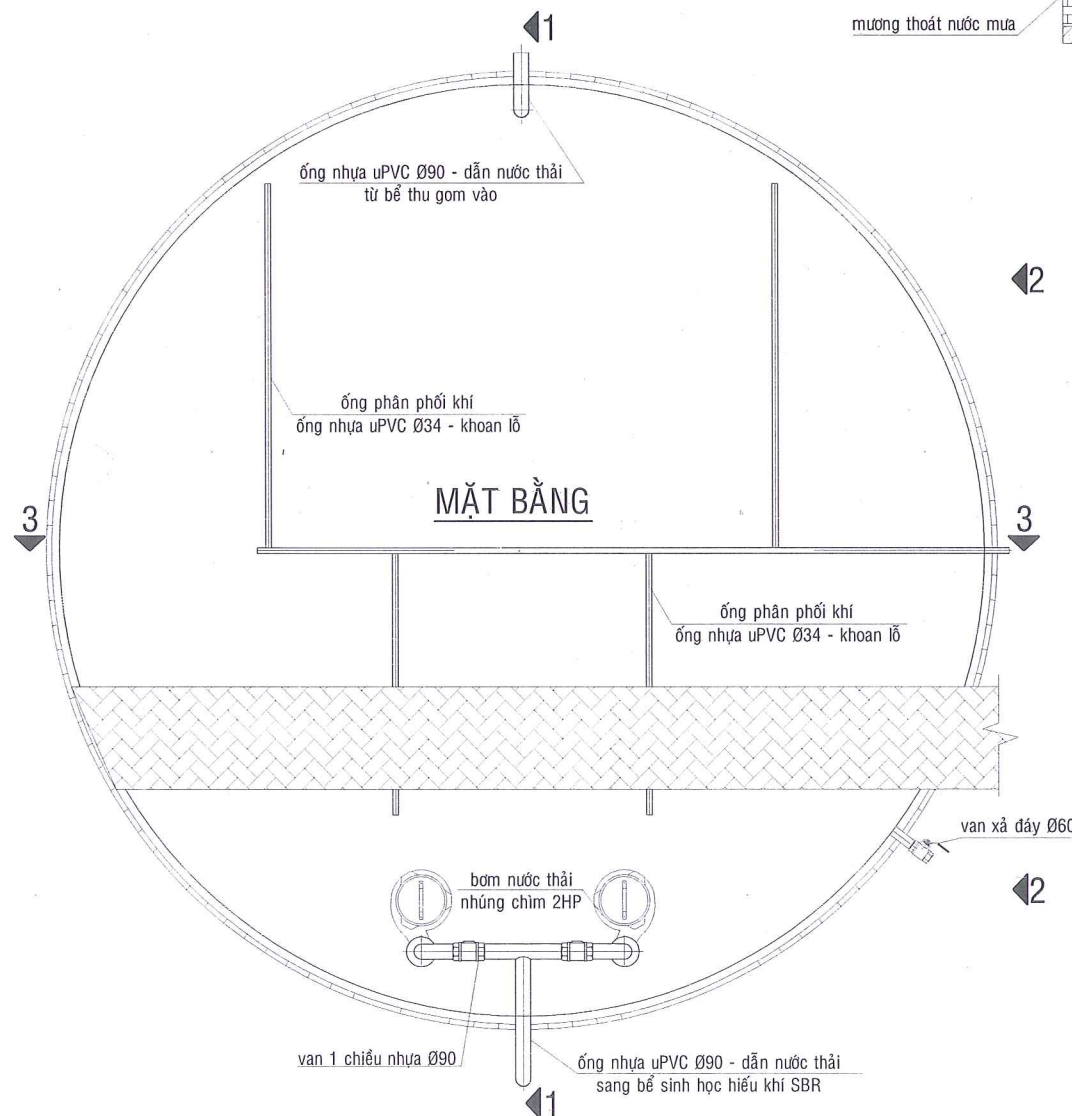
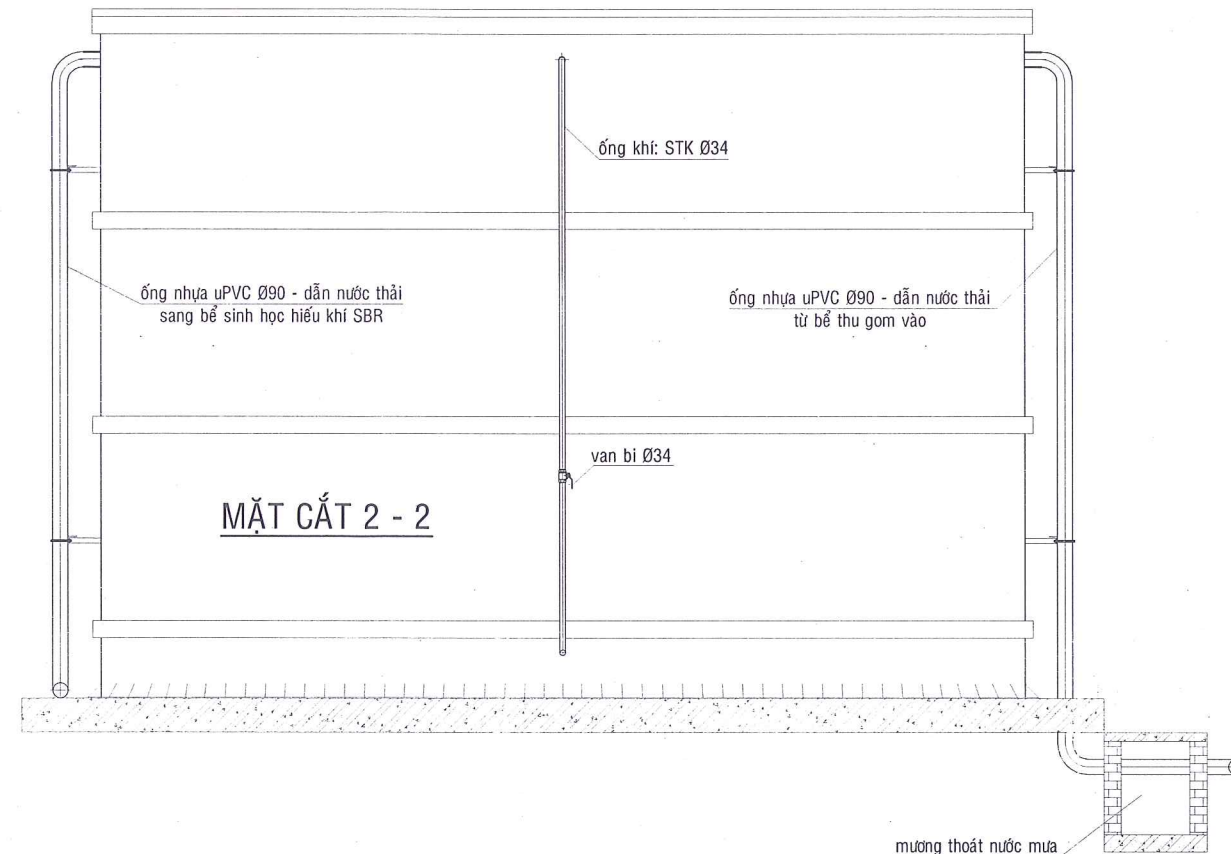
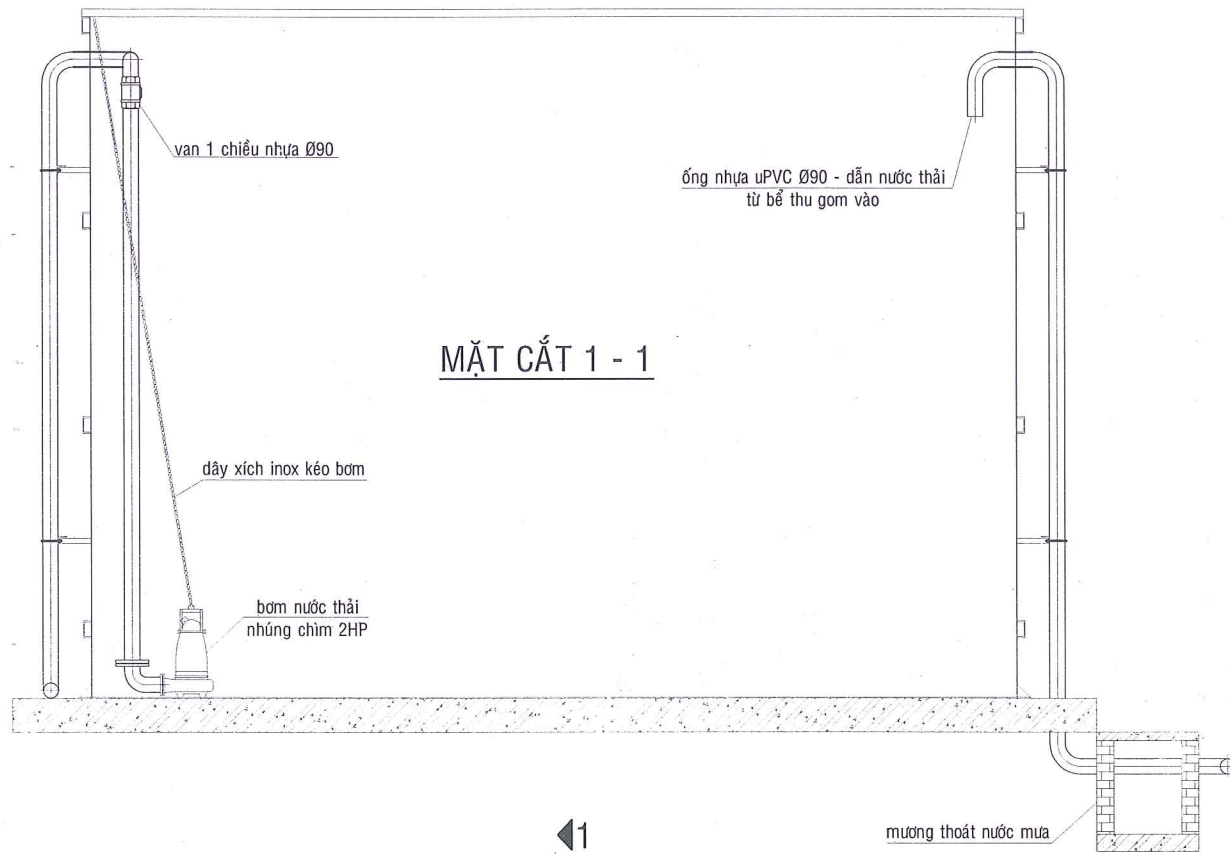
CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Đinh Tiến Phong Nguyễn Như Sang

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....
Đơn Vị Thi Công
Đơn Vị Giám Sát

Đinh Tiến Phong Nguyễn Như Sang Nguyễn Văn Hoàn

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
BỂ SBR(BỂ PHÂN ỨNG)**

CHỦ ĐẦU TƯ: BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

ĐẠI TÁ NGUYỄN THÀNH ĐĂNG

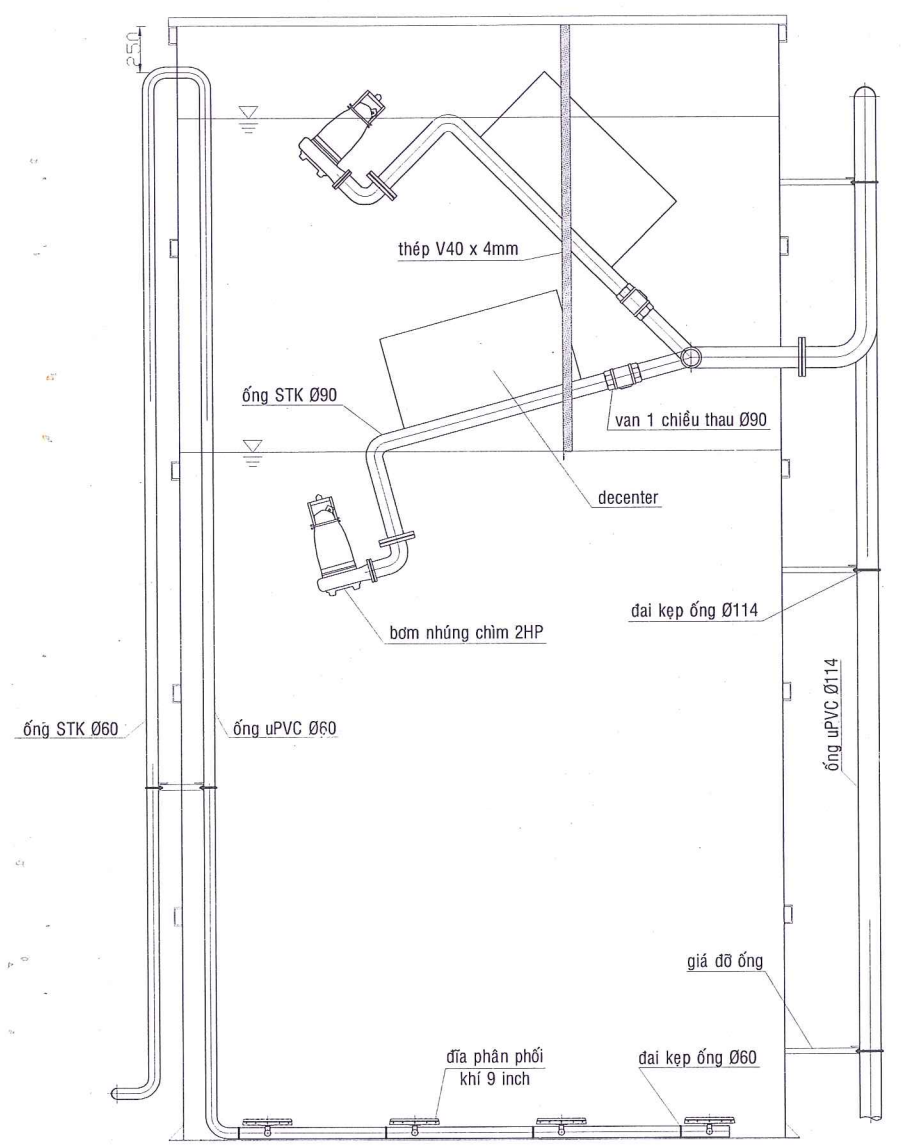
TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH

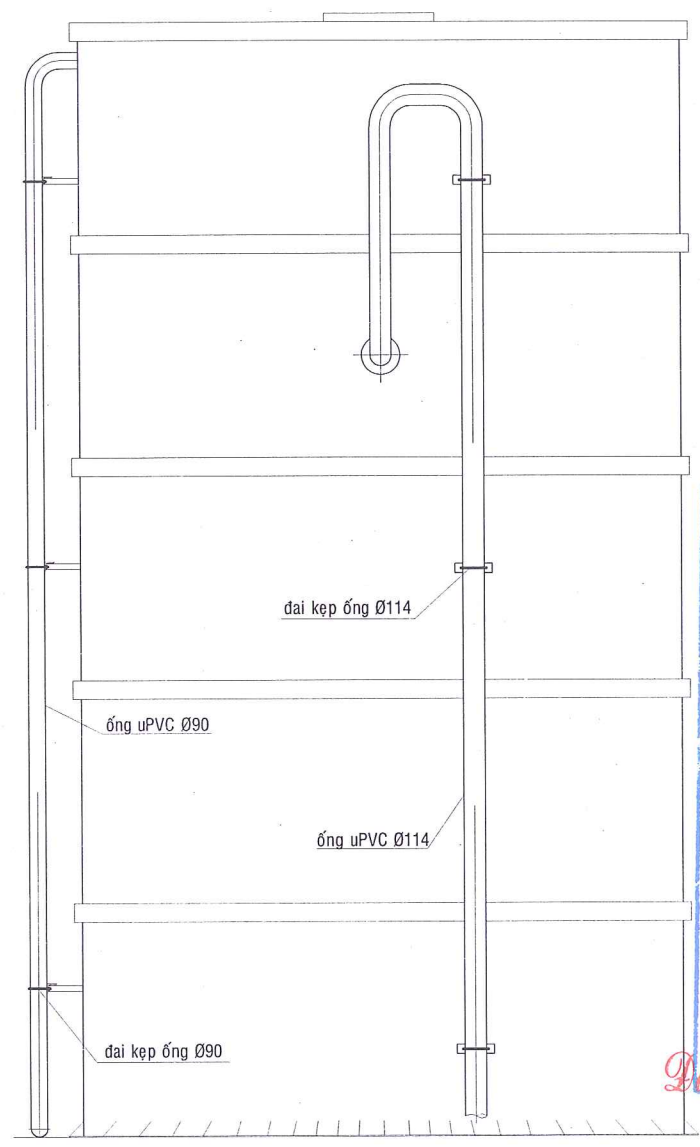
GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	
05CN	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

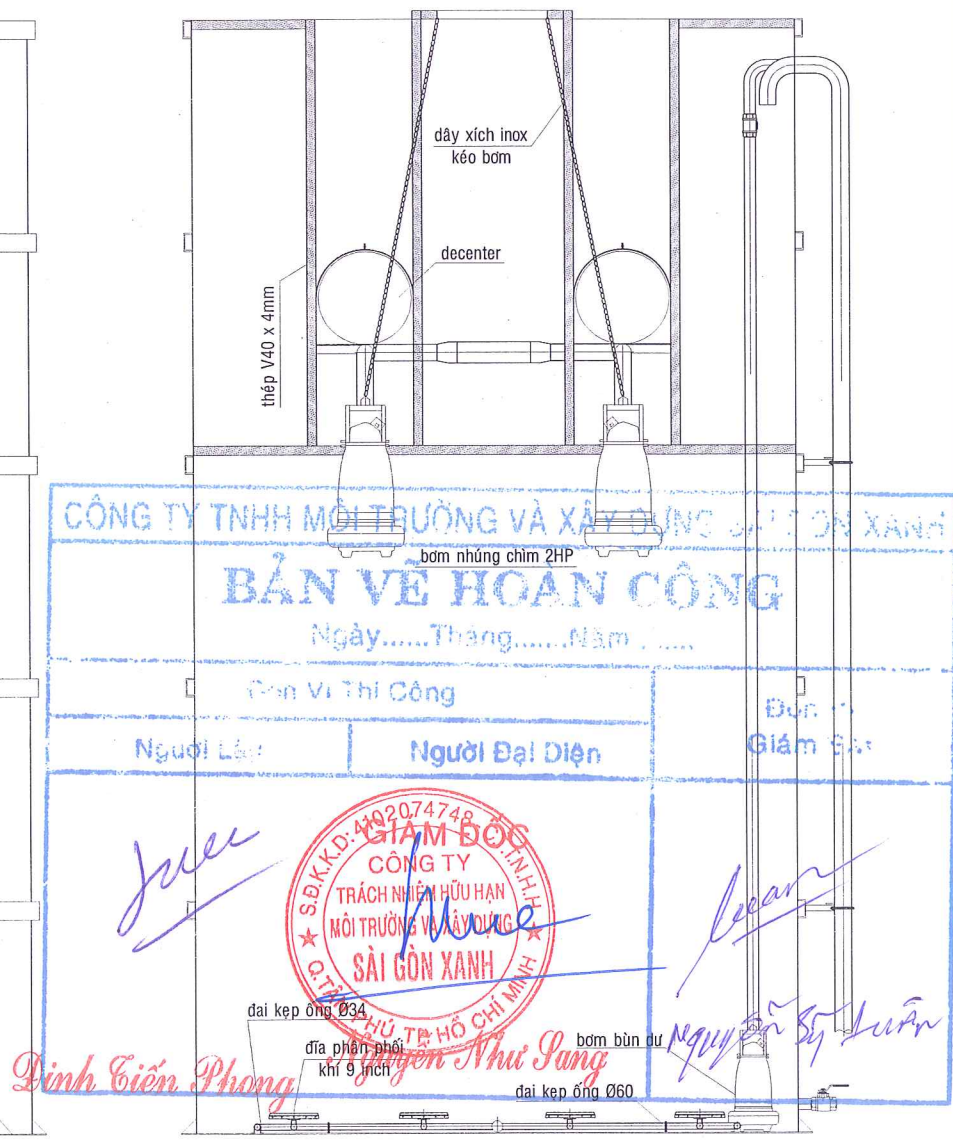
MẶT CẮT 1 - 1



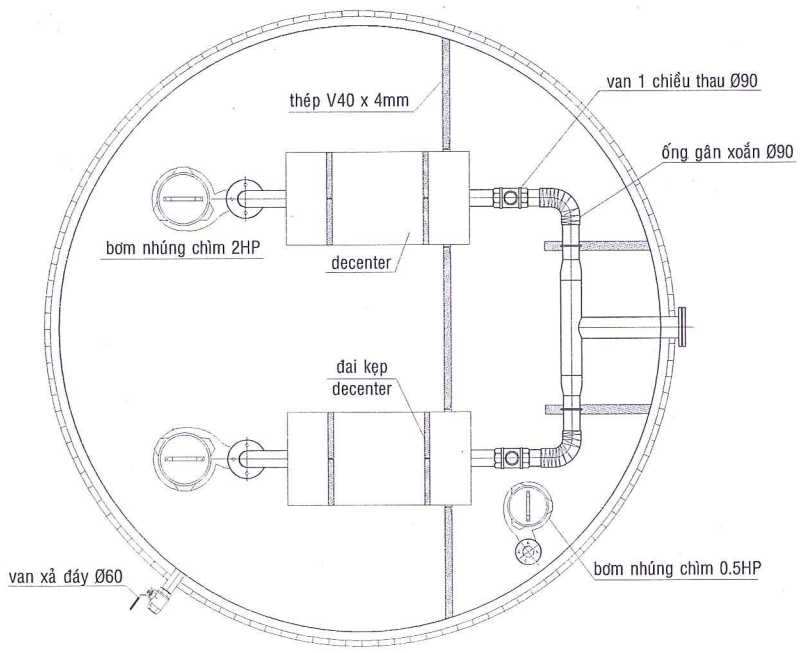
MẶT CẮT 2 - 2



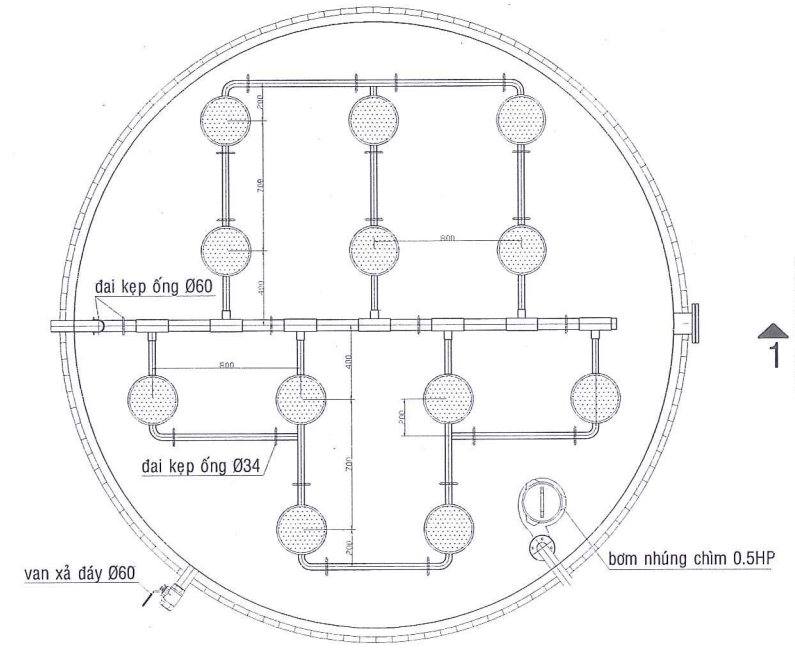
MẶT CẮT 3 - 3



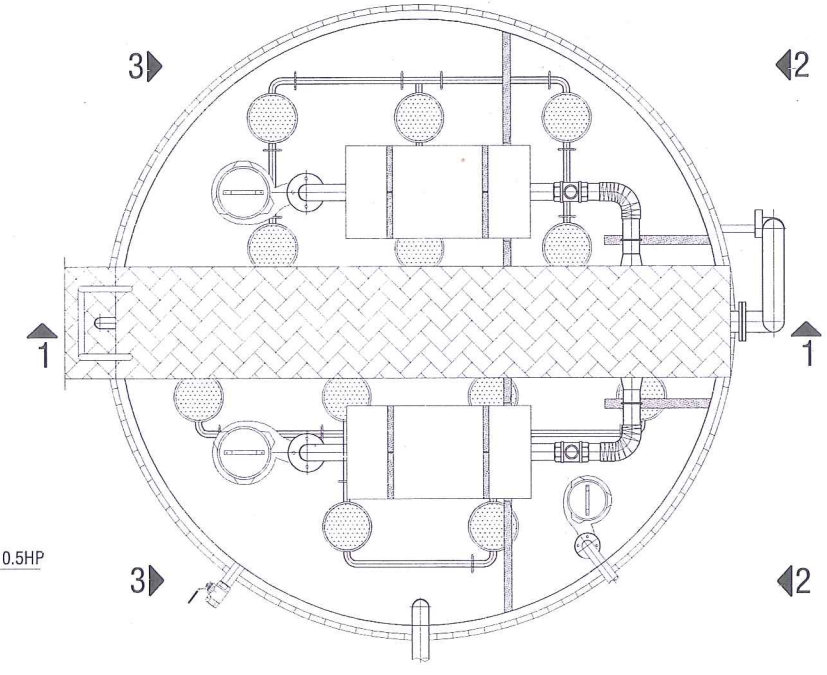
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT DECANTER



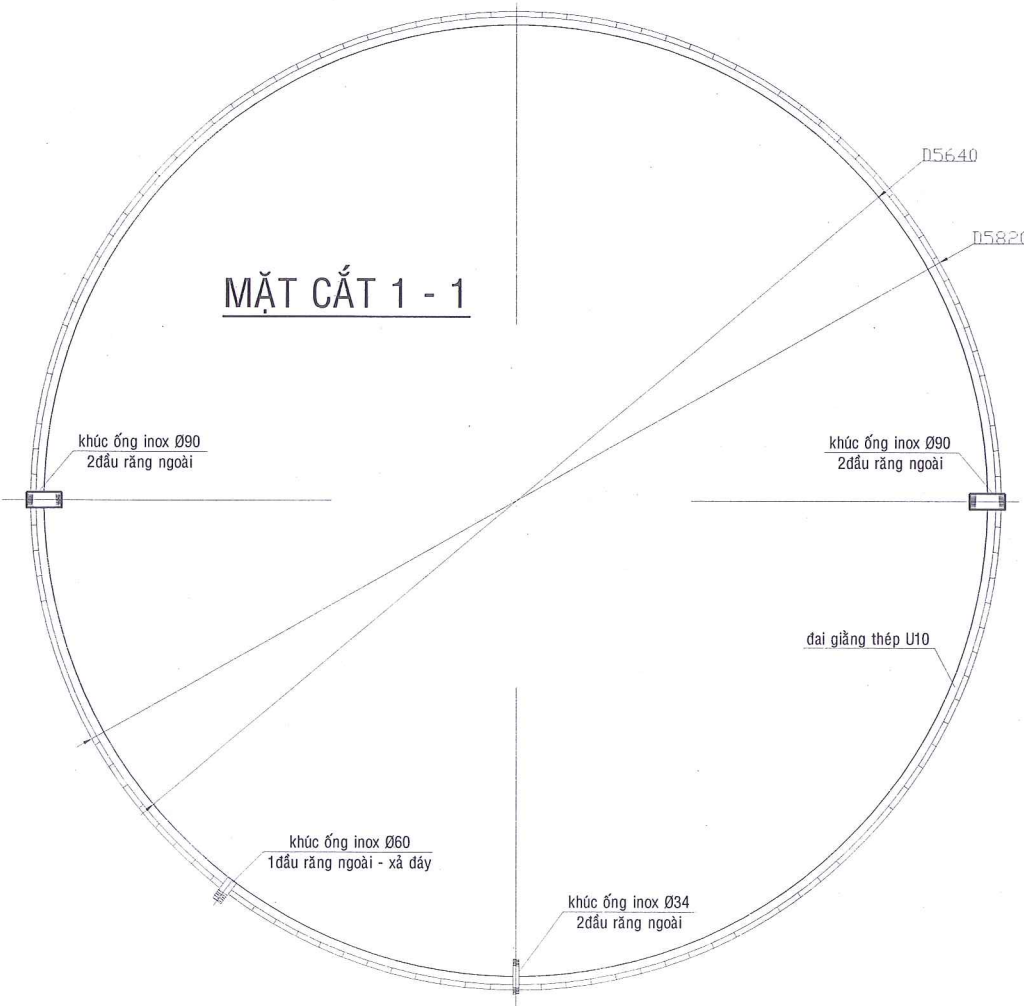
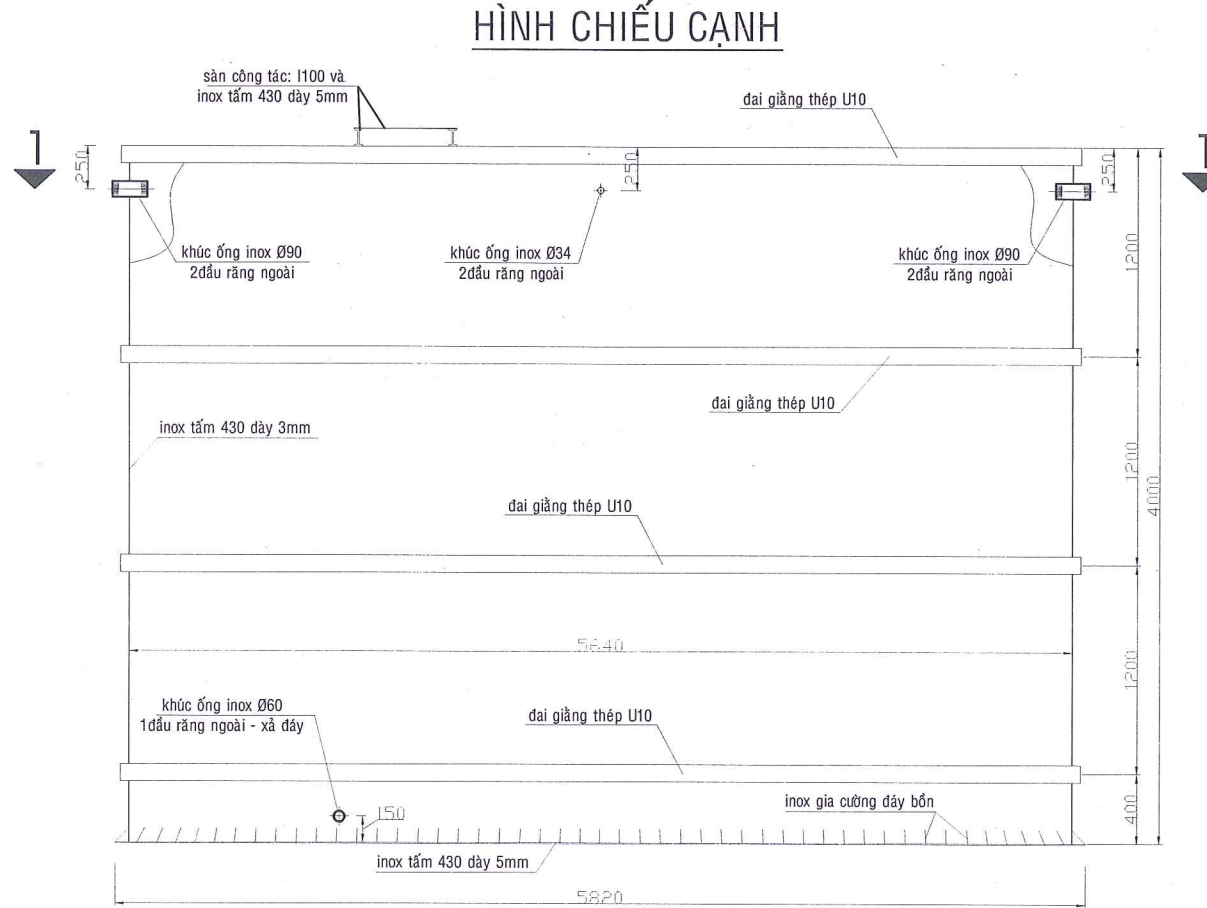
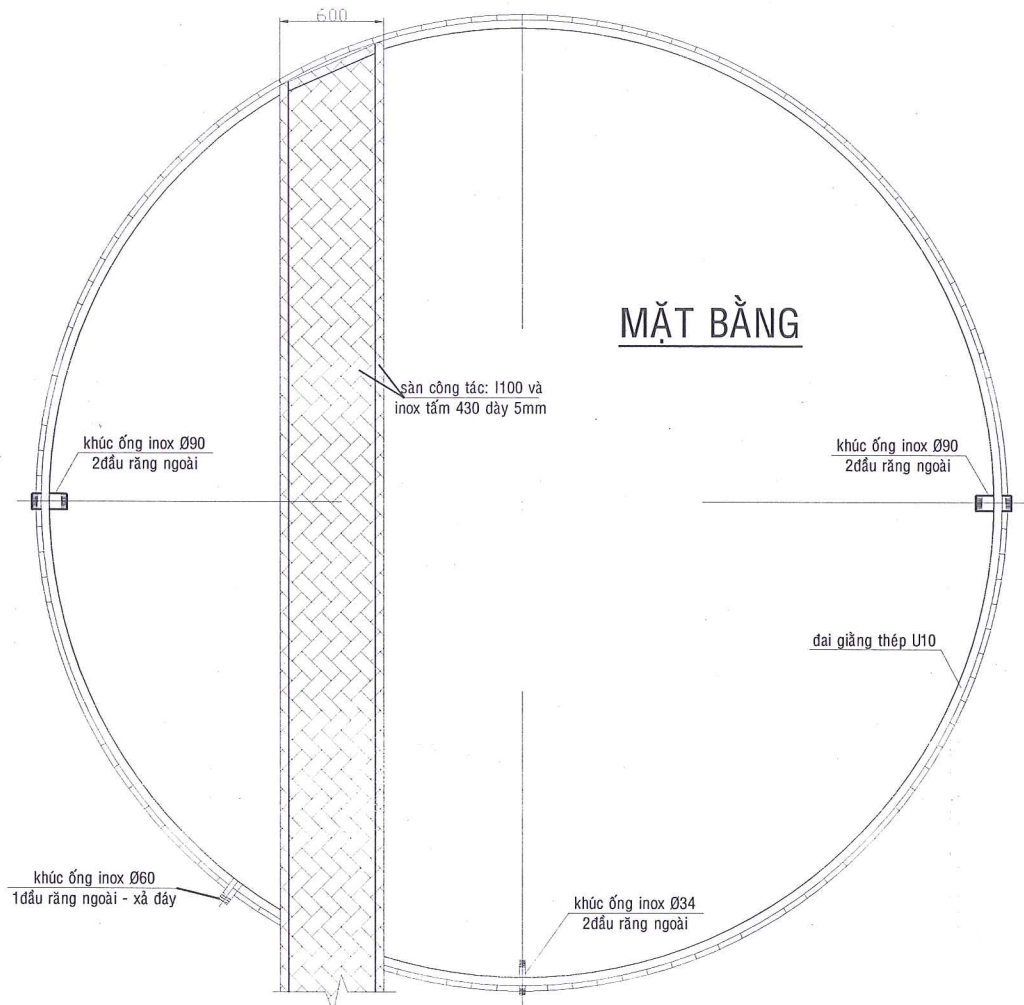
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT GIÀN ỚNG KHÍ



MẶT BẰNG HOÀN THIỆN BỂ SBR



CHI TIẾT CHẾ TẠO BỒN CÂN BẰNG



GHI CHÚ:

1. Thân bồn chế tạo bằng inox SUS430 dày 3mm
2. Đáy bồn chế tạo bằng inox SUS430 dày 5mm
3. Đai giằng xung quanh bồn chế tạo bằng thép U10
4. Bồn không có nắp đậy
5. Sơn 02 lớp các chi tiết cấu, kiện bằng thép CT3 (chống rỉ, sơn phủ)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... Tháng... Năm...

Đơn Vị Thi Công: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH**

Đơn Vị Giám Sát: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH**

Người Lập: *[Signature]*

Giám Đốc: *[Signature]*

Trách Nhiệm Hữu Hạn: *[Signature]*

Trách Nhiệm Hữu Hạn: *[Signature]*

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
CHI TIẾT CHẾ TẠO BỂ ĐIỀU HÒA
(BỂ CÂN BẰNG)

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH



TU VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH



GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
NGUYỄN NHƯ SANG

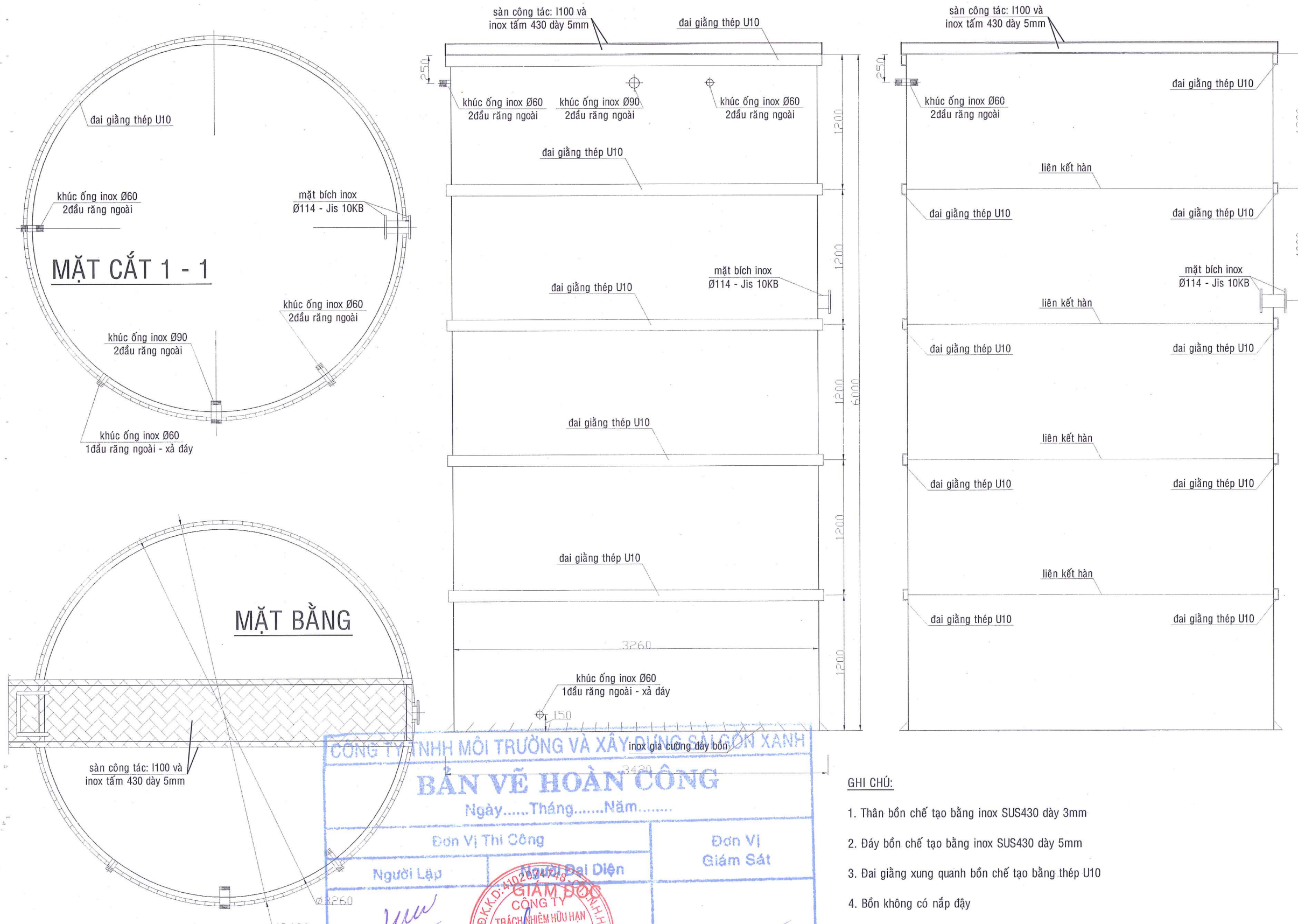
PHỤ TRÁCH THI CÔNG: *[Signature]*
ĐINH TIẾN PHONG

VỀ: *[Signature]*
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỘP ĐỒNG SỐ	20/2013/HBXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

Đinh Tiến Phong Nguyễn Như Sang Nguyễn Văn Hoàn

CHI TIẾT CHẾ TẠO BỒN PHẢN ỨNG (SBR)



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công	Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện

Dinh Tiến Phong *Nguyễn Phúc Sơn* *Nguyễn Sĩ Luân*

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

- GHI CHÚ:**
1. Thân bồn chế tạo bằng inox SUS430 dày 3mm
 2. Đáy bồn chế tạo bằng inox SUS430 dày 5mm
 3. Đai giằng xung quanh bồn chế tạo bằng thép U10
 4. Bồn không có nắp đậy
 5. Các mặt bích bồn theo tiêu chuẩn Jis 10K
 6. Sơn 02 lớp các chi tiết cấu, kiện bằng thép CT3 (chống rỉ, sơn phủ)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**CHI TIẾT CHẾ TẠO BỂ SBR
(BỂ PHẢN ỨNG)**

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUẢN SỰ TRÀ VINH

Uyaraq

ĐẠI DIỆN TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH

Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN NHƯ SANG	<i>muo</i>
PHỤ TRÁCH THI CÔNG: ĐINH TIẾN PHONG	<i>muo</i>
VẼ: NGUYỄN VĂN HOÀN	<i>HVN</i>
TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ 20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ 07CN	LOẠI THIẾT KẾ
	SỐ LƯỢNG 07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH 15/11/2013

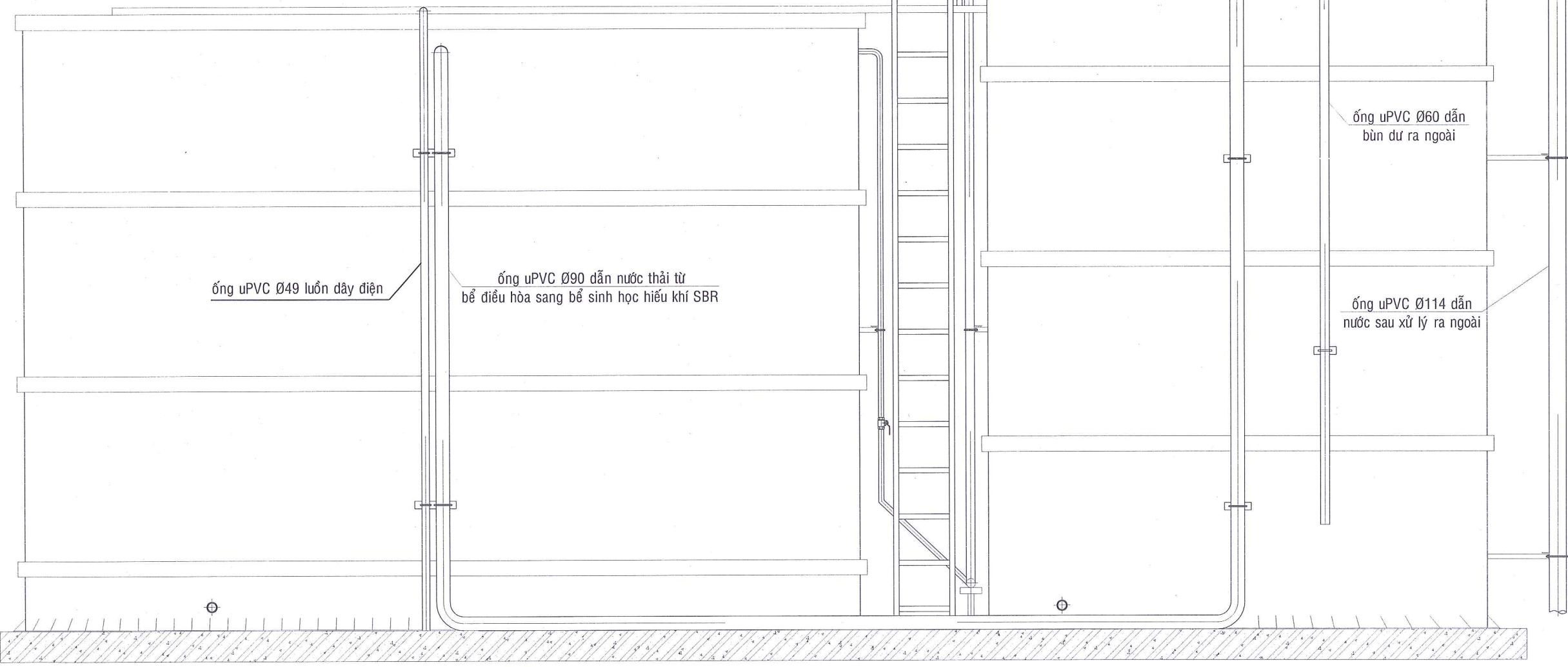
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công		Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện	
<i>Muc</i>	<i>Nguyễn Như Sang</i>	<i>Nguyễn Sỹ Lương</i>

Dinh Tiến Phong *Nguyễn Như Sang*

GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
 SÀI GÒN XANH

BỂ ĐIỀU HÒA



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
 Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
 CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
 LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**BẢN VẼ KIẾN TRÚC
 MẶT SAU TRẠM XỬ LÝ**

CHỦ ĐẦU TƯ
**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 BỘ CHỈ HUY QUẬN SỰ TRÀ VINH**
Nguyễn Văn Thành Đặng

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
**BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
 CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH**

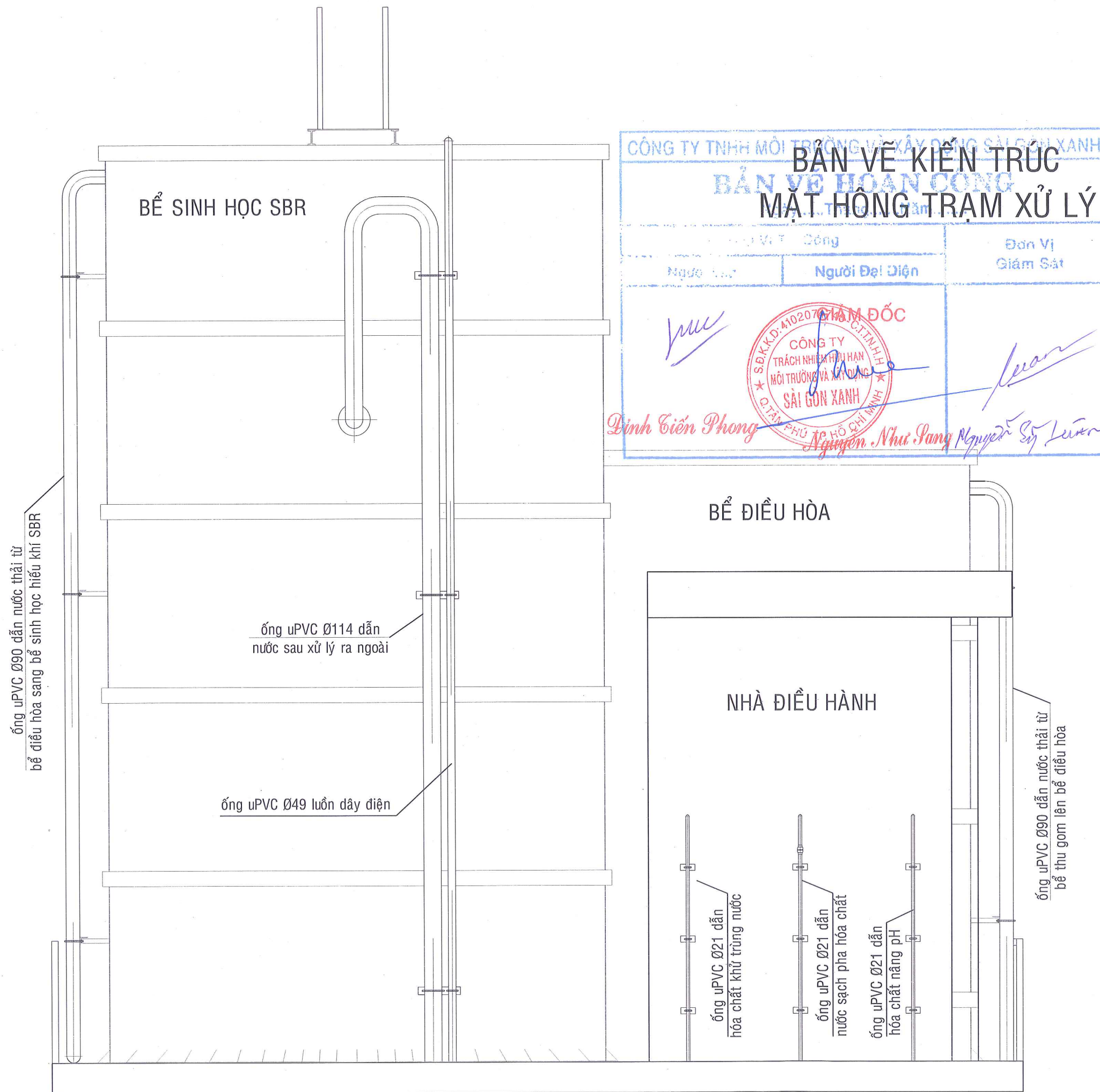
NHÀ THẦU THI CÔNG:
**CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
 XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH**
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
 SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
 NGUYỄN NHƯ SANG *Nguyễn Như Sang*

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
 ĐINH TIẾN PHONG *Dinh Tiến Phong*

VẼ:
 NGUYỄN VĂN HOÀN *Nguyễn Văn Hoàn*

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ KIẾN TRÚC MẶT HÔNG TRẠM XỬ LÝ

Ngày: / /		Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện	

Đinh Tiến Phong *Nguyễn Như Sang* *Nguyễn Văn Tuấn*

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
BẢN VẼ KIẾN TRÚC MẶT HÔNG TRẠM XỬ LÝ

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

Nguyễn Thành Đăng

ĐẠI BIỂU CHỦ ĐẦU TƯ
QUÂN SỰ TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DẪN DỰNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG *Nguyễn Như Sang*

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG *Đinh Tiến Phong*

VỀ:
NGUYỄN VĂN HOÀN *Nguyễn Văn Hoàn*

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

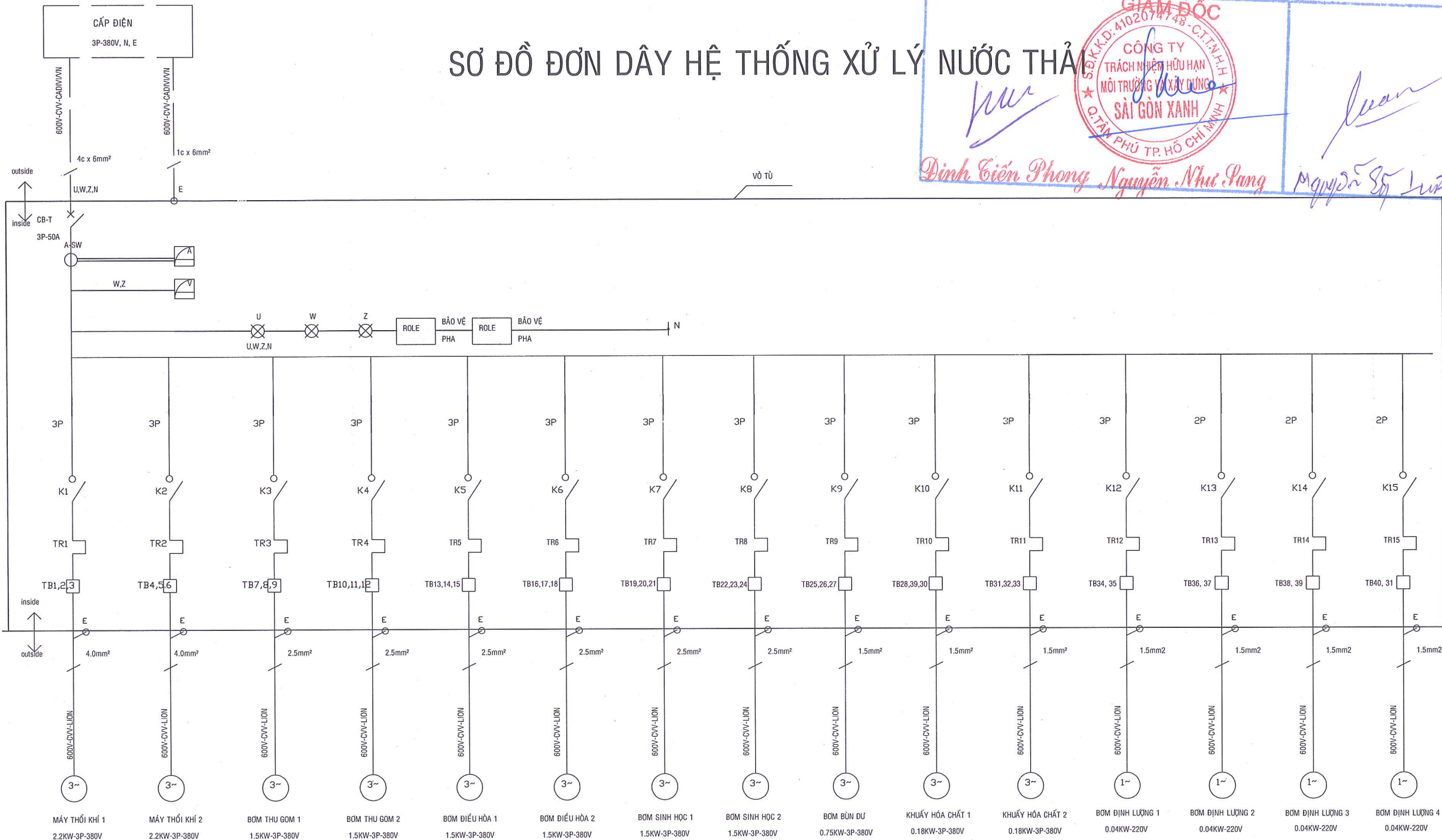
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....Năm.....

Đơn Vị Thi Công		Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện	

GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

Dinh Tiến Phong Nguyễn Như Sang Nguyễn Văn Lương

SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



KÝ HIỆU:

CB	ÁP TÔ MẮT	TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ CỬA KĐT	RELAY NHIỆT	BIẾN DÒNG	ĐỒNG HỒ AMPER	ĐỒNG HỒ VÒN	BẢO VỆ PHA	KHỞI ĐỘNG TỬ	DOMINO	MOTOR 3 PHA	MOTOR 1 PHA
----	-----------	-----------------------------	-------------	-----------	---------------	-------------	------------	--------------	--------	-------------	-------------

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GÓI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ ĐƠN DÂY ĐIỆN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
DINH TIẾN PHONG

VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
BẢN VẼ SỐ 01HTD	LOẠI THIẾT KẾ	
	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỢI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG

VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HBXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm

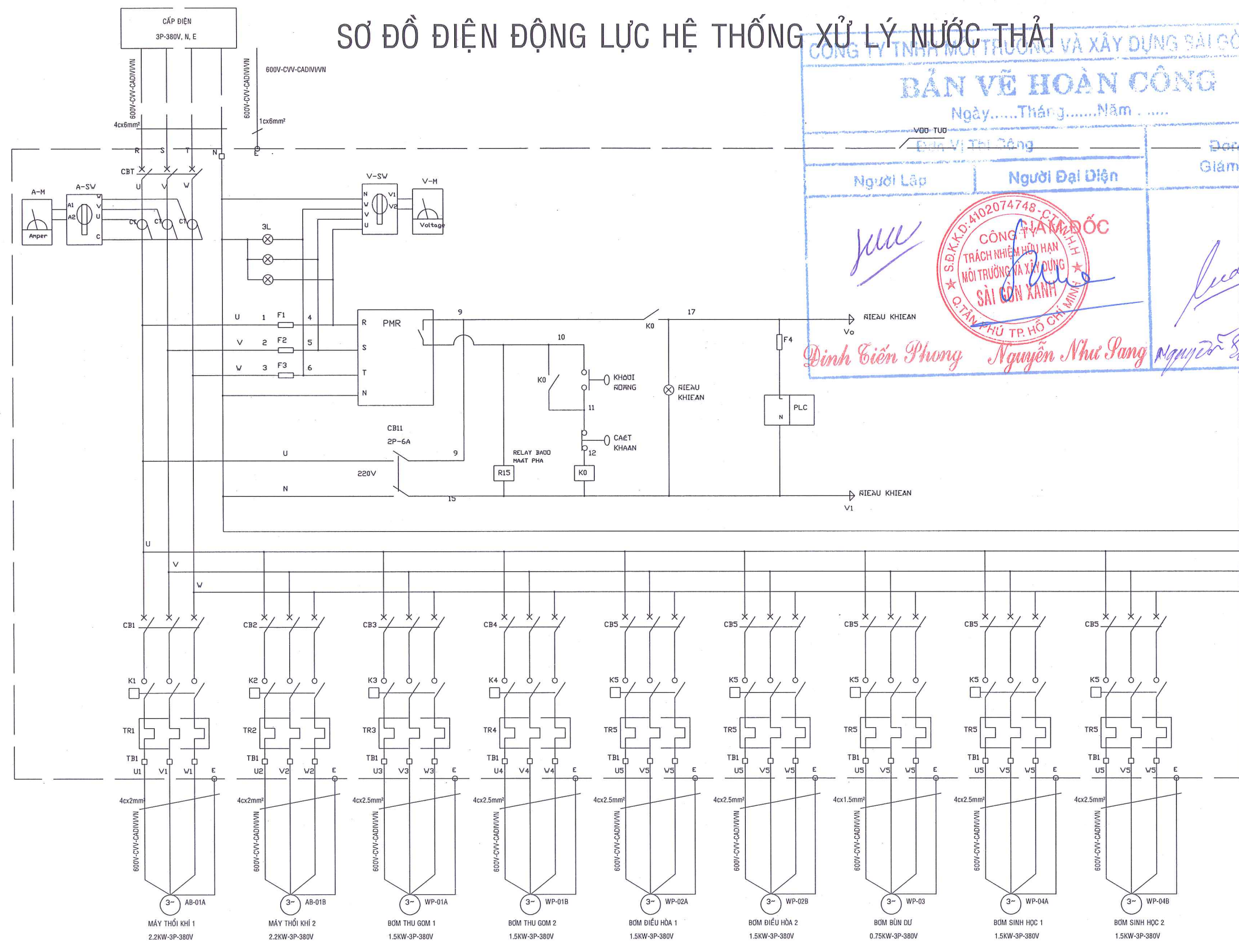
VƯỜI TỰ
ĐƠN VỊ THI CÔNG

Người Lập	Người Đại Diện	Đơn Vị Giám Sát
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

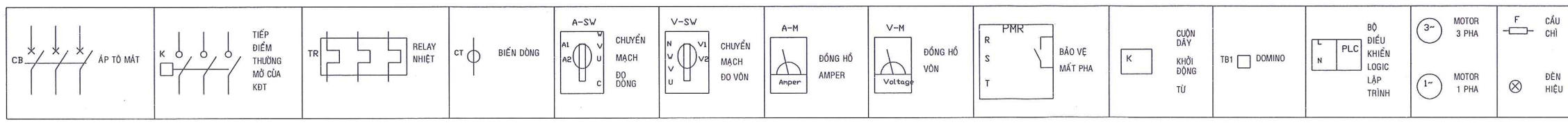
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH
Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

Đinh Tiến Phong Nguyễn Như Sang Nguyễn Văn Hoàn

QUẬN KHU
HỒ CHÍ MINH
ĐẠI (tên Nguyễn Thành Đăng)



KÝ HIỆU:



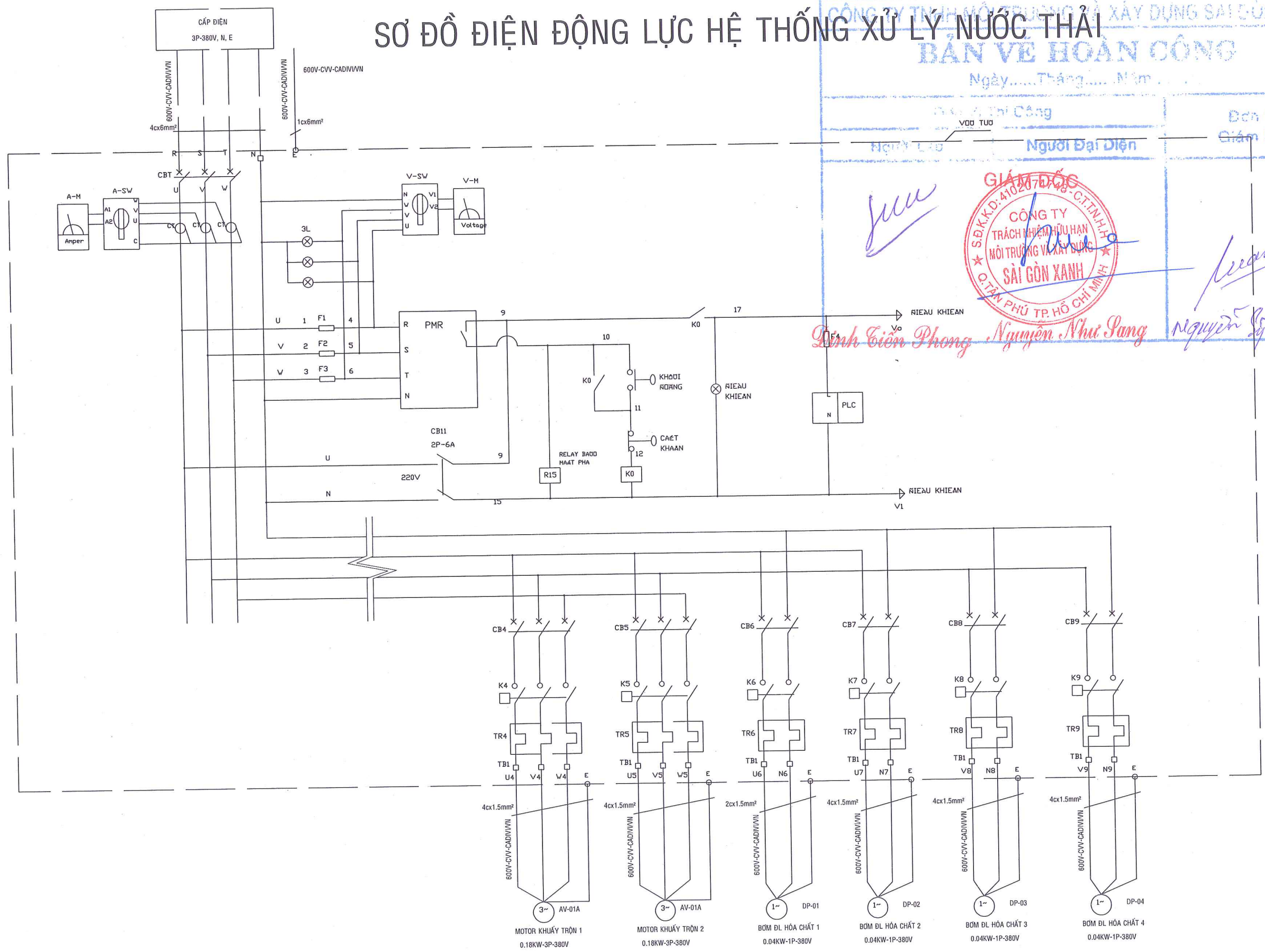
SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người Đại Diện: *Suu*
 Ngày Lập:

Giám Đốc: *Suu*
 Công Ty TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 S.B.K.K.D: 410207008-C.T. TN.H.X
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

Đơn vị Giám Sát: *Nguyễn Văn Hoàn*
 Ngày Lập:



KÝ HIỆU:

CB	K	TR	CT	A-SV	V-SV	A-M	V-H	PMR	K	TB1	PLC	3-	1-	F
ÁP TÔ MẮT	TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ CỦA KĐT	RELAY NHIỆT	BIẾN DÒNG	CHUYỂN MẠCH ĐÓNG	CHUYỂN MẠCH ĐO VÒN	ĐỒNG HỒ AMPER	ĐỒNG HỒ VÒN	BẢO VỆ MẤT PHA	KHOẢNG KHỖI ĐỘNG TỬ	DOMINO	BỘ ĐIỀU KHIỂN LOGIC LẬP TRÌNH	MOTOR 3 PHA	MOTOR 1 PHA	CẦU CHỈ ĐÈN HIỆU

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỒI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐỘNG LỰC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

Nguyễn Văn Hoàn
 Đại tá Nguyễn Thành Đặng

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

Giám Đốc: *Suu*
 Công Ty TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
 Q. TÂN PHÚ TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC: *Suu*
 NGUYỄN NHƯ SANG
 PHỤ TRÁCH THI CÔNG: *Suu*
 ĐINH TIẾN PHONG
 VẼ: *Hsu*
 NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ 03HTD	LOẠI THIẾT KẾ	
	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

SƠ ĐỒ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

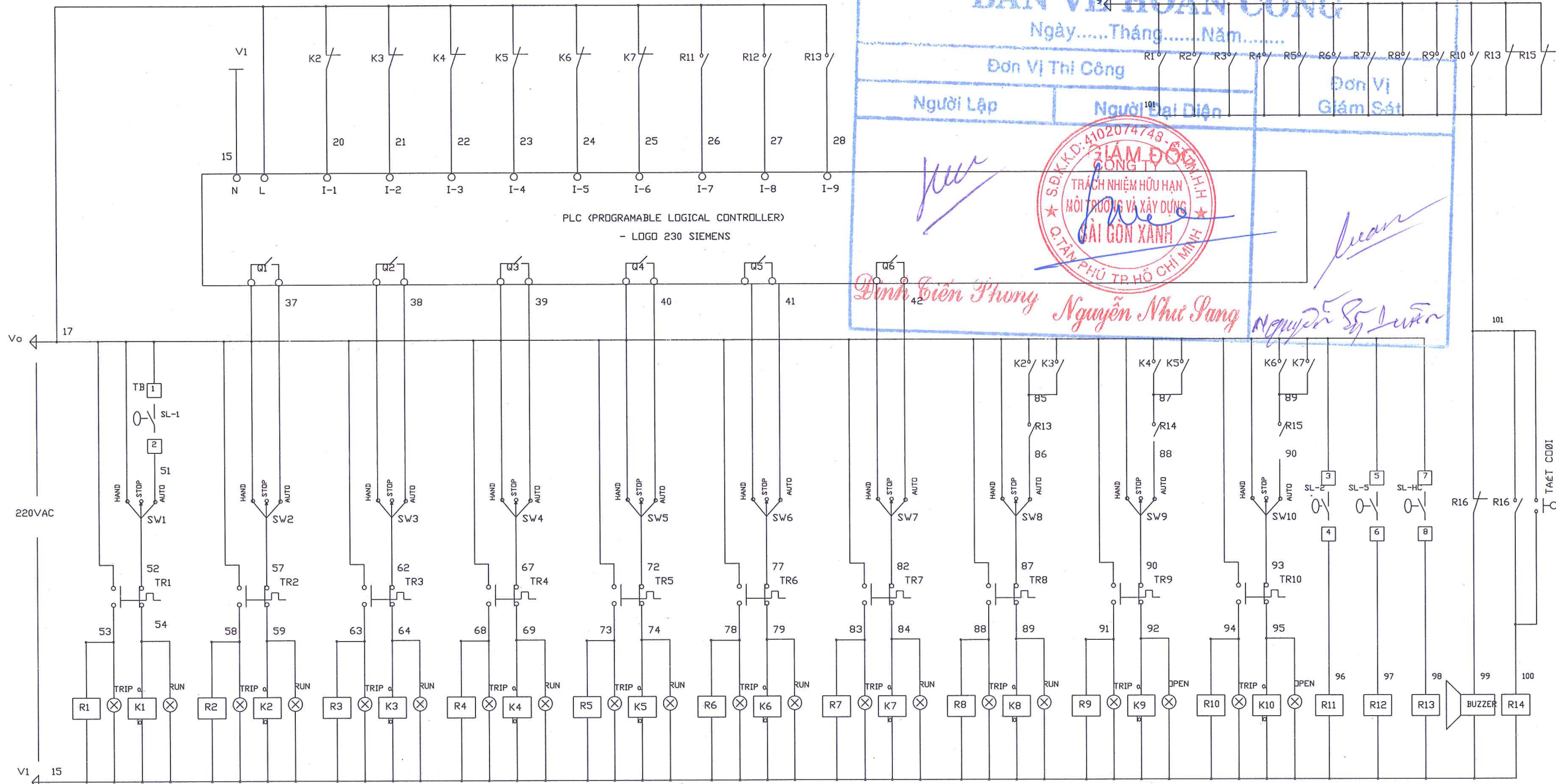
Đơn Vị Thi Công: _____

Đơn Vị Giám Sát: _____

Người Lập: _____

Người Đại Diện: _____

Trần Tiên Phong Nguyễn Như Sang Nguyễn Sỹ Luân



KÝ HIỆU	WP-01/A/B	WP-02A	WP-02B	AB-01/A/B	WP-03	WP-04A	WP-04B	DP-01/A/B	DP-02/A/B	AV-01/A/B	SL-2	SL-5	SL-HC	BUZZER
TÊN	BƠM NT BỂ GOM	BƠM NT BỂ ĐIỀU HÒA	BƠM NT BỂ ĐIỀU HÒA	MÁY THỔI KHÍ	BƠM BÙN DỪ	BƠM SINH HỌC	BƠM SINH HỌC	BƠM HÓA CHẤT	BƠM HÓA CHẤT	MOTOR KHẤY TRỘN	phao mực nước			CÒI
CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG	Đẩy ON, với OFF Đẩy OFF, với ON theo phao SL-1+2	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC - Đẩy ON, với OFF theo phao SL-3+4 - Đẩy OFF, với ON theo phao SL-3+4	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC	- Hoạt động ON/OFF	- Hoạt động luôn phiên theo thời gian PLC - Đẩy ON, với OFF theo PLC	- Hoạt động theo bơm bể sinh học	- Hoạt động ON/OFF	- Hoạt động ON/OFF	- Hoạt động ON/OFF	SL-1+2: phao bề thu gom SL-3+4: phao bề dh đẩy ON, với OFF đẩy OFF, với ON				Còi báo động: - bơm sự cố

CHÚ THÍCH:

CUỘN DÂY KHỞI ĐỘNG TỬ	RELAY NHIỆT	RELAY TRUNG GIAN	CHUYỂN MẠCH 3 VỊ TRÍ	NÚT NHẤN THƯỜNG ĐÓNG	NÚT NHẤN THƯỜNG MỞ	BỘ ĐIỀU KHIỂN LOGIC LẬP TRÌNH	ĐÈN BÁO HIỆU	CÒI BÁO ĐÓNG	PHAO MỨC NƯỚC	TIẾP ĐIỂM THƯỜNG ĐÓNG	TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ	DOMINO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
Q = 100M³/NGÀY. ĐÊM

GỒI THẦU SỐ 16:
CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH
Nguyễn Thành Đặng

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN NHƯ SANG
PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
ĐINH TIẾN PHONG
VẼ:
NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HDXD
BẢN VẼ SỐ	LOẠI THIẾT KẾ	
04HTD	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

BỐ TRÍ TỦ ĐIỀU KHIỂN

Đơn Vị Thi Công		Đơn Vị Giám Sát
Người Lập	Người Đại Diện	

DỰ ÁN:
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT
 Q = 100M³/NGÀY. ĐỀM

GÓI THẦU SỐ 16:
 CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

HẠNG MỤC:
 LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TÊN BẢN VẼ
**BỐ TRÍ TỦ ĐIỆN
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
 BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TRÀ VINH

TƯ VẤN GIÁM SÁT:
 BAN QLDA XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ
 CÔNG NGHIỆP TRÀ VINH

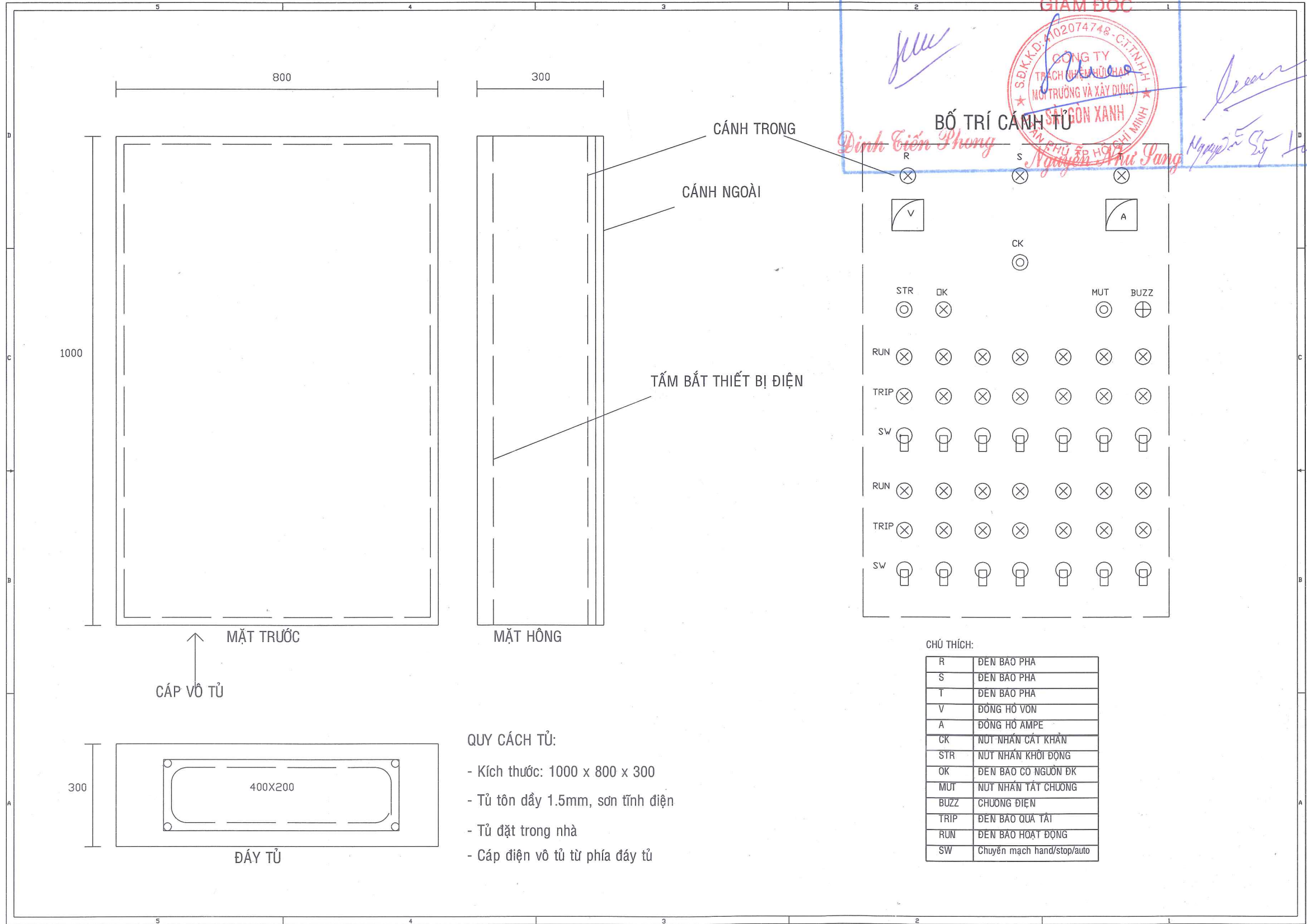
NHÀ THẦU THI CÔNG:
 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ
 XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH

GIÁM ĐỐC:
 NGUYỄN NHƯ SANG

PHỤ TRÁCH THI CÔNG:
 ĐINH TIẾN PHONG

VẼ:
 NGUYỄN VĂN HOÀN

TỶ LỆ	HỢP ĐỒNG SỐ	20/2013/HĐXD
	LOẠI THIẾT KẾ	
BẢN VẼ SỐ	SỐ LƯỢNG	07 BỘ
05HTD	NGÀY HOÀN THÀNH	15/11/2013

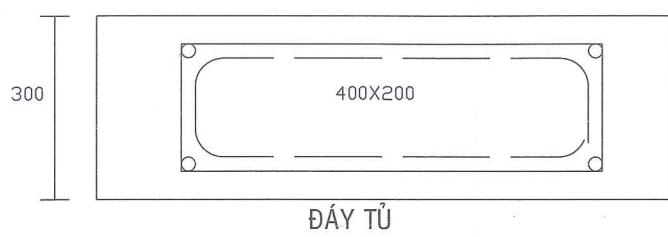


GIÁM ĐỐC
 (Red circular stamp: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH)
 (Handwritten signature: Nguyễn Như Sang)

CHÚ THÍCH:

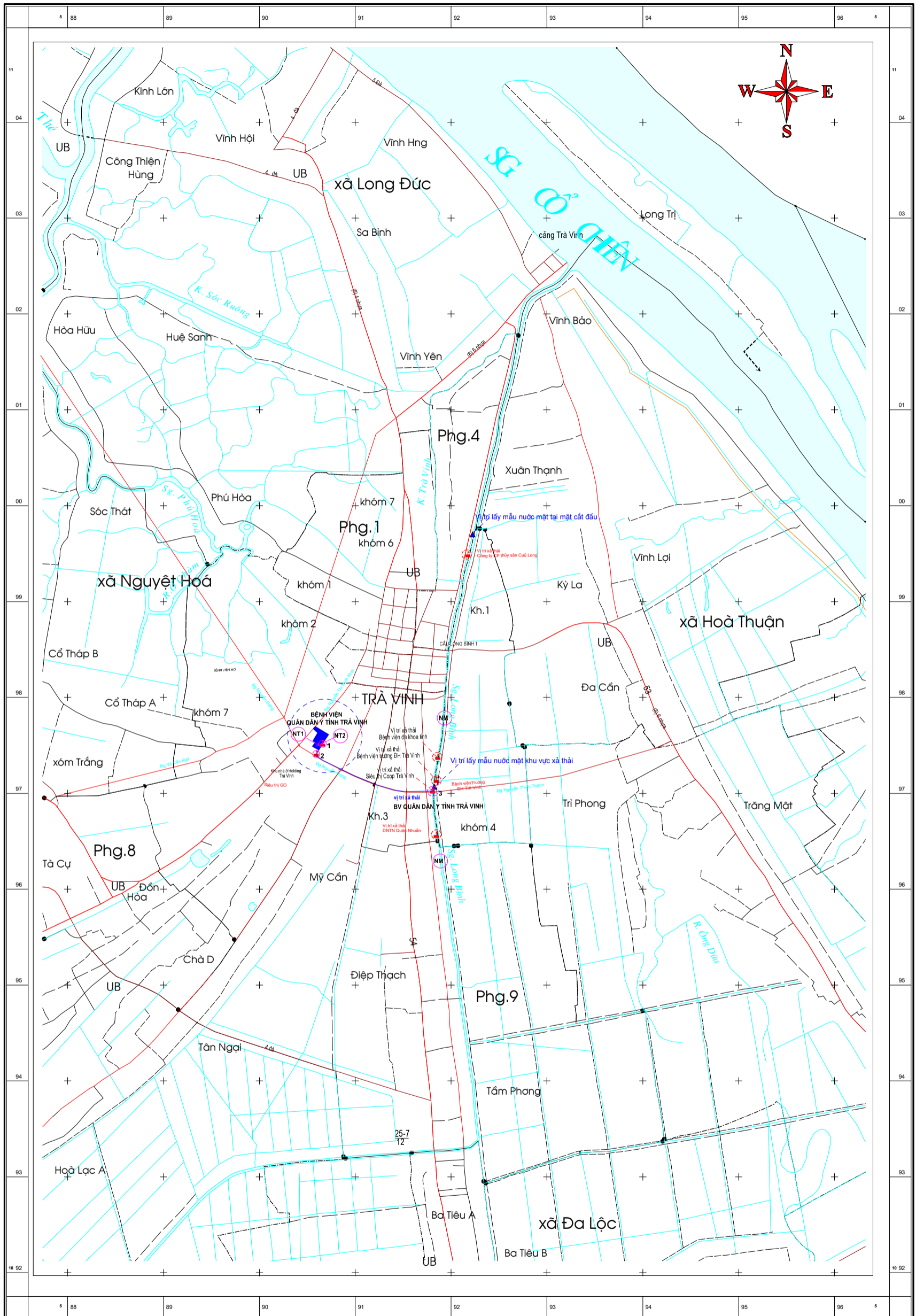
R	ĐÈN BẢO PHA
S	ĐÈN BẢO PHA
T	ĐÈN BẢO PHA
V	ĐỒNG HỒ VON
A	ĐỒNG HỒ AMPE
CK	NÚT NHẤN CẮT KHẨN
STR	NÚT NHẤN KHỞI ĐỘNG
OK	ĐÈN BẢO CƠ NGUỒN ĐK
MÚT	NÚT NHẤN TẮT CHƯƠNG
BUZZ	CHƯƠNG ĐIỆN
TRIP	ĐÈN BẢO QUẢ TÀI
RUN	ĐÈN BẢO HOẠT ĐỘNG
SW	Chuyển mạch hand/stop/auto

- QUY CÁCH TỦ:
- Kích thước: 1000 x 800 x 300
 - Tủ tôn dày 1.5mm, sơn tĩnh điện
 - Tủ đặt trong nhà
 - Cấp điện vỏ tủ từ phía đáy tủ



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU VÀ CÁC NGUỒN XẢ THẢI LÂN CẬN

BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH



GHI CHÚ:

- ① vị trí xả thải sau hệ thống xử lý đầu nối vào công thoát nước khu vui chơi (X=1098004; Y=591176)
- ② vị trí xả thải nối ra cống thoát nước công cộng (X=1097894; Y=591114)
- ③ vị trí xả thải ra nguồn tiếp nhận sông Long Bình (X=1097539; Y=592311)
- NT1 vị trí xả thải trước hệ thống xử lý
- NT2 vị trí xả thải sau hệ thống xử lý
- NM vị trí lấy mẫu nước mặt quan trắc định kỳ

BỆNH VIỆN
QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH, LƯU LƯỢNG XẢ NƯỚC THẢI 100 M3/NGÀY ĐÊM

BỆNH VIỆN QUÂN DÂN Y TỈNH TRÀ VINH
ĐỊA CHỈ: KHÓM 6, PHƯỜNG 7, TP. TRÀ VINH, TRÀ VINH